

Kubota

www.kubota.co.jp

Copyright © 2011–2017 by Kubota Corporation. All rights reserved

L
3
2
1
8

ILLUSTRATED PARTS LIST
DANH SÁCH MINH HỌA PHỤ TÙNG
DAFTAR KOMPONEN YANG DIGAMBARKAN

KUBOTA

MODEL
KIỂU
MODEL **L3218**

TRACTOR
BỘ PHẬN
TRAKTOR



Kubota

97898-27610

AUG.
Tháng Tám 2017
Agustus

NOTICE

- This Parts List is for the following purposes.
- 1. When ordering parts, check with this Parts List to confirm the part number and the name of parts.
 - 2. When making repairs, refer to the illustrations in this Parts List.
 - 3. This Parts List is subject to change without notice.

CHÚ Ý

- Danh sách các mục phụ tùng này nhằm những mục đích sau.
- 1. Khi phân loại phụ tùng, kiểm tra theo danh sách để xác nhận mã phụ tùng và tên phụ tùng.
 - 2. Khi tiến hành sửa chữa, tham khảo hình minh họa trong danh sách phụ tùng này.
 - 3. Danh sách phụ tùng này có thể thay đổi mà không báo trước.

PEMBERITAHUAN

- Daftar Komponen ini adalah untuk tujuan sebagai berikut.
- 1. Saat memesan komponen, periksa Daftar Komponen ini untuk mengonfirmasi nomor komponen dan nama komponen.
 - 2. Saat melakukan perbaikan, lihat ilustrasi pada Daftar Komponen ini.
 - 3. Daftar Komponen ini dapat berubah tanpa pemberitahuan terlebih dahulu.

KALPIS.No.		TLK1000237		
BLOCK No.	LINE No.	A(1)	B(2)	C(3)
01	01 (ENG.)	1J868-10000 D1803-M-DI-E-TS2T		
02	01	TC818-15100 L3218DT-PH	TC817-15100 L3218DT-VN	TC819-15100 L3218DT-ID

DESIGN CHANGE No. SỐ THAY ĐỔI THIẾT KẾ
No. PERUBAHAN RANCANGAN
TC822—0108
TC832—0149
1G700—2261

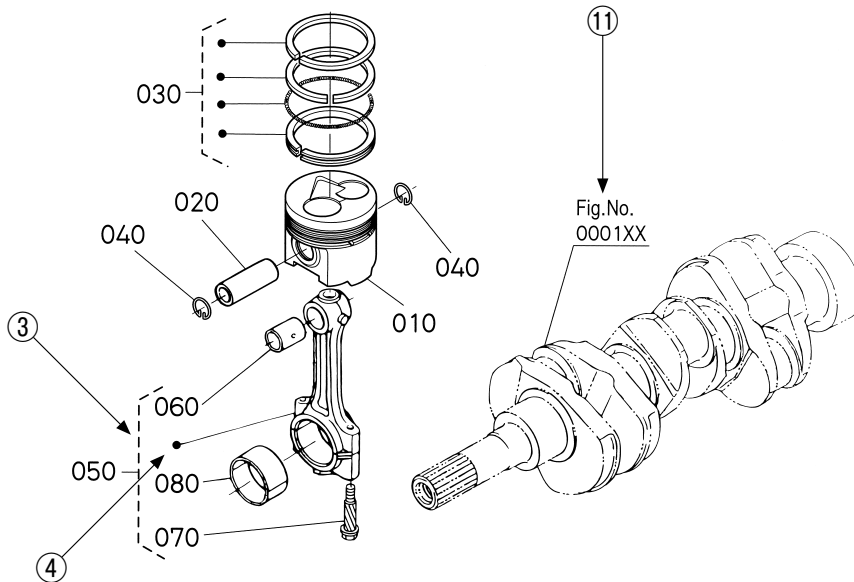
INSTRUCTIONS CÁC HƯỚNG DẪN PETUNJUK

①
010200

PISTON AND CRANKSHAFT
PÍT-TÔNG VÀ TRỤC KHUỖY
PISTON DAN POROS ENKOL

②
(B)
(B)
(B)

⑩ → S.No. ; A: ≤ 15000, B: 14000 to 15000
Số sê-ri ; A: ≤ 15000, B: 14000 đến 15000
No.SERIAL ; A: ≤ 15000, B: 14000 hingga 15000



REF.No. SỐ THAM KHẢO No.REFERENS	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PART NAME	TÊN PHỤ TÙNG	NAMA SUKU CADANG	Q'TY / S.No. SỐ LƯỢNG/Số sê-ri No.KUANTITAS/SERIAL		I.C. I.C. I.C.	REMARKS LƯU Ý KETERANGAN
					A	B		
010	15800-0000-0	PISTON	PÍT-TÔNG	PISTON	1 ≤ 15000	1 ≤ 15000		(Example-1) (Ví dụ-1) (Contoh-1)
010	15800-0000-2	PISTON	PÍT-TÔNG	PISTON	1 ≥ 15001	1 ≥ 15001		
020	15800-1000-0	PIN, PISTON	CHỐT PÍT-TÔNG	PIN PISTON	1 ≤ 15000	1 ≤ 15000		(Example-2) (Ví dụ-2) (Contoh-2)
020	15800-1000-2	PIN, PISTON	CHỐT PÍT-TÔNG	PIN PISTON	1 ≥ 15001	1 ≥ 15001	≠	
030	15800-2000-0	ASSY PISTON RING	BỘ BẠC PÍT-TÔNG	RING PISTON, RAKITAN	1 ≤ 15000	1 ≤ 15000		(Example-3) (Ví dụ-3) (Contoh-3)
030	15830-2000-0	ASSY PISTON RING	BỘ BẠC PÍT-TÔNG	RING PISTON, RAKITAN	1 ≥ 15001	1 ≥ 15001	↔	

- ① Fig. No. Represents No. corresponding to each group name.
- ② Specifications The types and destinations of sister models are indicated. These indications are given to (for sister models) tell their relevant pages in this book.
- ③ Components The components of an assembly are identified by a bracket of dotted lines.
- ④ Point Indicates that the parts is not sold independently.
The assembly (Ref.No.050) containing the part needs to be ordered.
- ⑤ REF. No. Reference numbers are assigned to parts in the illustration. The code number of a part in the illustration can be identified by referring to the same reference number in the parts list.
- ⑥ Model name The name of the basic model is indicated in this column. Other applicable models are indicated on the "REMARKS" column ⑨.
- ⑦ S. No. Indicates a group of serial numbers to which a design change is applied.
(serial No.)

Engine Serial No.

8 7 J 0001

8 7 K A001

Lower 4 digits in Numerals or Alphabetical letter (A to Z) and Numerals (start 0001 to max Z999).

5th digit Alphabetical letter (Month of manufacture).

Month	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	A,B	C,D	E,F	G,H	J,K	L,M	N,P	Q,R	S,T	U,V	W,X	Y,Z

6th digit Numerals or Alphabetical letter (Year of manufacture).

Year	1998	1999	2000	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12
	W	X	Y	1	2	3	4	5	6	7	8	9	A	B	C
Year	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	D	E	F	G	H	J	K	L	M	N	P	R	S	T	V

7th digit Numerals or Alphabetical letter (The factory line identifying).

Identifying	1	2	3	4	5	6	7	8	A	B	C
-------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

- ⑧ I. C. Indicates the interchangeability of parts due to design change.
(interchangeability)
- Example-1 ← indicates that a new part can replace an old part, but not vice versa.
15800-0000-0 is applicable to the first serial number to S. No. 15000.
15800-0000-2 is applicable to the first serial number and above.
- Example-2 ≠ indicates that the new and old parts are not interchangeable.
15800-1000-0 is applicable to the first serial number to S. No. 15000.
15800-1000-2 is applicable to S. No. 15001 and above.
- Example-3 ↔ indicates that the new and old parts are interchangeable. Both 15800-2000-0 and 15830-2000-0 are applicable to the first serial number and above.
- ⑨ REMARKS 1 In this column, enter other applicable model names, dimensions and other special items.
The following symbols and abbreviations are used throughout this book.
29 * 12.00-15 ... Tire size sq.m ... m² sq.mm ... mm²
cu.m ... m³ cu.mm ... mm³ D ... Diameter L ... Length
W/G No. ... Whole goods number.
STD ... Standard SET ... Set sale T ... Teeth
OLD ... Old parts, old shapes or old models
NEW ... New parts, new shapes or new models

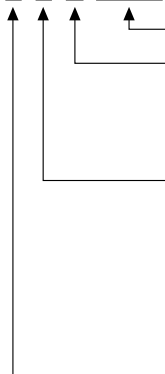
- ⑩ REMARKS 2 The following expressions are used in NOTE for each group.
Machines' serial numbers are indicated as follows.
<=15000 Serial number below 15000.
>=15001 Serial number above 15001.
14000 to 15000 Serial number 14000 to 15000.
For some models, the above expressions may also be used REMARKS 1 ⑨.
- ⑪ Fig. No. Indicates the numbers of figures for the parts that are shown in virtual images.
(virtual images) A figure numbers with XX means that there are two or more figures depending on the sister models or the production lots.

- ① Số hình Số miêu tả tương ứng với tên của mỗi nhóm
- ② Đặc tính kỹ thuật Loại và đặc điểm riêng của các mẫu cùng kiểu. Chỉ dẫn này cho thấy những trang có (cho các mẫu cùng kiểu) liên quan.
- ③ Thành phần Các thành phần của một bộ phận được nhận biết bởi một dấu ngoặc của các đường chấm gạch.
- ④ Điểm Cho biết các phụ tùng không được bán rời.
Bộ phận này (tham khảo số 050) gồm phụ tùng cần thiết được lắp đặt
- ⑤ SỐ THAM KHẢO Số tham khảo của các mục phụ tùng trong hình minh họa. Mã số trong hình được nhận ra bằng số tham khảo tương ứng trong danh mục.
- ⑥ Tên mẫu Tên của cột hiển thị tên mẫu phụ tùng đặc trưng. Các thiết bị (phụ tùng) tương ứng khác được trình bày trong phần “CHÚ Ý” ở cột số ⑨.
- ⑦ Số sê-ri Nhóm số sê-ri của phụ tùng ứng dụng riêng.

Số động cơ

8 7 J 0001

8 7 K A001



4 chữ số hoặc chữ cái (từ A đến Z) và chữ số (bắt đầu từ 0001 đến lớn nhất là Z999)
Con số thứ 5 Bảng chữ cái (tháng sản xuất)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	A,B	C,D	E,F	G,H	J,K	L,M	N,P	Q,R	S,T	U,V	W,X	Y,Z

Con số thứ 6 Chữ cái hoặc số (năm sản xuất).

Năm	1998	1999	2000	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12
	W	X	Y	1	2	3	4	5	6	7	8	9	A	B	C
Năm	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	D	E	F	G	H	J	K	L	M	N	P	R	S	T	V

Con số thứ 7 Chữ cái hoặc số (Xác định dòng factory).

Xác định	1	2	3	4	5	6	7	8	A	B	C
----------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

- ⑧ I. C. Chỉ ra đặc tính có thể hoán đổi của loại phụ tùng.
(đặc tính có thể hoán đổi)
Ví dụ-1 ← chỉ mục phụ tùng mới có thể thay thế, nhưng không được sử dụng ngược lại.
15800-0000-0 có thể áp dụng được từ số sê-ri đầu tiên đến số 15000.
15800-0000-2 có thể áp dụng được từ số sê-ri đầu tiên và cao hơn.
Ví dụ-2 ≠ cho thấy các phụ tùng mới và cũ không thể hoán đổi được.
15800-1000-0 có thể áp dụng được từ số sê-ri đầu tiên đến số 15000.
15800-1000-2 có thể áp dụng được đến số sê-ri 15001 và cao hơn.
Ví dụ-3 ↔ cho thấy phụ tùng mới và cũ có thể hoán đổi được. Cả số 15800-2000-0 và 15830-2000-0 có thể áp dụng được từ số sê-ri đầu tiên và cao hơn.
- ⑨ CHÚ Ý 1 Cột này ghi các tên kiểu phụ tùng khác có thể áp dụng được và các hạng mục đặc biệt khác. Các biểu tượng và các chữ viết tắt sau được dùng trong tài liệu này.
29* 12.00-15 ... Kích cỡ lốp xe m² ... Mét vuông mm² ... Milimét vuông
m³ ... Mét khối mm³ ... Milimét khối D ... Đường kính L ... Chiều dài
W/G No. ... Tổng cộng số hàng hóa.
OLD ... CU NEW ... MỚI Standard(STD) ... Tiêu chuẩn SET ... NHÓM
T ... Số gear răng
SUITABILITY ... Chọn ACCESSORIES ... CÁC PHỤ TÙNG PHỤ KIỆN
OPTION ... TÙY CHỌN

- ⑩ CHÚ Ý 2 Diễn đạt sau đây được dùng trong mục LƯU Ý cho mỗi nhóm.
Số sê-ri của máy được trình bày như sau.
≤15000 Số sê-ri thấp hơn 15000.
≥15001 Số sê-ri lớn hơn 15001.
14000 đến 15000 Số sê-ri từ 14000 đến 15000.
Ở một vài kiểu, các diễn đạt bên trên cũng có thể được dùng ở cột CHÚ Ý 1 ⑨.
- ⑪ Số hình Chỉ ra số hình của phụ tùng được trình bày trong những hiển thị tương ứng.
(các hình thực) Hình có số XX nghĩa là có hai hoặc nhiều hình hơn phụ thuộc vào các mẫu cùng kiểu hoặc lô sản xuất.

- ① No. Gambar Mewakili No. sesuai dengan tiap nama grup.
- ② Spesifikasi Jenis dan tujuan model serupa ditunjukkan. Indikasi ini diberikan untuk memberi tahu (untuk model serupa) halaman yang relevan di buku ini.
- ③ Komponen Komponen dari rakitan ditunjukkan oleh tanda kurung dengan garis putus-putus.
- ④ Poin Menunjukkan bahwa komponen tidak dijual secara terpisah.
Rakitan (No. Ref. 050) yang terdiri dari komponen yang perlu dipesan.
- ⑤ REF. No Nomor referensi ditetapkan ke komponen pada ilustrasi. Nomor kode komponen pada ilustrasi dapat diidentifikasi dengan merujuk ke nomor referensi yang sama di daftar komponen.
- ⑥ Nama model Nama model dasar ini ditunjukkan dalam kolom ini. Model lain yang berlaku ditunjukkan pada kolom "KETERANGAN" ⑨.
- ⑦ No. S. Menunjukkan grup nomor seri yang menerapkan perubahan rancangan.
(No. seri)

No. Seri Mesin

8 7 J 0001

8 7 K A001

Turunkan 4 digit pada Angka atau Huruf Alfabetis (A hingga Z) dan Angka (mulai 0001 hingga maks. Z999).

Angka ke-5 Huruf Alfabetis (Bulan produksi).

Bulan	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	A,B	C,D	E,F	G,H	J,K	L,M	N,P	Q,R	S,T	U,V	W,X	Y,Z

Angka ke-6 Angka atau Huruf Alfabetis (Tahun produksi).

Tahun	1998	1999	2000	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12
	W	X	Y	1	2	3	4	5	6	7	8	9	A	B	C
Tahun	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	D	E	F	G	H	J	K	L	M	N	P	R	S	T	V

Angka ke-7 Angka atau Huruf Alfabetis (Pengidentifikasi lini pabrik).

Mengidentifikasi	1	2	3	4	5	6	7	8	A	B	C
------------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

- ⑧ I. C. Menunjukkan pertukaran komponen karena perubahan rancangan.
(pertukaran)
Contoh-1 ← menunjukkan komponen baru dapat menggantikan komponen yang lama, tetapi tidak sebaliknya.
15800-0000-0 dapat diterapkan ke nomor seri pertama hingga No. S. 15000.
15800-0000-2 dapat diterapkan ke nomor seri pertama dan di atasnya.
- Contoh-2 ≠ menunjukkan bahwa komponen baru dan lama tidak dapat ditukar.
15800-1000-0 dapat diterapkan ke nomor seri pertama hingga No. S. 15000.
15800-1000-2 dapat diterapkan ke No. S. 15001 dan di atasnya.
- Contoh-3 ↔ menunjukkan bahwa komponen baru dan lama dapat ditukar. Baik 15800-2000-0 maupun 15830-2000-0 dapat diterapkan ke nomor seri pertama dan di atasnya.
- ⑨ KETERANGAN 1 Pada kolom ini, masukkan nama model, dimensi, dan item khusus lain yang dapat diterapkan. Simbol dan singkatan berikut digunakan di seluruh buku ini.
29 * 12.00-15 ... Ukuran ban m persegi ... m² mm persegi ... mm²
m kubik ... m³ mm kubik ... mm³ D ... Diameter L ... Panjang
No. W/G ... Nomor barang keseluruhan.
STD ... Standar SET ... Atur diskon T ... Gigi
LAMA ... Komponen lama, bentuk lama, atau model lama
BARU ... Komponen baru, bentuk baru, atau model baru

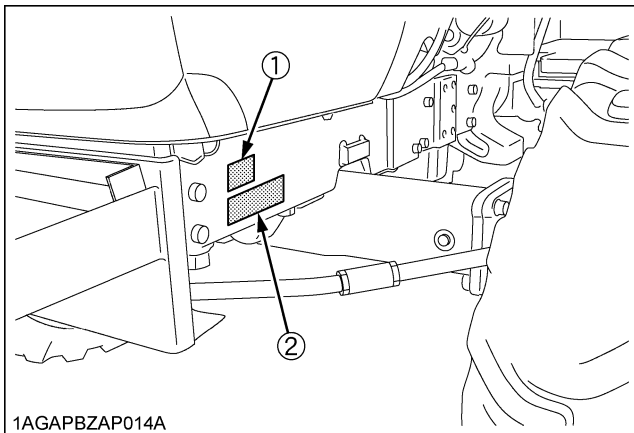
- ⑩ KETERANGAN 2 Ungkapan berikut digunakan pada CATATAN untuk tiap kelompok.
Nomor seri mesin ditunjukkan sebagai berikut.
<=15000 Nomor seri di bawah 15000.
>=15001 Nomor seri di atas 15001.
14000 hingga 15000 Nomor seri 14000 hingga 15000.
Untuk beberapa model, ungkapan di atas juga dapat digunakan KETERANGAN 1 ⑨.
- ⑪ No. Gambar Menunjukkan bilangan angka untuk komponen yang ditunjukkan di gambar virtual.
(gambar virtual) Bilangan angka XX berarti ada dua angka atau lebih bergantung pada model serupa atau lot produksi.

SERIAL NUMBER

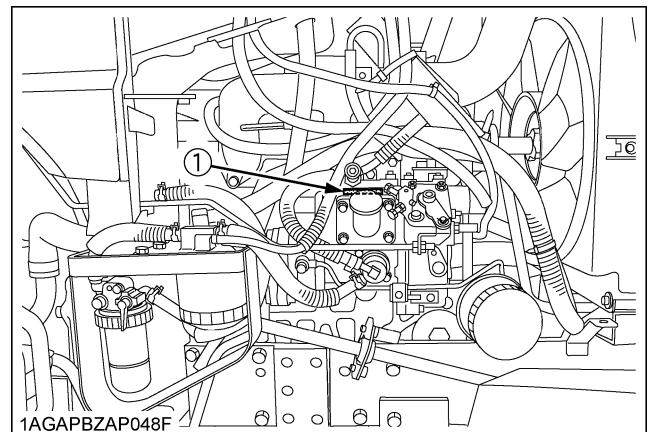
The model name, machine number and engine number of this product are described in their respective positions, as shown below. Note that their positions may be different depending on the specifications.

Check the specifications of the product.

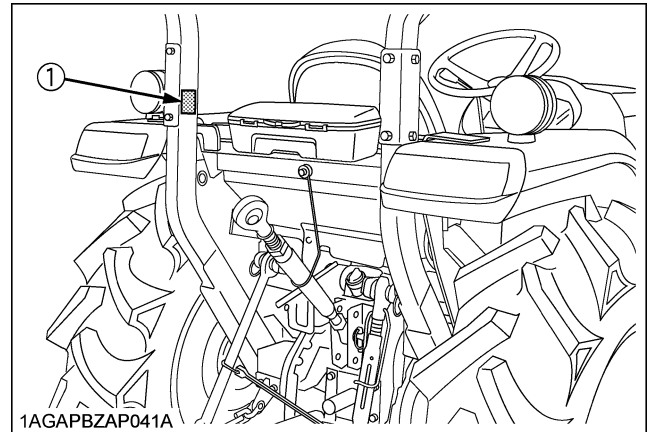
	Type	Serial No.
Tractor		
ROPS		
Engine		
Date of Purchase		
Name of Dealer		
(To be filled in by purchaser)		



(1) Tractor identification plate
(2) Tractor serial number



(1) Engine serial number



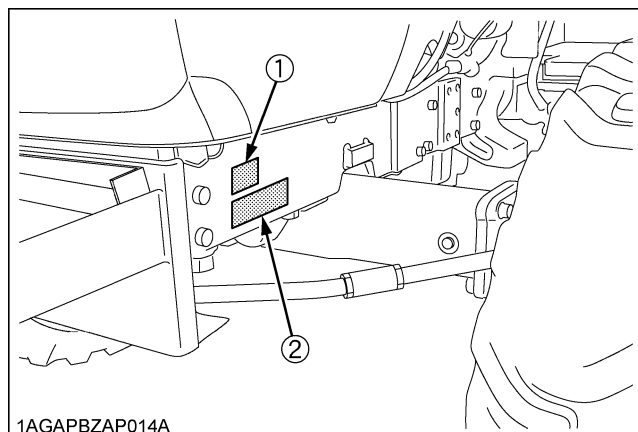
(1) ROPS identification plate (ROPS Serial No.)

SỐ XÊ-RI

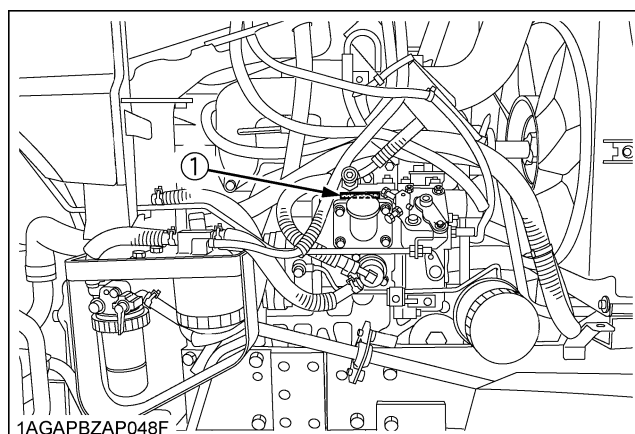
Tên mẫu, số máy và số động cơ của sản phẩm này được miêu tả trong các vị trí tương ứng như trình bày ở dưới đây. Chú ý rằng các vị trí của chúng có thể khác nhau tùy vào đặc tính kỹ thuật.

Kiểm tra các đặc tính kỹ thuật của sản phẩm.

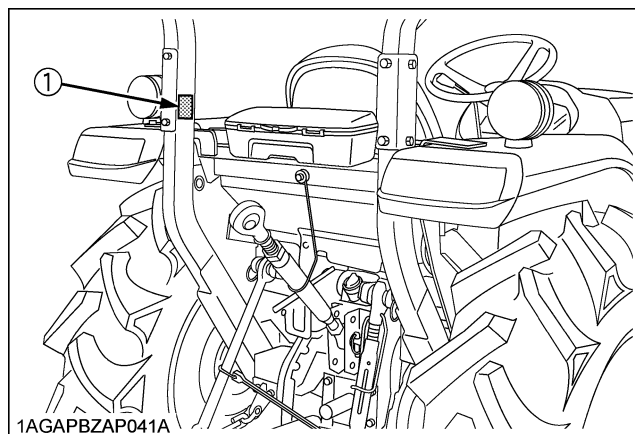
	Loại	Số Seri
Máy Kéo		
Động cơ		
Ngày Mua		
Tên Đại Lý		
(Do người mua điền vào)		



(1) Biển nhận dạng máy kéo
(2) Số seri máy kéo



(1) Số seri động cơ

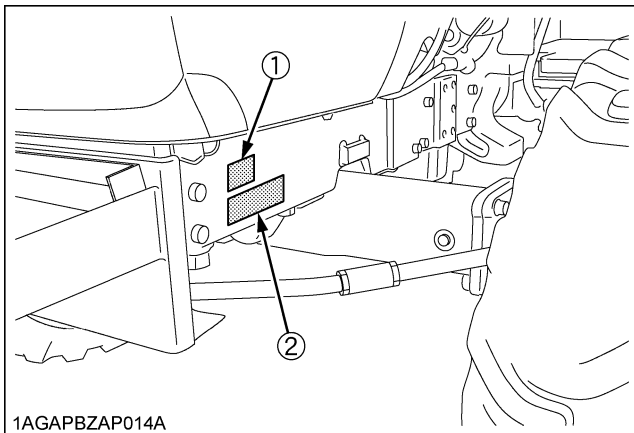


(1) Biển nhãn dạng ROPS (Số seri ROPS)

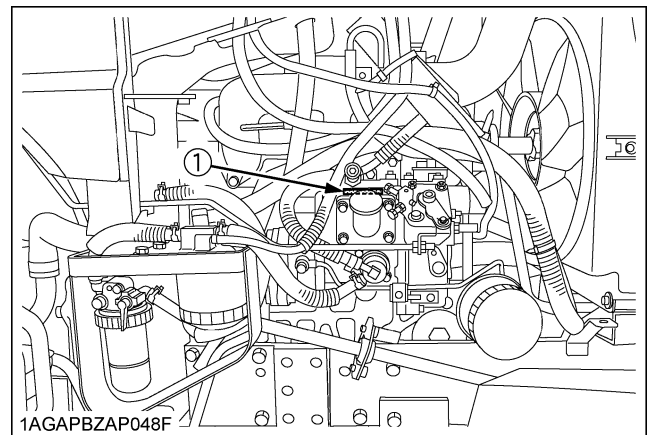
NOMOR SERI

Nama model, nomor mesin, dan nomor mesin dari produk ini dijelaskan pada posisinya masing-masing, seperti yang ditunjukkan di bawah. Harap diingat bahwa posisinya mungkin berbeda bergantung pada spesifikasi. Periksa spesifikasi produk.

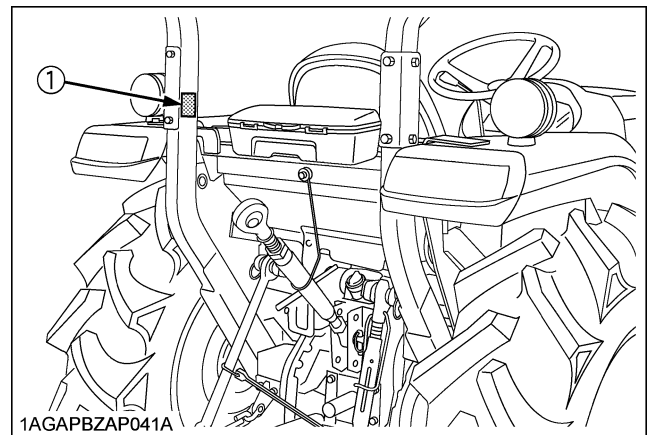
	Tipe	No. Seri
TRAKTOR		
ROPS		
Mesin		
Tanggal Pembelian		
Nama Dealer		
(Diisi oleh pembeli)		



(1) Pelat identifikasi traktor
(2) Nomor seri traktor



(1) Nomor seri mesin



(1) Pelat identifikasi ROPS (No.Seri ROPS)

CONTENTS

[D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T]	A53000 STARTER [COMPONENT PARTS].....	41
000100 CRANKCASE.....	A53300 BREATHER TUBE (SOLENOID/STARTER).....	42
000200 OIL PAN.....	A53500 BATTERY.....	43
000300 CYLINDER HEAD.....		
000400 GEAR CASE.....	[D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T]	
000500 HEAD COVER.....	B00100 SWITCH/SENSOR (ENGINE).....	44
000600 OIL FILTER.....		
010000 MAIN BEARING CASE.....	[L3218DT-PH, L3218DT-VN, L3218DT-ID]	
010100 CAMSHAFT AND IDLE GEAR SHAFT.....	B10200 SWITCH/RELAY.....	45
010200 PISTON AND CRANKSHAFT.....	B10300 SWITCH/SENSOR.....	46
010300 FLYWHEEL.....	B11500 PANEL.....	47
010500 FUEL CAMSHAFT.....	B12000 PANEL BOARD [COMPONENT PARTS].....	48
020000 ENGINE STOP LEVER.....	B30300 HEAD LIGHT.....	49
020200 INJECTION PUMP.....	B31100 HAZARD LIGHT.....	50
020400 GOVERNOR.....	B31200 REAR LAMP.....	51
020500 SPEED CONTROL PLATE.....	B32000 WORK LIGHT (SIDE).....	52
020600 NOZZLE HOLDER AND GLOW PLUG.....	B50300 ELECTRICAL WIRING (ALTERNATOR/STARTER).....	53
050000 WATER FLANGE AND THERMOSTAT.....	B50500 ELECTRICAL WIRING (HEAD LIGHT/PANEL).....	54
050100 WATER PUMP.....	B50700 ELECTRICAL WIRING (REAR).....	55
060000 VALVE AND ROCKER ARM.....	C10100 CLUTCH.....	56
060100 INLET MANIFOLD.....	C20100 CLUTCH LEVER.....	57
	C30100 CLUTCH PEDAL.....	58
[L3218DT-PH, L3218DT-VN, L3218DT-ID]	C40100 CLUTCH HOUSING.....	59
060300 EXHAUST MANIFOLD/MUFFLER.....	C42000 TRANSMISSION CASE.....	60
060401 AIR CLEANER.....	D10100 MAIN SHAFT.....	61
060402 AIR CLEANER.....	D10500 COUNTERSHAFT.....	62
	D11500 SHUTTLE SHAFT.....	63
[D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T]	D11600 REVERSE SHAFT.....	64
070300 HYDRAULIC PUMP HOLDER.....	D11700 RANGE GEAR SHAFT.....	65
	D12500 SPIRAL BEVEL PINION.....	66
[L3218DT-PH, L3218DT-VN, L3218DT-ID]	D12700 DIFFERENTIAL REAR.....	67
095000 ENGINE ELECTRICAL PARTS.....	D13000 PTO COUNTERSHAFT.....	68
A01000 ACCELERATOR LEVER.....	D13500 PTO SHAFT.....	69
A02500 ACCELERATOR LINKAGE.....	D20100 MAIN GEAR SHIFT FORK.....	70
A10100 FUEL TANK.....	D20500 SHUTTLE SHIFT FORK.....	71
A12500 FUEL FILTER AND PIPE.....	D21700 RANGE GEAR SHIFT FORK.....	72
A13000 FUEL FILTER [COMPONENT PARTS].....	D22000 PTO GEAR SHIFT FORK.....	73
A14000 SEPARATOR AND FUEL PIPE.....	D22500 DIFFERENTIAL LOCK SHIFT FORK.....	74
A15000 SEPARATOR [COMPONENT PARTS].....	E10100 MAIN GEAR SHIFT LEVER.....	75
A19000 SOLENOID BREATHER TUBE.....	E10500 SHUTTLE SHIFT LEVER.....	76
A40100 FAN.....	E11300 SHUTTLE SHIFT ROD.....	77
A41000 WATER PIPE.....	E11400 RANGE GEAR SHIFT LEVER.....	78
A42000 RADIATOR.....	E12500 PTO GEAR SHIFT LEVER.....	79
A43000 RESERVE TANK.....	E14000 FRONT WHEEL DRIVE LEVER.....	80
A51500 ALTERNATOR.....		
A52500 STARTER.....		

CONTENTS

E15101	REAR AXLE LH.....	81	J11000	LOWER LINK.....	124
E15102	REAR AXLE LH.....	82	J11200	CHECK CHAIN.....	125
E15201	REAR AXLE RH.....	83	J11500	LIFT ROD.....	126
E15202	REAR AXLE RH.....	84	K11000	HITCH.....	127
E16100	BRAKE LH.....	85	L10100	FRONT GRILLE.....	128
E16200	BRAKE RH.....	86	L10201	HOOD (BONNET) FRONT SUPPORT.....	129
E17000	BRAKE ROD (BRAKE CAM).....	87	L10202	HOOD (BONNET) FRONT SUPPORT.....	130
E20100	BRAKE PEDAL.....	88	L10500	HOOD (BONNET) UPPER.....	131
E20200	PARKING BRAKE LEVER.....	89	L10800	HOOD (BONNET) DAMPER.....	132
F10501	FRONT AXLE FRAME.....	90	L12000	SIDE COVER.....	133
F10502	FRONT AXLE FRAME.....	91	L13001	SHUTTER PLATE.....	134
F12000	PROPELLER SHAFT.....	92	L13002	SHUTTER PLATE.....	135
F12200	FRONT WHEEL DRIVE SHAFT.....	93	L13501	HOOD (BONNET) REAR.....	136
F12500	FRONT DIFFERENTIAL CASE.....	94	L13502	HOOD (BONNET) REAR.....	137
F12600	FRONT DIFFERENTIAL CASE HOLDER.....	95	L20501	REARVIEW MIRROR.....	138
F12700	BEVEL GEAR (FRONT).....	96	L20502	REARVIEW MIRROR.....	139
F13000	DIFFERENTIAL (FRONT).....	97	L21000	FENDER.....	140
F14100	FRONT AXLE CASE LH.....	98	L21500	FLOOR SHEET.....	141
F14200	FRONT AXLE CASE RH.....	99	L22000	SEAT.....	142
F14600	BEVEL GEAR SHAFT LH.....	100	L22500	STEP.....	143
F14700	BEVEL GEAR SHAFT RH.....	101	L24000	TOOL BOX.....	144
F15100	FRONT AXLE LH.....	102	L30100	ROPS.....	145
F15200	FRONT AXLE RH.....	103	P10100	FRONT WHEEL (7-16) [OTANI].....	146
G10100	STEERING HANDLE.....	104	P11000	REAR WHEEL (11.2-24) [OTANI].....	147
G10500	UNIVERSAL JOINT.....	105	R10501	LABEL (FRONT).....	148
G10700	STEERING.....	106	R10502	LABEL (FRONT).....	149
G11200	STEERING [COMPONENT PARTS].....	107	R11000	LABEL (REAR).....	150
G11700	STEERING SUPPORT.....	108	S10500	ACCESSORIES AND SERVICE PARTS.....	151
G12000	STEERING LINKAGE (TIE ROD).....	109			
H12000	HYDRAULIC PUMP.....	110	■	NUMERICAL INDEX.....	152
[D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T]					
H12500	HYDRAULIC PUMP [COMPONENT PARTS].....	111			
[L3218DT-PH, L3218DT-VN, L3218DT-ID]					
H20500	HYDRAULIC OIL LINE (INLET).....	112			
H21000	HYDRAULIC OIL LINE (DELIVERY).....	113			
H22500	HYDRAULIC OIL LINE (PS).....	114			
H30000	HYDRAULIC CYLINDER CASE.....	115			
H30300	CYLINDER FRONT COVER.....	116			
H32000	LIFT ARM.....	117			
H33000	FEED BACK LEVER.....	118			
H40500	CONTROL VALVE.....	120			
H43200	SAFETY VALVE/RELIEF VALVE.....	121			
H44000	POSITION CONTROL LEVER.....	122			
J10500	TOP LINK.....	123			

NỘI DUNG

[D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T]		A41000	ỐNG NƯỚC.....	36
000100	CÁC TE.....	A42000	BỘ TẢN NHIỆT.....	37
000200	BỂ DẦU.....	A43000	BÌNH XĂNG PHỤ.....	38
000300	NẮP XILANH.....	A51500	MÁY GIAO ĐIỆN.....	39
000400	HỘP SỐ.....	A52500	BỘ PHẬN KHỞI ĐỘNG.....	40
000500	NẮP ĐẦU.....	A53000	CỦA BỘ PHẬN KHỞI ĐỘNG [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH].....	41
000600	BỘ LỌC DẦU.....	A53300	ỐNG THÔNG HƠI (SOLENOID/BỘ KHỞI ĐỘNG).....	42
010000	THÂN Ổ TRỤC CHÍNH.....	A53500	ẮC QUY.....	43
010100	TRỤC CAM VÀ TRỤC BÁNH RĂNG KHÔNG TẢI.....			
010200	PÍT-TÔNG VÀ TAY QUAY.....	[D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T]		
010300	BÁNH ĐÀ.....	B00100	CÔNG TẮC/CẢM BIẾN (ĐỘNG CƠ).....	44
010500	NHIÊN LIỆU TRỤC CAM.....			
020000	CẦN TẮT ĐỘNG CƠ.....	[L3218DT-PH, L3218DT-VN, L3218DT-ID]		
020200	BƠM PHUN.....	B10200	CÔNG TẮC RÔLE.....	45
020400	BỘ ĐIỀU CHỈNH.....	B10300	CÔNG TẮC CẢM BIẾN.....	46
020500	ĐĨA ĐIỀU KHIỂN TỐC ĐỘ.....	B11500	BẢNG ĐIỆN.....	47
020600	GIÁ ĐỠ VỎI PHUN VÀ BUGI SẤY NÓNG.....	B12000	BẢNG ĐIỆN [LINH KIỆN].....	48
050000	MẶT BÍCH NƯỚC VÀ BỘ ĐIỀU NHIỆT.....	B30300	ĐÈN TRƯỚC.....	49
050100	MÁY BƠM NƯỚC.....	B31100	ĐÈN BÁO NGUY HIỂM.....	50
060000	VÁN VÀ CẦN ĐẨY.....	B31200	ĐÈN HẬU.....	51
060100	ỐNG NẠP.....	B32000	ĐÈN CÔNG SỰ.....	52
		B50300	ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN (MÁY GIAO ĐIỆN/BỘ PHẬN KHỞI ĐỘNG).....	53
[L3218DT-PH, L3218DT-VN, L3218DT-ID]		B50500	MẠCH ĐIỆN.....	54
060300	ỐNG XẢ/ỐNG BƠ.....	B50700	ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN (SAU).....	55
060401	BỘ LỌC KHÍ.....	C10100	KHỚP LY HỢP.....	56
060402	BỘ LỌC KHÍ.....	C20100	CẦN LY HỢP.....	57
		C30100	BÀN ĐẠP LI HỢP.....	58
[D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T]		C40100	HỘP LI HỢP.....	59
070300	GIÁ KẸP BƠM THỦY LỰC.....	C42000	HỘP TRUYỀN ĐỘNG.....	60
		D10100	TRỤC CHÍNH.....	61
[L3218DT-PH, L3218DT-VN, L3218DT-ID]		D10500	TRỤC GIỮA.....	62
095000	CÁC BỘ PHẬN ĐIỆN ĐỘNG CƠ.....	D11500	TRỤC CON THOI.....	63
A01000	CẦN GA.....	D11600	TRỤC ĐẢO CHIỀU.....	64
A02500	DÂY GA.....	D11700	BIÊN ĐỘ TRỤC GẠT SỐ.....	65
A10100	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU.....	D12500	BÁNH RĂNG XOẮN HÌNH NÓN.....	66
A12500	BỘ LỌC NHIÊN LIỆU.....	D12700	BỘ VI SAI SAU.....	67
A13000	BỘ LỌC NHIÊN LIỆU [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH].....	D13000	TRỤC GIỮA PTO.....	68
A14000	TẮM CÁCH ĐIỆN VÀ ỐNG DẪN NHIÊN LIỆU.....	D13500	TRỤC PTO.....	69
A15000	CỦA BỘ TÁCH [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH].....	D20100	CHẠC GẠT SỐ CHÍNH.....	70
A19000	ỐNG THÔNG HƠI.....	D20500	CHẠC GẠT SỐ CON THOI.....	71
A40100	QUẠT.....	D21700	BIÊN ĐỘ CHẠC GẠT SỐ.....	72
		D22000	CHẠC GẠT SỐ PTO.....	73
		D22500	CHẠC GẠT KHÓA BỘ VI SAI.....	74
		E10100	CẦN SANG SỐ CHÍNH.....	75
		E10500	CẦN SANG SỐ CON THOI.....	76

NỘI DUNG

E11300	CAI THOI CÂN SANG SỐ.....	77	H30300	NẮP TRƯỚC XYLANH.....	116
E11400	CÂN SANG SỐ THEO DẪY.....	78	H32000	CÂN NÂNG.....	117
E12500	CÂN GẠT SỐ PTO.....	79	H33000	CÂN LIÊN HỆ NGƯỢC.....	118
E14000	CÂN LÁI BÁNH XE TRƯỚC.....	80	H40500	VAN ĐIỀU KHIỂN.....	120
E15101	TRỤC SAU TRÁI.....	81	H43200	VAN AN TOÀN/VAN GIẢM ÁP.....	121
E15102	TRỤC SAU TRÁI.....	82	H44000	CÂN ĐIỀU CHỈNH VỊ TRÍ.....	122
E15201	TRỤC SAU PHẢI.....	83	J10500	LIÊN KẾT ĐỈNH.....	123
E15202	TRỤC SAU PHẢI.....	84	J11000	KẾT NỐI PHÍA DƯỚI.....	124
E16100	PHANH TRÁI.....	85	J11200	XÍCH HẮM.....	125
E16200	PHANH PHẢI.....	86	J11500	THANH TRUYỀN NÂNG.....	126
E17000	PHANH TAY (PHANH CAM).....	87	K11000	MỐC.....	127
E20100	BÀN ĐÁP PHANH.....	88	L10100	LƯỚI TẢN NHIỆT TRƯỚC.....	128
E20200	CÂN ĐẨY GUỐC PHANH.....	89	L10201	NẮP ĐẬY TRƯỚC.....	129
F10501	KHUNG CẦU TRƯỚC.....	90	L10202	NẮP ĐẬY TRƯỚC.....	130
F10502	KHUNG CẦU TRƯỚC.....	91	L10500	NẮP PHÍA TRÊN.....	131
F12000	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG.....	92	L10800	BỘ GIẢM XÓC MUI (NẮP CA-PÔ).....	132
F12200	TRỤC LÁI BÁNH XE TRƯỚC.....	93	L12000	BAO CẠNH.....	133
F12500	VỎ VI SAI TRƯỚC.....	94	L13001	TẮM CỬA THÔNG GIÓ.....	134
F12600	GIÁ KẸP VỎ VI SAI TRƯỚC.....	95	L13002	TẮM CỬA THÔNG GIÓ.....	135
F12700	BÁNH RĂNG TRUYỀN ĐỘNG NÓN (TRƯỚC).....	96	L13501	NẮP ĐẬY SAU (MUI).....	136
F13000	BỘ VI SAI (TRƯỚC).....	97	L13502	NẮP ĐẬY SAU (MUI).....	137
F14100	HỘP TRỤC TRƯỚC TRÁI.....	98	L20501	KÍNH CHIẾU HẬU.....	138
F14200	HỘP TRỤC TRƯỚC PHẢI.....	99	L20502	KÍNH CHIẾU HẬU.....	139
F14600	TRỤC BÁNH RĂNG VI SAI TRÁI.....	100	L21000	BỘ GIẢM CHẤN.....	140
F14700	TRỤC BÁNH RĂNG VI SAI PHẢI.....	101	L21500	TẮM SÀN.....	141
F15100	CẦU XE TRƯỚC BÊN TRÁI.....	102	L22000	ĐỂ.....	142
F15200	CẦU XE TRƯỚC BÊN PHẢI.....	103	L22500	BUỐC.....	143
G10100	TAY NẮM HỆ THỐNG LÁI.....	104	L24000	HỘP CÔNG CỤ.....	144
G10500	KHỚP CÁC ĐĂNG.....	105	L30100	ROPS.....	145
G10700	HỆ THỐNG LÁI.....	106	P10100	BÁNH TRƯỚC (7-16) [OTANI].....	146
G11200	BỘ ĐIỀU KHIỂN TAY LÁI [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH].....	107	P11000	BÁNH SAU (11.2-24) [OTANI].....	147
G11700	HỆ THỐNG LÁI HỖ TRỢ.....	108	R10501	NHẪN (TRƯỚC).....	148
G12000	KHỚP LÁI (RÔTUYN).....	109	R10502	NHẪN (TRƯỚC).....	149
H12000	BƠM THỦY LỰC.....	110	R11000	NHẪN (SAU).....	150
			S10500	LINH PHỤ KIỆN.....	151
			■	SỐ THỨ TỰ DANH MỤC.....	152

[D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T,
D1803-M-DI-E-TS2T]

H12500 CỬA BƠM THỦY LỰC
[NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]..... 111

[L3218DT-PH, L3218DT-VN, L3218DT-ID]

H20500 ĐƯỜNG ỐNG DẪN DẦU THỦY
LỰC (ĐẦU VÀO)..... 112
H21000 ỐNG CẤP NƯỚC..... 113
H22500 ĐƯỜNG DẦU THỦY LỰC..... 114
H30000 HỘP XI-LANH THỦY LỰC..... 115

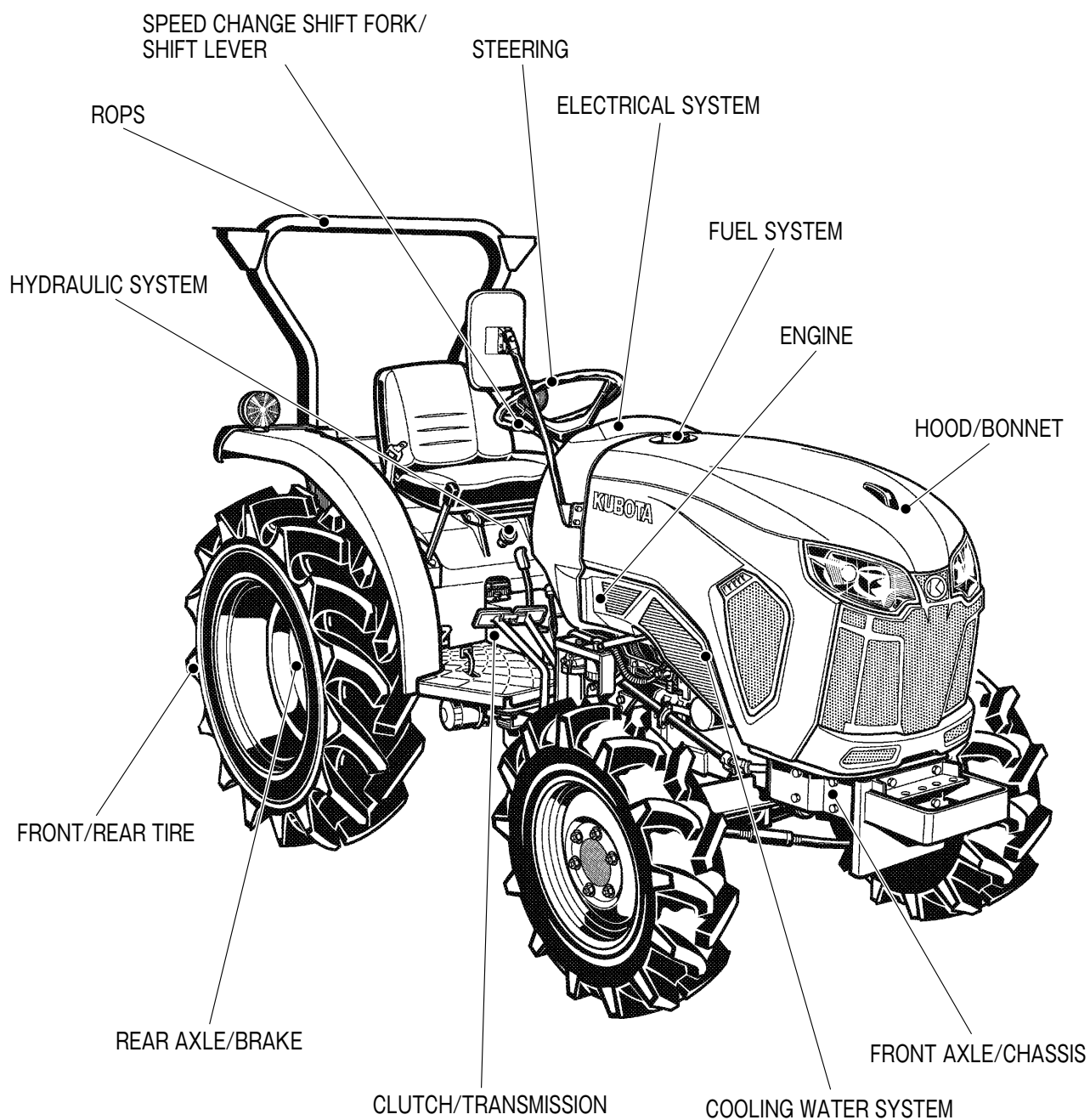
ISI

[D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T]	A42000	RADIATOR.....	37
000100 KOTAK ENKOL.....	A43000	TANGKI CADANGAN.....	38
000200 BEJANA MINYAK.....	A51500	ALTERNATOR.....	39
000300 KEPALA SILINDER.....	A52500	STARTER.....	40
000400 BAK RODA GIGI.....	A53000	STARTER	
000500 PENUTUP KEPALA.....		[SUKU CADANG KOMPONEN].....	41
000600 PENAPIS MINYAK.....	A53300	PIPA PENGUDARA	
010000 BAK BANTALAN UTAMA.....		(SOLENOID/STARTER).....	42
010100 POROS BUBUNGAN DAN POROS	A53500	BATERAI.....	43
RODA GIGI DIAM.....			
010200 PISTON DAN POROS ENKOL.....	[D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T]		
010300 RODA GAYA.....	B00100	SAKLAR/SENSOR (MESIN).....	44
010500 POROS BUBUNGAN BAHAN BAKAR.....			
020000 TUAS PENGHENTI MESIN.....	[L3218DT-PH, L3218DT-VN, L3218DT-ID]		
020200 POMPA INJEKSI.....	B10200	SAKELAR/RELAI.....	45
020400 PENGATUR.....	B10300	SAKLAR SENSOR.....	46
020500 PLAT KONTROL KECEPATAN.....	B11500	PAPAN PANEL.....	47
020600 DUDUKAN MULUT PIPA DAN BUSI	B12000	PAPAN PANEL	
PIJAR.....		[SUKU CADANG KOMPONEN].....	48
050000 FLENSA AIR/TERMOSTAT.....	B30300	LAMPU DEPAN.....	49
050100 POMPA AIR.....	B31100	LAMPU DARURAT.....	50
060000 KATUP DAN TUAS KATUP.....	B31200	LAMPU BELAKANG.....	51
060100 MANIFOLD INLET.....	B32000	LAMPU KERJA.....	52
	B50300	PENDAWAIAN LISTRIK	
[L3218DT-PH, L3218DT-VN, L3218DT-ID]		(ALTERNATOR/STARTER).....	53
060300 MANIFOL PEMBUANGAN/KNALPOT.....	B50500	PENDAWAIAN LISTRIK	
060401 PEMBERSIH UDARA.....		(LAMPU DEPAN/PANEL).....	54
060402 PEMBERSIH UDARA.....	B50700	PENDAWAIAN LISTRIK	
		(BELAKANG).....	55
[D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T]	C10100	KOPLING.....	56
070300 PEMEGANG POMPA HIDRAULIS.....	C20100	TUAS KOPLING.....	57
	C30100	PEDAL KOPLING.....	58
[L3218DT-PH, L3218DT-VN, L3218DT-ID]	C40100	RUMAH KOPLING.....	59
095000 BAGIAN KELISTRIKAN MESIN.....	C42000	BAK TRANSMISI.....	60
A01000 TUAS AKSELERATOR.....	D10100	POROS UTAMA.....	61
A02500 PENGHUBUNG AKSELERATOR.....	D10500	POROS AS.....	62
A10100 TANKI BAHAN BAKAR.....	D11500	PEMINDAH ULANG-ALIK.....	63
A12500 PENAPIS BAHAN BAKAR/PIPA	D11600	POROS PEMBALIK.....	64
BAHAN BAKAR.....	D11700	KISARAN PERSNELING.....	65
A13000 PENAPIS BAHAN BAKAR	D12500	PINION GIGI KERUCUT SPIRAL.....	66
[SUKU CADANG KOMPONEN].....	D12700	DIFERENSIAL BELAKANG.....	67
A14000 PIPA BAHAN BAKAR DAN	D13000	POROS AS PTO.....	68
PEMISAH.....	D13500	POROS PTO.....	69
A15000 PEMISAH	D20100	GARPU PERSNELING UTAMA.....	70
[SUKU CADANG KOMPONEN].....	D20500	GARPU PEMINDAH ULANG-ALIK.....	71
A19000 PIPA PENGUDARA SOLENOID.....	D21700	KISARAN GARPU GESER.....	72
A40100 KIPAS.....	D22000	GARPU PERSNELING PTO.....	73
A41000 PIPA AIR.....	D22500	POROS GARPU POROS KUNCI	
		DIFERENSIAL.....	74

ISI

E10100	TUAS PEMINDAH RODA GIGI UTAMA.....	75	H12500	POMPA HIDRAULIK [SUKU CADANG KOMPONEN].....	111
E10500	TUAS PEMINDAH ULANG-ALIK.....	76			
E11300	BATANG PEMINDAH MAJU MUNDUR.....	77		[L3218DT-PH, L3218DT-VN, L3218DT-ID]	
E11400	TUAS PEMINDAH RODA GIGI JANGKAUAN.....	78	H20500	SALURAN MINYAK HIDRAULIS (MASUKAN).....	112
E12500	TUAS PERSNELING PTO.....	79	H21000	SALURAN MINYAK HIDRAULIS (PENGIRIMAN).....	113
E14000	TUAS PENGGERAK RODA DEPAN.....	80	H22500	SALURAN OIL HIDROLIK (PS).....	114
E15101	GANDAR BELAKANG TANGAN KIRI.....	81	H30000	KOTAK SILINDER HIDRAULIS.....	115
E15102	GANDAR BELAKANG TANGAN KIRI.....	82	H30300	PENUTUP SILINDER DEPAN.....	116
E15201	GANDAR BELAKANG TANGAN KANAN.....	83	H32000	LENGAN PENGANGKAT.....	117
E15202	GANDAR BELAKANG TANGAN KANAN.....	84	H33000	TUAS UMPAN BELAKANG.....	118
E16100	REM TANGAN KIRI.....	85	H40500	KATUP KENDALI.....	120
E16200	REM TANGAN KANAN.....	86	H43200	KATUP PENGAMAN/KATUP RELIEF.....	121
E17000	BATANG REM (PENGGERAK REM).....	87	H44000	TUAS KENDALI POSISI.....	122
E20100	PEDAL REM.....	88	J10500	PENGHUBUNG ATAS.....	123
E20200	TUAS REM PARKIR.....	89	J11000	KIRI, BAWAH.....	124
F10501	BINGKAI GANDAR DEPAN.....	90	J11200	RANTAI PEMERIKSAAN.....	125
F10502	BINGKAI GANDAR DEPAN.....	91	J11500	PENGHUBUNG 3-TITIK (BATANG PENGANGKAT).....	126
F12000	POROS BALING-BALING.....	92	K11000	GANDENG.....	127
F12200	POROS PENGGERAK RODA DEPAN.....	93	L10100	KISI DEPAN.....	128
F12500	KOTAK DIFERENSIAL DEPAN.....	94	L10201	DUKUNGAN DEPAN KAP (BONET).....	129
F12600	PEMEGANG KOTAK DIFERENSIAL DEPAN.....	95	L10202	DUKUNGAN DEPAN KAP (BONET).....	130
F12700	RODA GIGI KERUCUT (DEPAN).....	96	L10500	KAP (BONET) ATAS.....	131
F13000	DIFERENSIAL (DEPAN).....	97	L10800	PEREDAM KAP (BONET).....	132
F14100	KOTAK GANDAR DEPAN TANGAN KIRI.....	98	L12000	PENUTUP SAMPING.....	133
F14200	KOTAK GANDAR DEPAN TANGAN KANAN.....	99	L13001	PELAT PENUTUP.....	134
F14600	POROS RODA GIGI KERUCUT KIRI.....	100	L13002	PELAT PENUTUP.....	135
F14700	POROS RODA GIGI KERUCUT KANAN.....	101	L13501	KAP (BONET) BELAKANG.....	136
F15100	GANDAR DEPAN KIRI.....	102	L13502	KAP (BONET) BELAKANG.....	137
F15200	GANDAR DEPAN KANAN.....	103	L20501	KACA SPION.....	138
G10100	GAGANG KEMUDI.....	104	L20502	KACA SPION.....	139
G10500	SAMBUNGAN UNIVERSAL.....	105	L21000	SPATBOR.....	140
G10700	SISTEM KEMUDI.....	106	L21500	LAPISAN LANTAI.....	141
G11200	KEMUDI [SUKU CADANG KOMPONEN].....	107	L22000	BANTALAN.....	142
G11700	DUKUNGAN KEMUDI.....	108	L22500	LANGKAH.....	143
G12000	PENGIKAT KEMUDI (BATANG IKAT).....	109	L24000	KOTAK ALAT.....	144
H12000	POMPA HIDRAULIK.....	110	L30100	ROP.....	145
			P10100	RODA DEPAN (7-16) [OTANI].....	146
			P11000	RODA BELAKANG (11,2-24) [OTANI].....	147
			R10501	LABEL (DEPAN).....	148
			R10502	LABEL (DEPAN).....	149
			R11000	LABEL (BELAKANG).....	150
			S10500	AKSESORI DAN LAYANAN SUKU CADANG.....	151
	[D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T, D1803-M-DI-E-TS2T]		■	INDEKS NUMERIK.....	152

SECTION CONTENTS

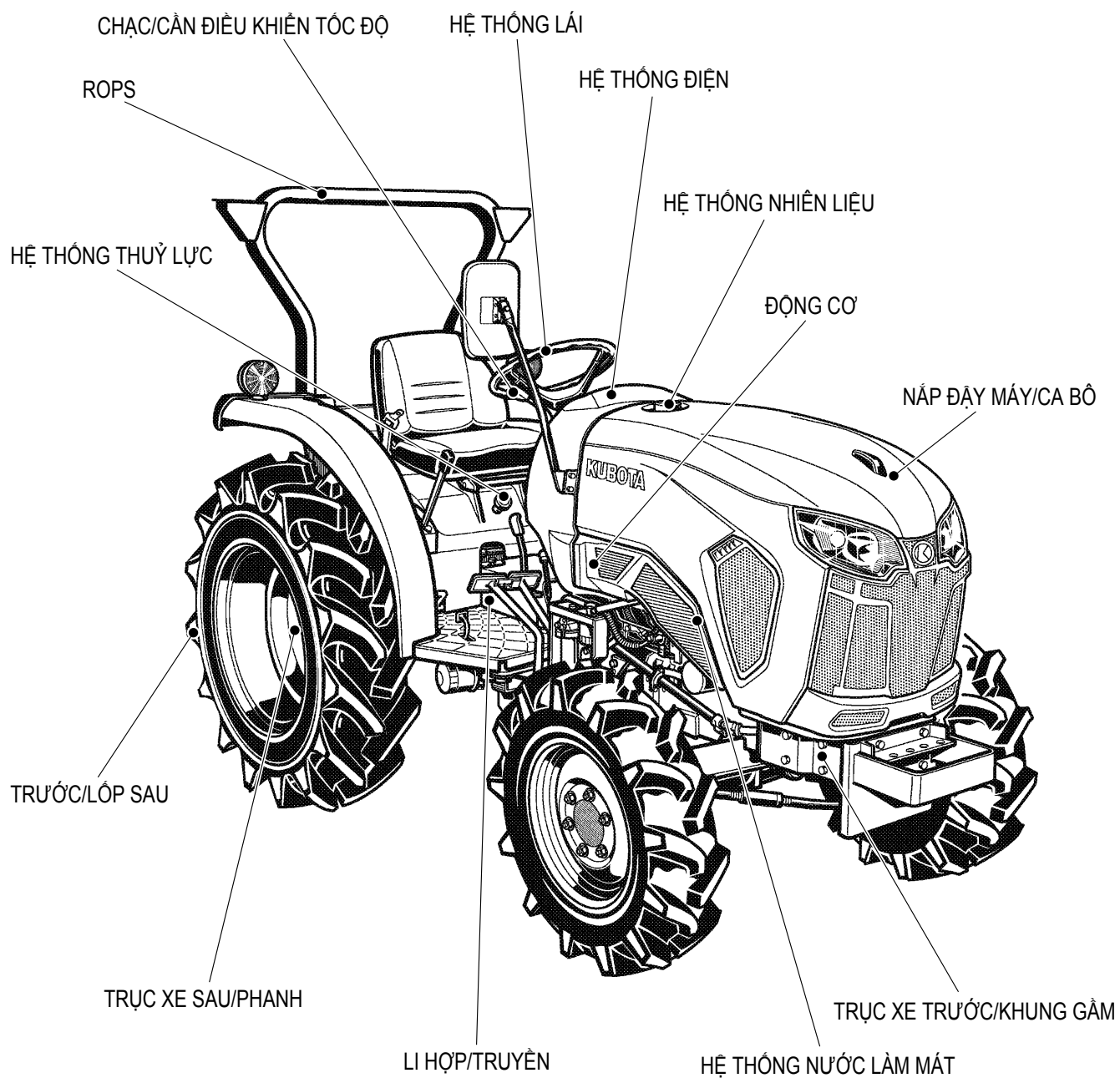


3-POINT LINKAGE/DRAWBAR/HITCH

LABELS

ACCESSORIES AND SERVICE PARTS

MỤC LỤC

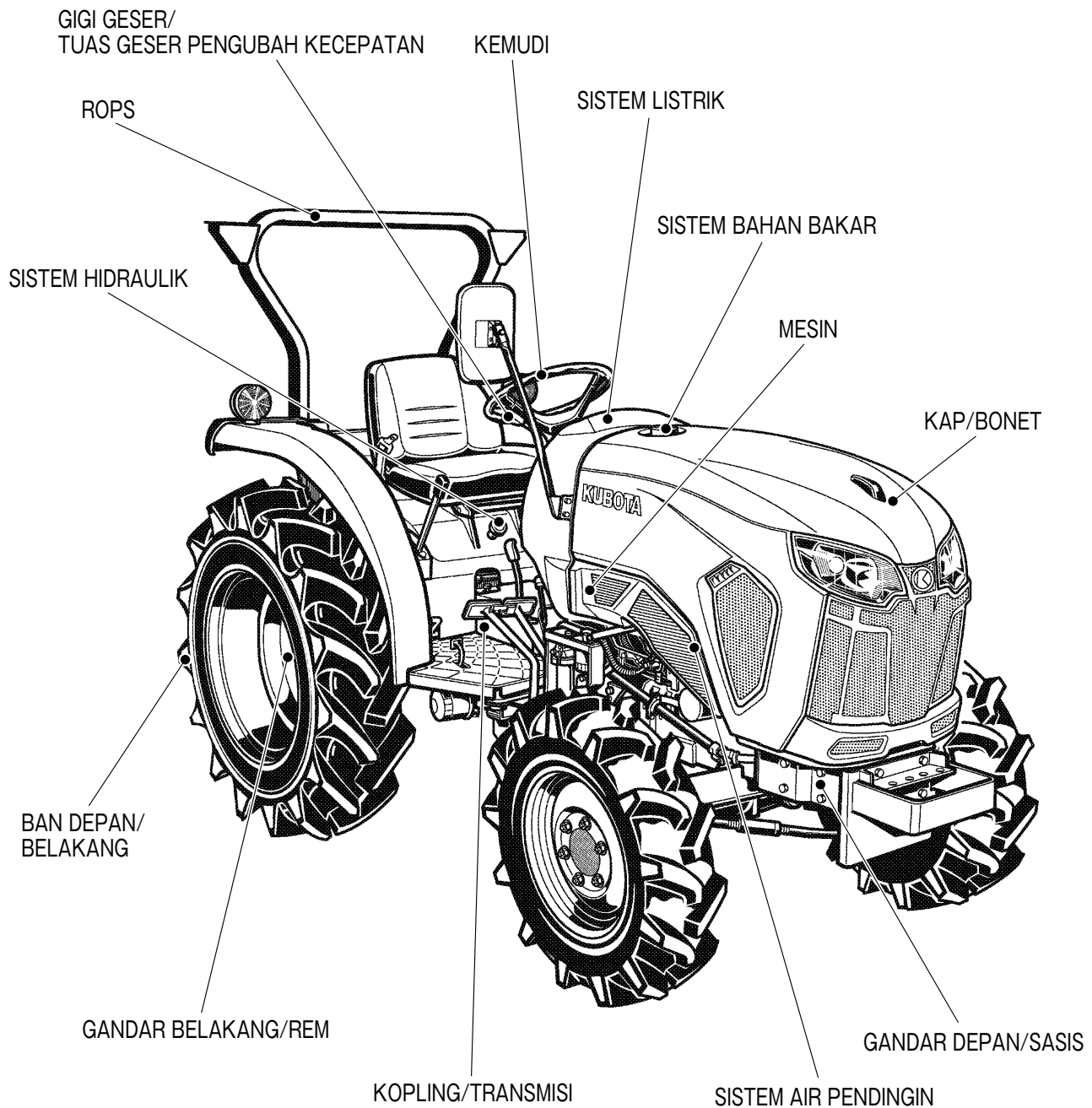


KẾT NỐI 3 ĐIỂM/ĐÒN KÉO/MÓC KÉO

NHẪN

LINH PHỤ KIỆN

KONTEN BAGIAN



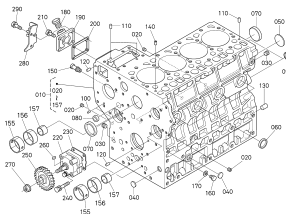
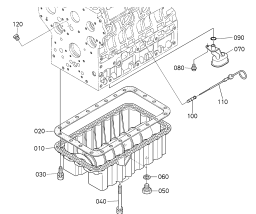
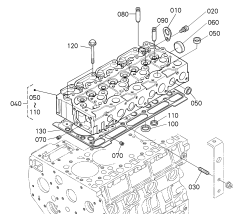
PENGHUBUNG/DRAWBAR/PENYANGKUT 3-TITIK

LABEL

AKSESORI DAN LAYANAN SUKU CADANG

[How to read contents with illustrations]

Illustration example

ENGINE ← STEP1			
Fig.No. 000100 CRANKCASE 	Fig.No. 000200 OIL PAN 	Fig.No. 000300 CYLINDER HEAD 	← STEP2 ← STEP3 ← STEP4
Fig.No. 000500 HEAD COVER	Fig.No. 010000 MAIN BEARING CASE	Fig.No. 010100 CAMSHAFT AND IDLE GEAR SHAFT	Fig.No. 010200 PISTON AND CRANKSHAFT

STEP1: This indicates the items listed in SECTION CONTENTS.

STEP2: These indicate the figure number given in the text.

(Fig. No...000300)

STEP3: This indicates the group name in the text.

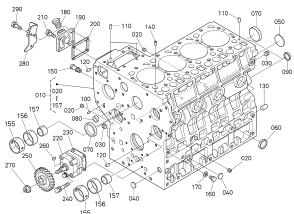
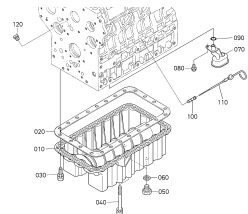
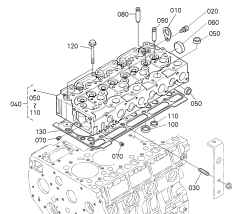
STEP4: This indicates the illustrations of the group in the text.

How to retrieve:

Look at SECTION CONTENTS to select an item you are looking for. In STEP1, find the same item. In STEP4, find the part you are searching. In STEP2 and STEP3, refer to the page of the group and retrieve the part number.

[Làm thế nào để đọc được các mục bằng hình minh họa]

Ví dụ minh họa

ĐỘNG CƠ ← BƯỚC1			
Fig.No. 000100 CÁC-TE (NẮP ĐẬY DƯỚI TRỤC KHUYỬ VÀ CHỨA NHỚT) 	Fig.No. 000200 MÁNG DẦU 	Fig.No. 000300 NẮP MÁY ĐẦU XY-LANH 	← BƯỚC2 ← BƯỚC3 ← BƯỚC4
Fig.No. 000500 NẮP ĐẬY TRÊN CÒ MỎ	Fig.No. 010000 RẾ (VỎ) BẠC ĐẠN CHÍNH	Fig.No. 010100 TRỤC KHUYỬ VÀ TRỤC TRUNG GIAN	Fig.No. 010200 PÍT-TÔNG VÀ TRỤC KHUYỬ

BƯỚC1: Cột này cho thấy mục được liệt kê trong phần **MỤC LỤC**.

BƯỚC2: Cho thấy số hình có trong tài liệu

(Hình số 000300)

BƯỚC3: Tên nhóm trong tài liệu

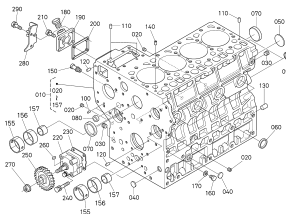
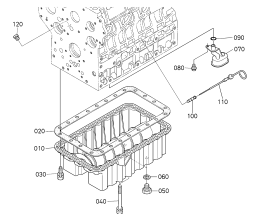
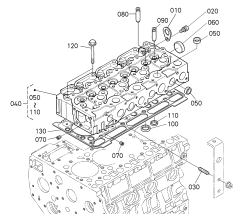
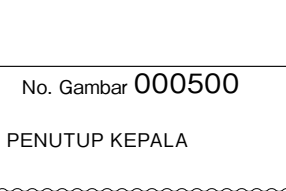
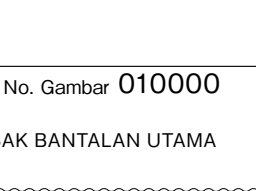
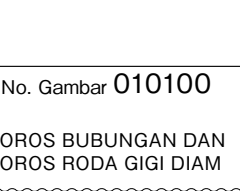
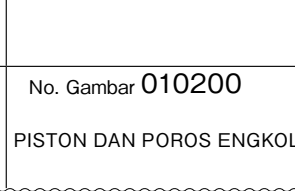
BƯỚC4: Hình minh họa của nhóm trong tài liệu.

Làm thế nào để tìm kiếm:

Xem phần **MỤC LỤC** để chọn hạng mục mà bạn đang cần tìm. Ở **BƯỚC1**, tìm hạng mục tương tự. Ở **BƯỚC4**, tìm mục phụ tùng mà bạn đang cần. Ở **BƯỚC2** và **BƯỚC3**, tham khảo trong trang của nhóm và chọn tìm mã số phụ tùng.

[Cara membaca konten dengan ilustrasi]

Contoh ilustrasi

Mesin ← LANGKAH1			
No. Gambar 000100 KOTAK ENKOL 	No. Gambar 000200 BEJANA MINYAK 	No. Gambar 000300 KEPALA SILINDER 	← LANGKAH2 ← LANGKAH3 ← LANGKAH4
No. Gambar 000500 PENUTUP KEPALA 	No. Gambar 010000 BAK BANTALAN UTAMA 	No. Gambar 010100 POROS BUBUNGAN DAN POROS RODA GIGI DIAM 	No. Gambar 010200 PISTON DAN POROS ENKOL 

LANGKAH1: Ini menunjukkan item yang tercantum di KONTEN BAGIAN.

LANGKAH2: Ini menunjukkan bilangan angka yang diberikan di teks.

(No. Gambar...000300)

LANGKAH3: Ini menunjukkan nama kelompok dalam teks.

LANGKAH4: Ini menunjukkan ilustrasi kelompok dalam teks.

Cara mendapatkan:

Lihat KONTEN BAGIAN untuk memilih item yang Anda cari. Pada LANGKAH1, cari item yang sama. Pada LANGKAH4, temukan komponen yang Anda cari. Pada LANGKAH2 dan LANGKAH3, lihat halaman kelompok dan dapatkan nomor komponen.

ENGINE ĐỘNG CƠ MESIN

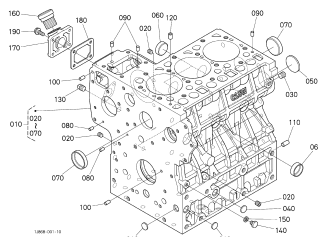
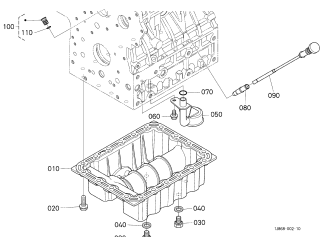
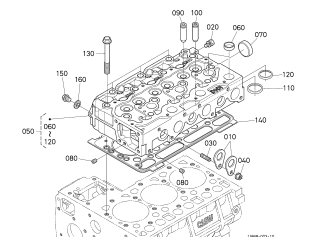
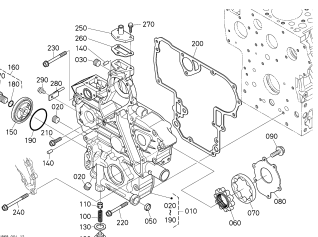
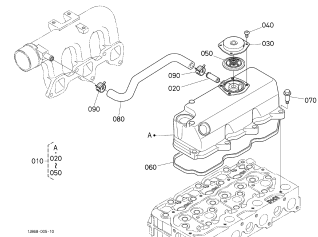
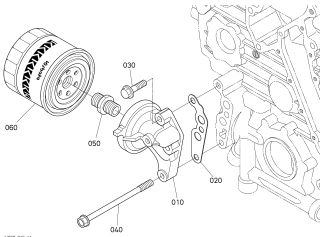
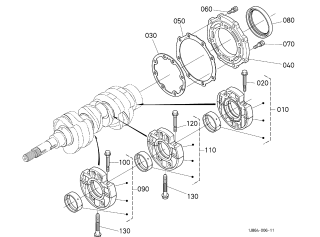
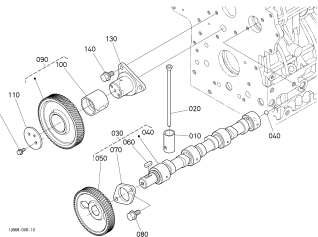
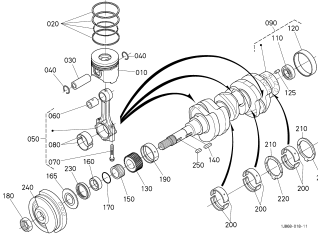
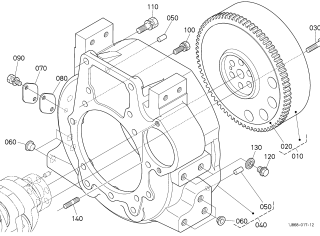
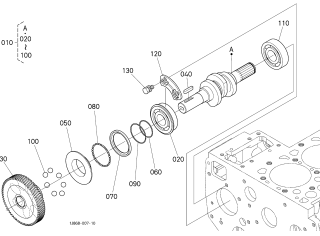
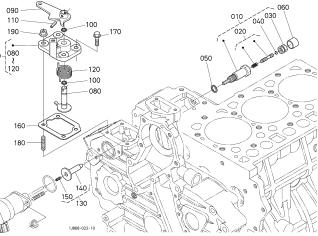
Fig.No. 000100 CRANKCASE CÁCTE KOTAK ENKOL 	Fig.No. 000200 OIL PAN BỂ DẦU BEJANA MINYAK 	Fig.No. 000300 CYLINDER HEAD NẮP XILANH KEPALA SILINDER 	Fig.No. 000400 GEAR CASE HỘP SỐ BAK RODA GIGI 
Fig.No. 000500 HEAD COVER NẮP ĐẦU PENUTUP KEPALA 	Fig.No. 000600 OIL FILTER BỘ LỌC DẦU PENAPIS MINYAK 	Fig.No. 010000 MAIN BEARING CASE THÂN Ổ TRỤC CHÍNH BAK BANTALAN UTAMA 	Fig.No. 010100 CAMSHAFT AND IDLE GEAR SHAFT TRỤC CAM VÀ TRỤC BÁNH RĂNG KHÔNG TÀI POROS BUBUNGAN DAN POROS RODA GIGI DIAM 
Fig.No. 010200 PISTON AND CRANKSHAFT PÍT-TÔNG VÀ TAY QUAY PISTON DAN POROS ENKOL 	Fig.No. 010300 FLYWHEEL BÁNH ĐÀ RODA GAYA 	Fig.No. 010500 FUEL CAMSHAFT NHIÊN LIỆU TRỤC CAM POROS BUBUNGAN BAHAN BAKAR 	Fig.No. 020000 ENGINE STOP LEVER CẦN TẮT ĐỘNG CƠ TUAS PENGHENTI MESIN 

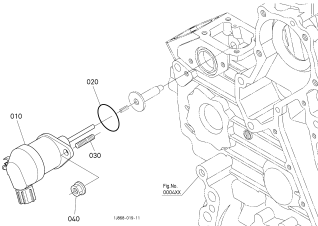
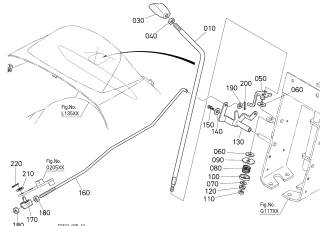
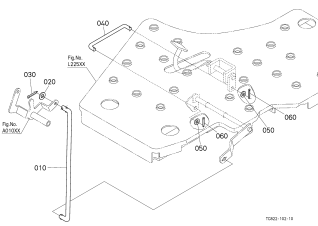
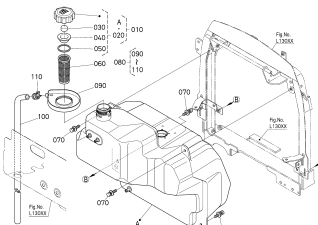
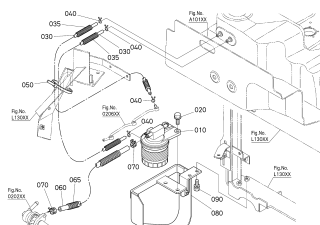
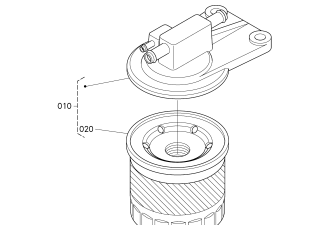
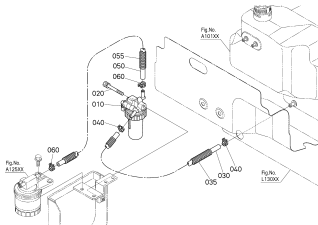
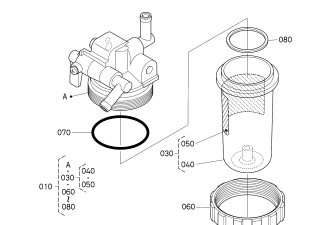
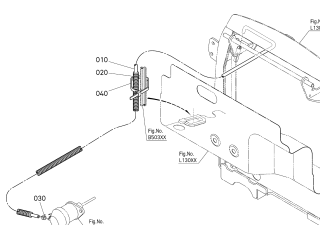
Fig.No. 095000 ENGINE ELECTRICAL PARTS CÁC BỘ PHẬN ĐIỆN ĐỘNG CƠ BAGIAN KELISTRIKAN MESIN 	Fig.No. A01000 ACCELERATOR LEVER CẦN GA TUAS AKSELERATOR 	Fig.No. A02500 ACCELERATOR LINKAGE DÂY GA PENGHUBUNG AKSELERATOR 	
FUEL SYSTEM HỆ THỐNG NHIÊN LIỆU SISTEM BAHAN BAKAR			
Fig.No. A10100 FUEL TANK BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU TANKI BAHAN BAKAR 	Fig.No. A12500 FUEL FILTER AND PIPE BỘ LỌC NHIÊN LIỆU PENAPIS BAHAN BAKAR/PIPA BAHAN BAKAR 	Fig.No. A13000 FUEL FILTER [COMPONENT PARTS] BỘ LỌC NHIÊN LIỆU [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH] PENAPIS BAHAN BAKAR [SUKU CADANG KOMPONEN] 	Fig.No. A14000 SEPARATOR AND FUEL PIPE TẮM CÁCH ĐIỆN VÀ ỐNG DẪN NHIÊN LIỆU PIPA BAHAN BAKAR DAN PEMISAH 
Fig.No. A15000 SEPARATOR [COMPONENT PARTS] CỬA BỘ TÁCH [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH] PEMISAH [SUKU CADANG KOMPONEN] 	Fig.No. A19000 SOLENOID BREATHER TUBE ỐNG THÔNG HƠI PIPA PENGUDARA SOLENOID 		

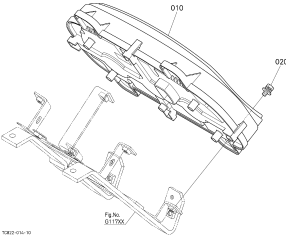
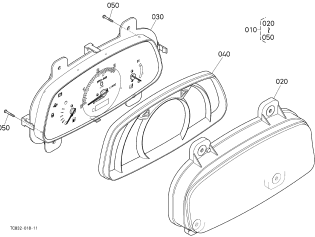
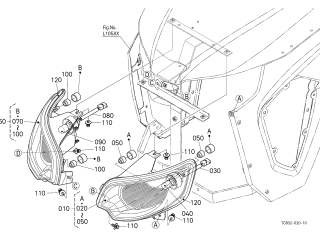
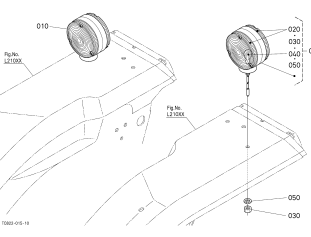
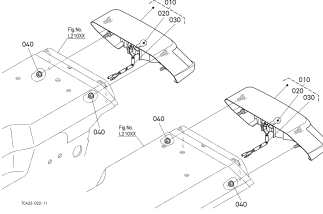
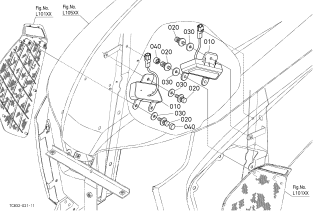
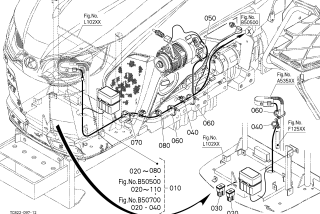
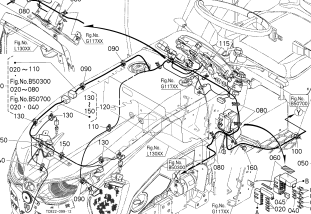
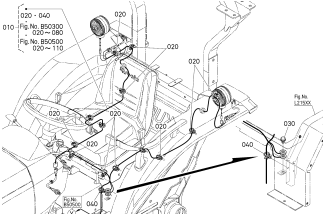
Fig.No. B11500 PANEL BẢNG ĐIỆN PAPAN PANEL 	Fig.No. B12000 PANEL BOARD [COMPONENT PARTS] BẢNG ĐIỆN [LINH KIỆN] PAPAN PANEL [SUKU CADANG KOMPONEN] 	Fig.No. B30300 HEAD LIGHT ĐÈN TRƯỚC LAMPU DEPAN 	Fig.No. B31100 HAZARD LIGHT ĐÈN BẢO NGUY HIỂM LAMPU DARURAT 
Fig.No. B31200 REAR LAMP ĐÈN HẬU LAMPU BELAKANG 	Fig.No. B32000 WORK LIGHT (SIDE) ĐÈN CÔNG SỰ LAMPU KERJA 	Fig.No. B50300 ELECTRICAL WIRING (ALTERNATOR/ STARTER) ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN (MÁY GIAO ĐIỆN/BỘ PHẬN KHỞI ĐỘNG) PENDAWAIAN LISTRIK (ALTERNATOR/STARTER) 	Fig.No. B50500 ELECTRICAL WIRING (HEAD LIGHT/ PANEL) MẠCH ĐIỆN PENDAWAIAN LISTRIK (LAMPU DEPAN/PANEL) 
Fig.No. B50700 ELECTRICAL WIRING (REAR) ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN (SAU) PENDAWAIAN LISTRIK (BELAKANG) 			

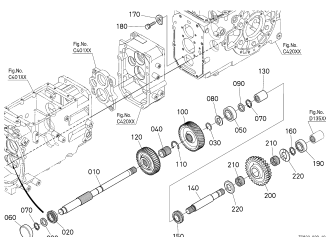
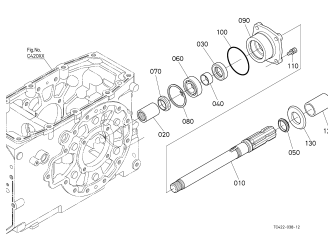
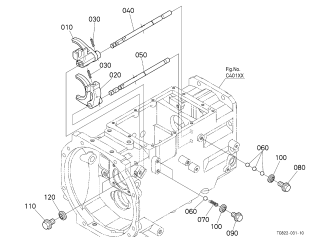
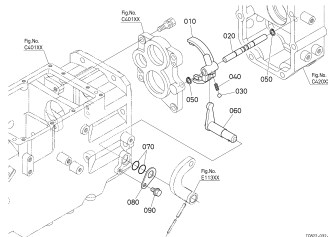
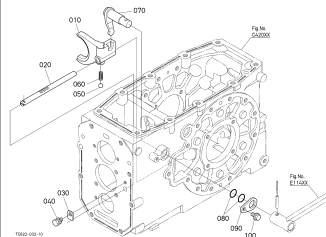
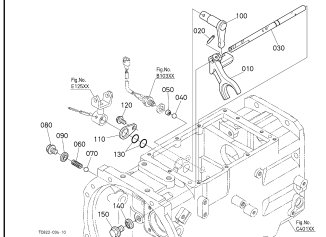
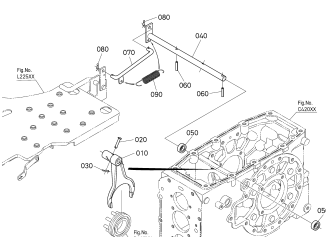
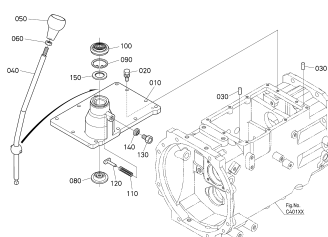
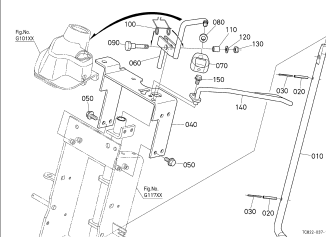
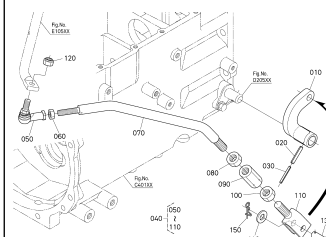
Fig.No. D13000 PTO COUNTERSHAFT TRỤC GIỮA PTO POROS AS PTO 	Fig.No. D13500 PTO SHAFT TRỤC PTO POROS PTO 		
SPEED CHANGE SHIFT FORK/SHIFT LEVER CHẠC/CẢN ĐIỀU KHIỂN TỐC ĐỘ GIGI GESER/TUAS GESER PENGUBAH KECEPATAN			
Fig.No. D20100 MAIN GEAR SHIFT FORK CHẠC GẠT SỐ CHÍNH GARPU PERSNELING UTAMA 	Fig.No. D20500 SHUTTLE SHIFT FORK CHẠC GẠT SỐ CON THOI GARPU PEMINDAH ULANG-ALIK 	Fig.No. D21700 RANGE GEAR SHIFT FORK BIÊN ĐỘ CHẠC GẠT SỐ KISARAN GARPU GESER 	Fig.No. D22000 PTO GEAR SHIFT FORK CHẠC GẠT SỐ PTO GARPU PERSNELING PTO 
Fig.No. D22500 DIFFERENTIAL LOCK SHIFT FORK CHẠC GẠT KHÓA BỘ VI SAI POROS GARPU POROS KUNCI DIFERENSIAL 	Fig.No. E10100 MAIN GEAR SHIFT LEVER CẦN SANG SỐ CHÍNH TUAS PEMINDAH RODA GIGI UTAMA 	Fig.No. E10500 SHUTTLE SHIFT LEVER CẦN SANG SỐ CON THOI TUAS PEMINDAH ULANG-ALIK 	Fig.No. E11300 SHUTTLE SHIFT ROD CAI THOI CẦN SANG SỐ BATANG PEMINDAH MAJU MUNDUR 

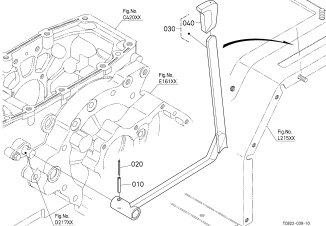
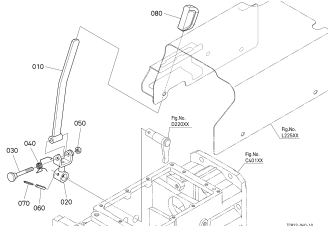
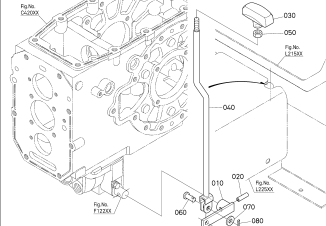
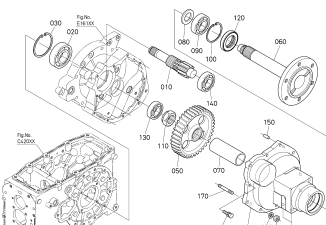
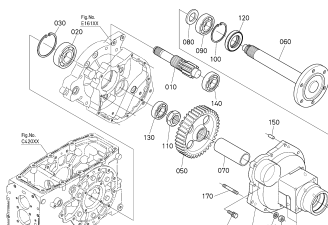
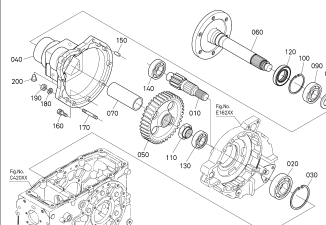
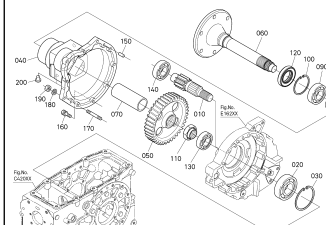
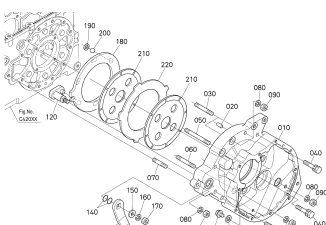
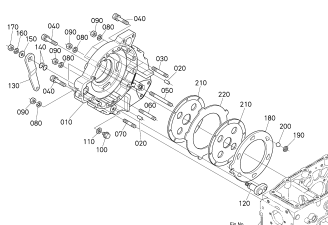
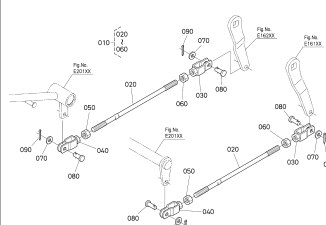
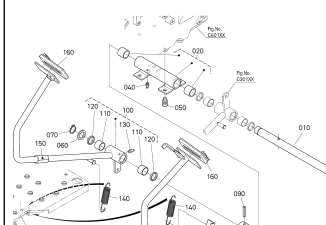
Fig.No. E11400 RANGE GEAR SHIFT LEVER CẦN SANG SỐ THEO DÂY TUAS PEMINDAH RODA GIGI JANGKAUAN 	Fig.No. E12500 PTO GEAR SHIFT LEVER CẦN GẠT SỐ PTO TUAS PERSNELING PTO 	Fig.No. E14000 FRONT WHEEL DRIVE LEVER CẦN LÁI BÁNH XE TRƯỚC TUAS PENGGERAK RODA DEPAN 	
REAR AXLE/BRAKE TRỤC XE SAU/PHANH GANDAR BELAKANG/REM			
Fig.No. E15101 REAR AXLE LH TRỤC SAU TRÁI GANDAR BELAKANG TANGAN KIRI 	Fig.No. E15102 REAR AXLE LH TRỤC SAU TRÁI GANDAR BELAKANG TANGAN KIRI 	Fig.No. E15201 REAR AXLE RH TRỤC SAU PHẢI GANDAR BELAKANG TANGAN KANAN 	Fig.No. E15202 REAR AXLE RH TRỤC SAU PHẢI GANDAR BELAKANG TANGAN KANAN 
Fig.No. E16100 BRAKE LH PHANH TRÁI REM TANGAN KIRI 	Fig.No. E16200 BRAKE RH PHANH PHẢI REM TANGAN KANAN 	Fig.No. E17000 BRAKE ROD (BRAKE CAM) PHANH TAY (PHANH CAM) BATANG REM (PENGGERAK REM) 	Fig.No. E20100 BRAKE PEDAL BÀN ĐẠP PHANH PEDAL REM 

Fig.No. E20200 PARKING BRAKE LEVER CẦN ĐẨY GUỐC PHANH TUAS REM PARKIR			
FRONT AXLE/CHASSIS TRỤC XE TRƯỚC/KHUNG GÀM GANDAR DEPAN/SASIS			
Fig.No. F10501 FRONT AXLE FRAME KHUNG CẦU TRƯỚC BINGKAI GANDAR DEPAN	Fig.No. F10502 FRONT AXLE FRAME KHUNG CẦU TRƯỚC BINGKAI GANDAR DEPAN	Fig.No. F12000 PROPELLER SHAFT TRỤC TRUYỀN ĐỘNG POROS BALING-BALING	Fig.No. F12200 FRONT WHEEL DRIVE SHAFT TRỤC LÁI BÁNH XE TRƯỚC POROS PENGGERAK RODA DEPAN
Fig.No. F12500 FRONT DIFFERENTIAL CASE VỎ VI SAI TRƯỚC KOTAK DIFERENSIAL DEPAN	Fig.No. F12600 FRONT DIFFERENTIAL CASE HOLDER GIÁ KẸP VỎ VI SAI TRƯỚC PEMEGANG KOTAK DIFERENSIAL DEPAN	Fig.No. F12700 BEVEL GEAR (FRONT) BÁNH RĂNG TRUYỀN ĐỘNG NÓN (TRƯỚC) RODA GIGI KERUCUT (DEPAN)	Fig.No. F13000 DIFFERENTIAL (FRONT) BỘ VI SAI (TRƯỚC) DIFERENSIAL (DEPAN)

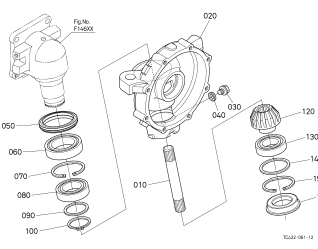
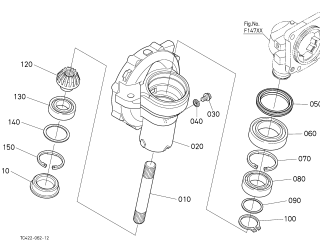
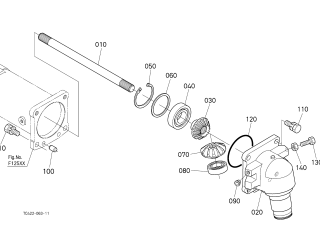
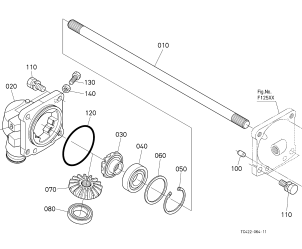
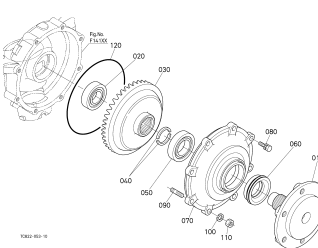
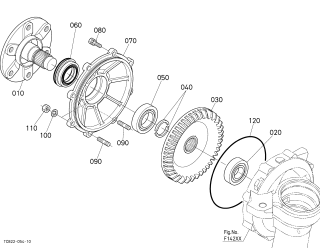
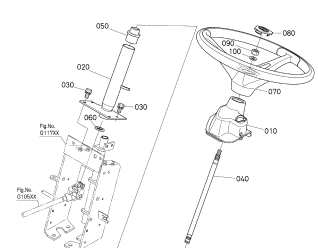
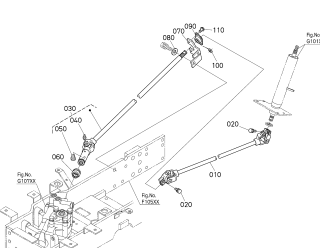
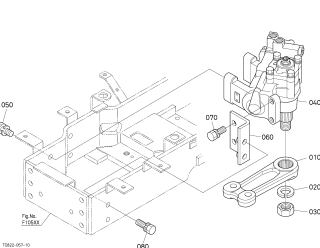
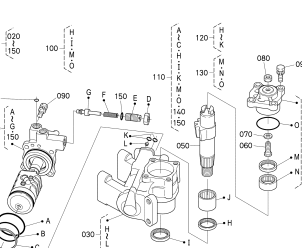
Fig.No. F14100 FRONT AXLE CASE LH HỘP TRỤC TRƯỚC TRÁI KOTAK GANDAR DEPAN TANGAN KIRI 	Fig.No. F14200 FRONT AXLE CASE RH HỘP TRỤC TRƯỚC PHẢI KOTAK GANDAR DEPAN TANGAN KANAN 	Fig.No. F14600 BEVEL GEAR SHAFT LH TRỤC BÁNH RĂNG VI SAI TRÁI POROS RODA GIGI KERUCUT KIRI 	Fig.No. F14700 BEVEL GEAR SHAFT RH TRỤC BÁNH RĂNG VI SAI PHẢI POROS RODA GIGI KERUCUT KANAN 
Fig.No. F15100 FRONT AXLE LH CẦU XE TRƯỚC BÊN TRÁI GANDAR DEPAN KIRI 	Fig.No. F15200 FRONT AXLE RH CẦU XE TRƯỚC BÊN PHẢI GANDAR DEPAN KANAN 		
STEERING HỆ THỐNG LÁI SISTEM KEMUDI			
Fig.No. G10100 STEERING HANDLE TAY NẮM HỆ THỐNG LÁI GAGANG KEMUDI 	Fig.No. G10500 UNIVERSAL JOINT KHỚP CÁC ĐĂNG SAMBUNGAN UNIVERSAL 	Fig.No. G10700 STEERING HỆ THỐNG LÁI SISTEM KEMUDI 	Fig.No. G11200 STEERING [COMPONENT PARTS] BỘ ĐIỀU KHIỂN TAY LÁI [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH] KEMUDI [SUKU CADANG KOMPONEN] 

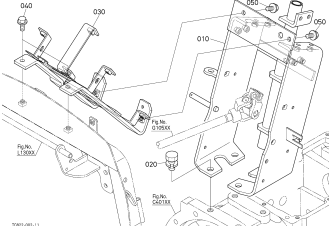
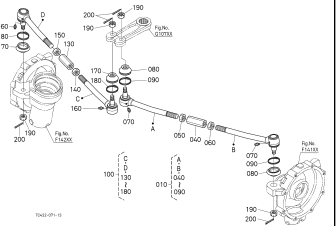
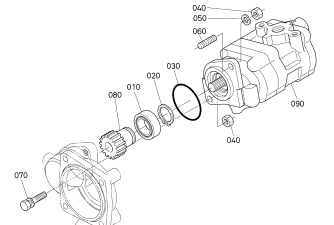
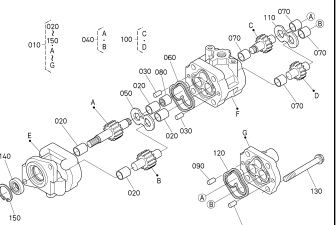
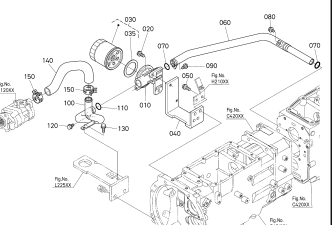
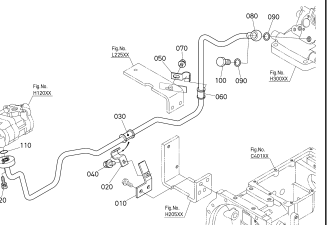
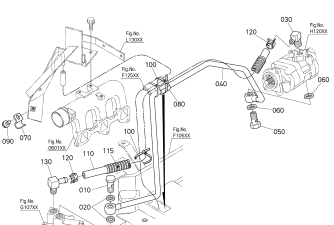
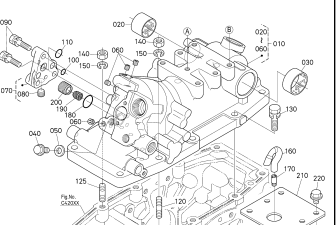
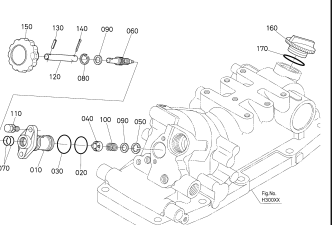
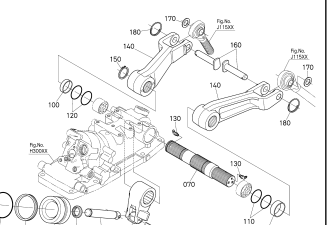
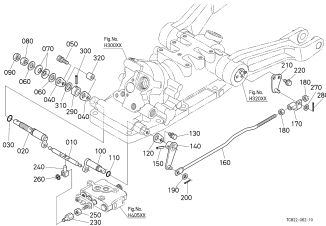
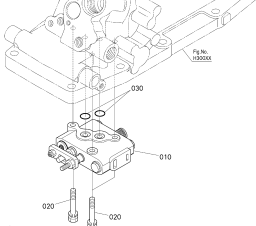
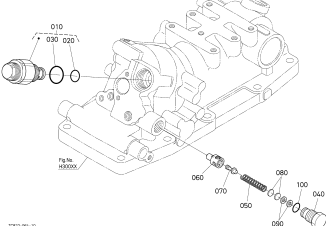
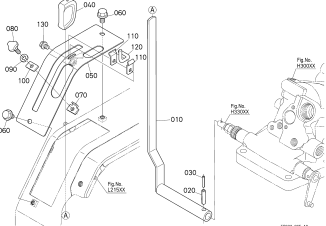
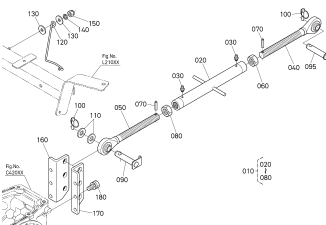
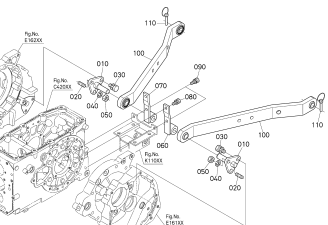
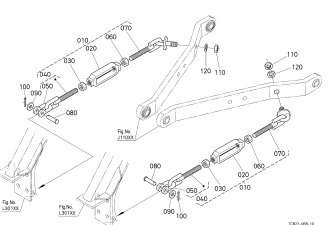
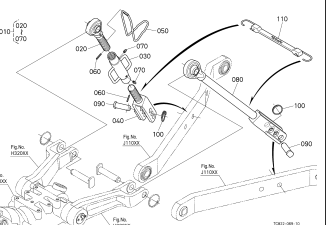
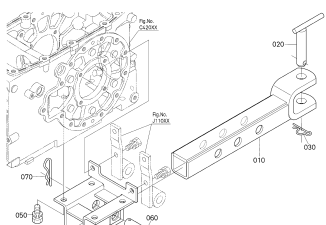
Fig.No. G11700 STEERING SUPPORT HỆ THỐNG LÁI HỖ TRỢ DUKUNGAN KEMUDI 	Fig.No. G12000 STEERING LINKAGE (TIE ROD) KHỚP LÁI (RÔTUYN) PENGIKAT KEMUDI (BATANG IKAT) 		
HYDRAULIC SYSTEM HỆ THỐNG THỦY LỰC SISTEM HIDRAULIK			
Fig.No. H12000 HYDRAULIC PUMP BƠM THỦY LỰC POMPA HIDRAULIK 	Fig.No. H12500 HYDRAULIC PUMP [COMPONENT PARTS] CỦA BƠM THỦY LỰC [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH] POMPA HIDRAULIK [SUKU CADANG KOMPONEN] 	Fig.No. H20500 HYDRAULIC OIL LINE (INLET) ĐƯỜNG ống DẪN DẦU THỦY LỰC (ĐẦU VÀO) SALURAN MINYAK HIDRAULIS (MASUKAN) 	Fig.No. H21000 HYDRAULIC OIL LINE (DELIVERY) ỐNG CẤP NƯỚC SALURAN MINYAK HIDRAULIS (PENGIRIMAN) 
Fig.No. H22500 HYDRAULIC OIL LINE (PS) ĐƯỜNG DẦU THỦY LỰC SALURAN OIL HIDROLIK (PS) 	Fig.No. H30000 HYDRAULIC CYLINDER CASE HỘP XI-LANH THỦY LỰC KOTAK SILINDER HIDRAULIS 	Fig.No. H30300 CYLINDER FRONT COVER NẮP TRƯỚC XYLANH PENUTUP SILINDER DEPAN 	Fig.No. H32000 LIFT ARM CẦN NÂNG LENGAN PENGANGKAT 

Fig.No. H33000 FEED BACK LEVER CẦN LIÊN HỆ NGƯỢC TUAS UMPAN BELAKANG 	Fig.No. H40500 CONTROL VALVE VAN ĐIỀU KHIỂN KATUP KENDALI 	Fig.No. H43200 SAFETY VALVE/RELIEF VALVE VAN AN TOÀN/VAN GIẢM ÁP KATUP PENGAMAN/KATUP RELIEF 	Fig.No. H44000 POSITION CONTROL LEVER CẦN ĐIỀU CHỈNH VỊ TRÍ TUAS KENDALI POSISI 
3-POINT LINKAGE/DRAWBAR/HITCH KẾT NỐI 3 ĐIỂM/ĐÓN KÉO/MỐC KÉO PENGHUBUNG/DRAWBAR/PENYANGKUT 3-TITIK			
Fig.No. J10500 TOP LINK LIÊN KẾT ĐỈNH PENGHUBUNG ATAS 	Fig.No. J11000 LOWER LINK KẾT NỐI PHÍA DƯỚI KIRI, BAWAH 	Fig.No. J11200 CHECK CHAIN XÍCH HẴM RANTAI PEMERIKSAAN 	Fig.No. J11500 LIFT ROD THANH TRUYỀN NÂNG PENGHUBUNG 3-TITIK (BATANG PENGANGKAT) 
Fig.No. K11000 HITCH MỐC GANDENG 			

HOOD/BONNET NẮP ĐẬY MÁY/CA BÔ KAP/KAP MESIN

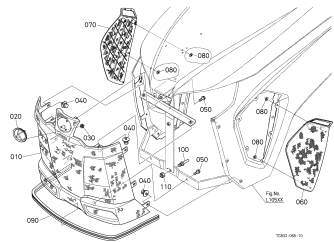
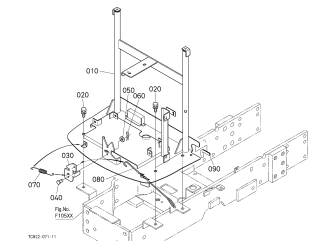
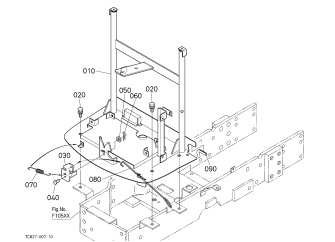
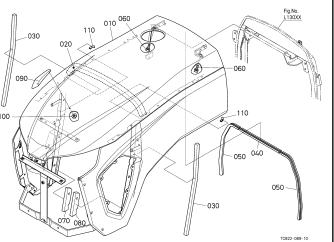
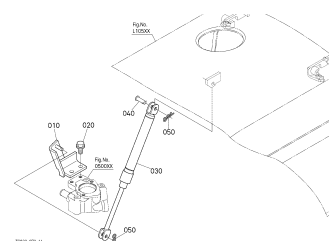
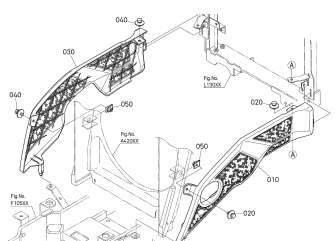
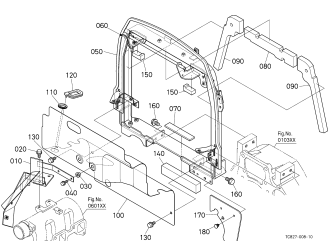
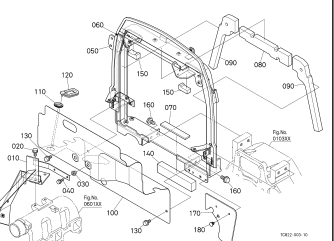
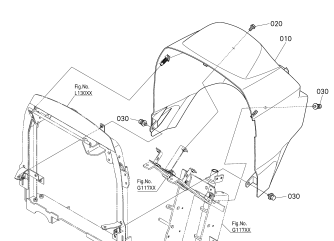
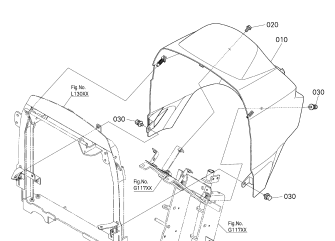
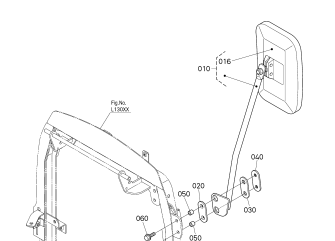
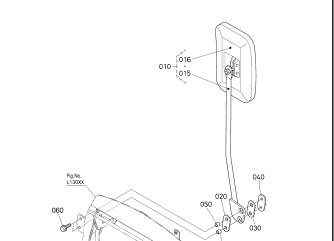
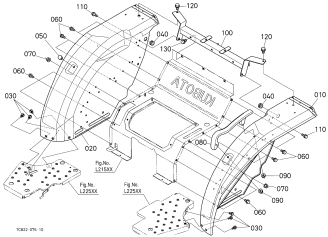
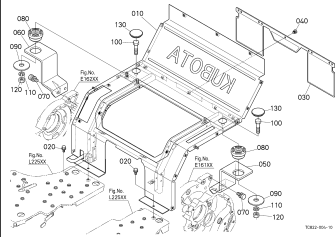
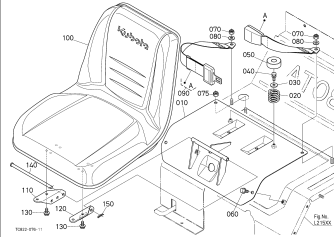
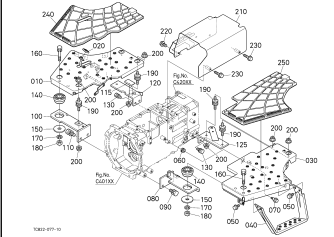
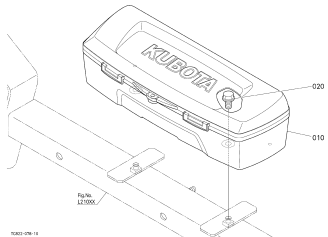
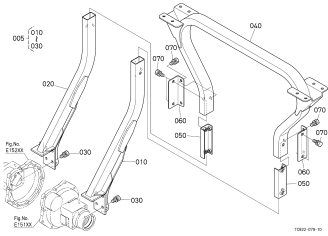
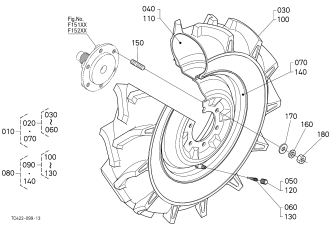
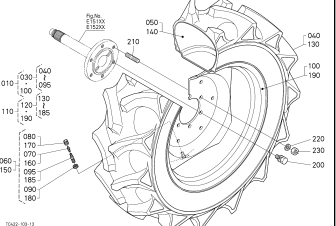
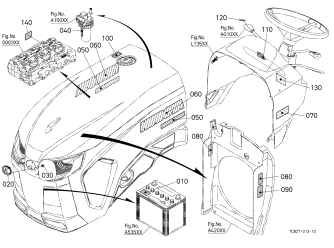
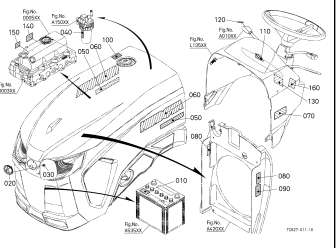
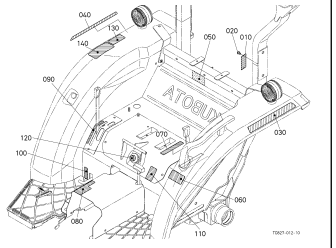
Fig.No. L10100 FRONT GRILLE LƯỚI TẢN NHIỆT TRƯỚC KISI DEPAN 	Fig.No. L10201 HOOD (BONNET) FRONT SUPPORT NẮP ĐẬY TRƯỚC DUKUNGAN DEPAN KAP (BONET) 	Fig.No. L10202 HOOD (BONNET) FRONT SUPPORT NẮP ĐẬY TRƯỚC DUKUNGAN DEPAN KAP (BONET) 	Fig.No. L10500 HOOD (BONNET) UPPER NẮP PHÍA TRÊN KAP (BONET) ATAS 
Fig.No. L10800 HOOD (BONNET) DAMPER BỘ GIẢM XÓC MUI (NẮP CA-PÔ) PEREDAM KAP (BONET) 	Fig.No. L12000 SIDE COVER BAO CẠNH PENUTUP SAMPING 	Fig.No. L13001 SHUTTER PLATE TẮM CỬA THÔNG GIÓ PELAT PENUTUP 	Fig.No. L13002 SHUTTER PLATE TẮM CỬA THÔNG GIÓ PELAT PENUTUP 
Fig.No. L13501 HOOD (BONNET) REAR NẮP ĐẬY SAU (MUI) KAP (BONET) BELAKANG 	Fig.No. L13502 HOOD (BONNET) REAR NẮP ĐẬY SAU (MUI) KAP (BONET) BELAKANG 	Fig.No. L20501 REARVIEW MIRROR KÍNH CHIẾU HẬU KACA SPION 	Fig.No. L20502 REARVIEW MIRROR KÍNH CHIẾU HẬU KACA SPION 

Fig.No. L21000 FENDER BỘ GIẢM CHẤN SPATBOR 	Fig.No. L21500 FLOOR SHEET TẤM SÀN LAPISAN LANTAI 	Fig.No. L22000 SEAT ĐẾ BANTALAN 	Fig.No. L22500 STEP BUỐC LANGKAH 
Fig.No. L24000 TOOL BOX HỘP CÔNG CỤ KOTAK ALAT 			
ROPS ROPS ROP			
Fig.No. L30100 ROPS ROPS ROP 			

FRONT/REAR TIRE
TRƯỚC/LỚP SAU
BAN DEPAN/BELAKANG

Fig.No. P10100 FRONT WHEEL (7-16) [OTANI] BÁNH TRƯỚC (7-16) [OTANI] RODA DEPAN (7-16) [OTANI] 	Fig.No. P11000 REAR WHEEL (11.2-24) [OTANI] BÁNH SAU (11.2-24) [OTANI] RODA BELAKANG (11,2-24) [OTANI] 		
---	--	--	--

LABELS
NHÃN
LABEL

Fig.No. R10501 LABEL (FRONT) NHÃN (TRƯỚC) LABEL (DEPAN) 	Fig.No. R10502 LABEL (FRONT) NHÃN (TRƯỚC) LABEL (DEPAN) 	Fig.No. R11000 LABEL (REAR) NHÃN (SAU) LABEL (BELAKANG) 	
---	---	--	--

ACCESSORIES AND SERVICE PARTS
LINH PHỤ KIỆN
AKSESORI DAN LAYANAN SUKU CADANG

Fig.No. S10500 ACCESSORIES AND SERVICE PARTS LINH PHỤ KIỆN AKSESORI DAN LAYANAN SUKU CADANG อุปกรณ์และอะไหล่บริการ LINH PHỤ KIỆN အပိုင်းအစများနှင့် အစားအသုံးအပိုင်းများ AKSESORI DAN LAYANAN SUKU CADANG وسيلة های جانبی و بخش های سرویس ACCESSORIES AND SERVICE PARTS TTU1-001-12			
---	--	--	--

000100



A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

[illegible]

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

000200



A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

000300



A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

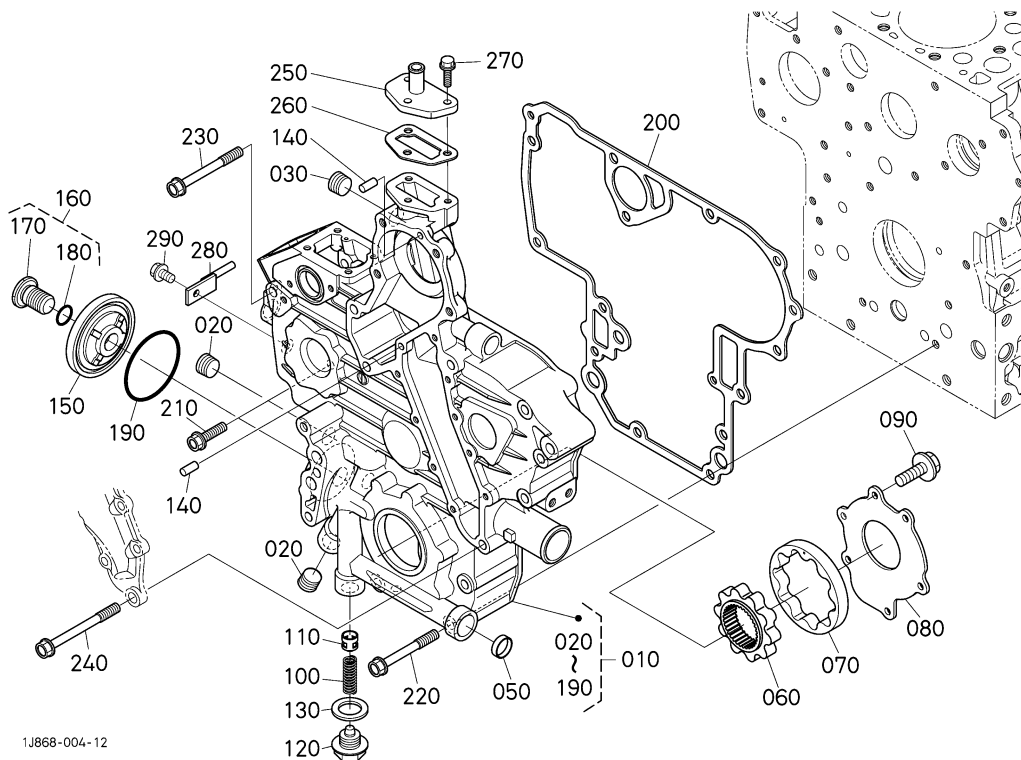
[illegible]

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

GEAR CASE

HỘP SỐ

BAK RODA GIGI



1J868-004-12

A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

REF.No. SỐ THANH KIỆN No. REFERENCE	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PART NAME	TÊN PHỤ TÙNG	NAMA SUKU CADANG	Q'TY/S.No. SỐ LƯỢNG/Số sê-ri No. KUANTITAS/SERIAL			I.C. I.C. I.C.	REMARKS LƯU Ý KETERANGAN
					A	B	C		
010	1J868-0401-2	CASE,GEAR,ASSY	Hộp BÁNH RĂNG	WADAH RODA GIGI	1	1	1		
020	16241-9602-0	PLUG	CHÓT,TUA VÍT	SUMBAT	2	2	2		
030	1A021-9602-0	PLUG	CHÓT,TUA VÍT	SUMBAT	1	1	1		
040	-----	BLANK	TRỐNG	KOSONG	-	-	-		
050	1J873-9627-0	PLUG,CUP TYPE	NẮP, HÀN KÍN	SUMBAT TIPE MANGKOK	1	1	1		
060	1J871-3549-0	ROTOR(INNER)	Rôto	ROTOR	1	1	1		
070	1J871-3548-0	ROTOR(OUTER)	Rôto	ROTOR	1	1	1		
080	1J871-3513-0	COVER(OIL PUMP)	NẮP	COUPLER	1	1	1		
090	01754-50616	BOLT,FLANGE	BU LÔNG,MÉP	BAUT FLENSA	6	6	6		
100	1J871-3695-0	SPRING	LÒ XO 1	PEGAS	1	1	1		
110	1J864-3693-0	SEAT,VALVE	ĐẾ, VAN	DUDUKAN KATUP	1	1	1		
120	1J871-3375-0	PLUG(DRAIN)	PHÍCH CẨM,ÔNG HÚT	SUMBAT	1	1	1		
130	04724-00180	GASKET	ĐỆM LÓT	PACKING	1	1	1		
140	05012-00612	PIN, STRAIGHT	CHÓT, THẲNG	PIN LURUS	2	2	2		
150	1J864-3288-0	COVER	VỎ	PENUTUP	1	1	1		
160	1J864-3291-0	COMP BOLT	BU LÔNG	BAUT	1	1	1		
170	1J864-3290-0	BOLT	BU LÔNG	BAUT	1	1	1		
180	04817-00150	O RING	VÒNG CHỮ O	O-RING	1	1	1		
190	1J864-9683-0	O-RING	VÒNG CHỮ O	O-RING	1	1	1		
200	1J871-0413-0	GASKET(GEAR CASE)	ĐỆM LÓT, HỘP SỐ	GASKET	1	1	1		
210	1J864-0430-0	BOLT,FLANGE(M8X30)	BU LÔNG, MẮT BÍCH	BAUT FLENSA	1	1	1		
220	1J864-9103-2	BOLT,FLANGE	BU LÔNG, MẮT BÍCH	BAUT FLENSA	3	3	3		
230	1J864-0475-0	BOLT,FLANGE(M8X75)	BU LÔNG, MẮT BÍCH	BAUT FLENSA	5	5	5		
240	1J864-0485-0	BOLT,FLANGE(M8X85)	BU LÔNG, MẮT BÍCH	BAUT FLENSA	3	3	3		
250	1J864-7332-0	FLANGE,WATER RETURN	MẮT BÍCH	FLENSA	1	1	1		
260	1J864-7333-0	GASKET,RETURN FLANGE	ĐỆM LÓT, MẮT BÍCH THU HỒI	GASKET	1	1	1		
270	01754-50620	BOLT,FLANGE	BU LÔNG,MÉP	BAUT FLENSA	3	3	3		
280	1J864-1610-0	PIPE,COMP(LUBRICATI)	GIÁ KÉP ÔNG	PENEGAK	1	1	1		
290	01754-50610	BOLT,FLANGE	BU LÔNG,MÉP	BAUT FLENSA	1	1	1		

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

000500



NAME/CHUNK	Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

000600



	Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
--	------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

010000



A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

[illegible]

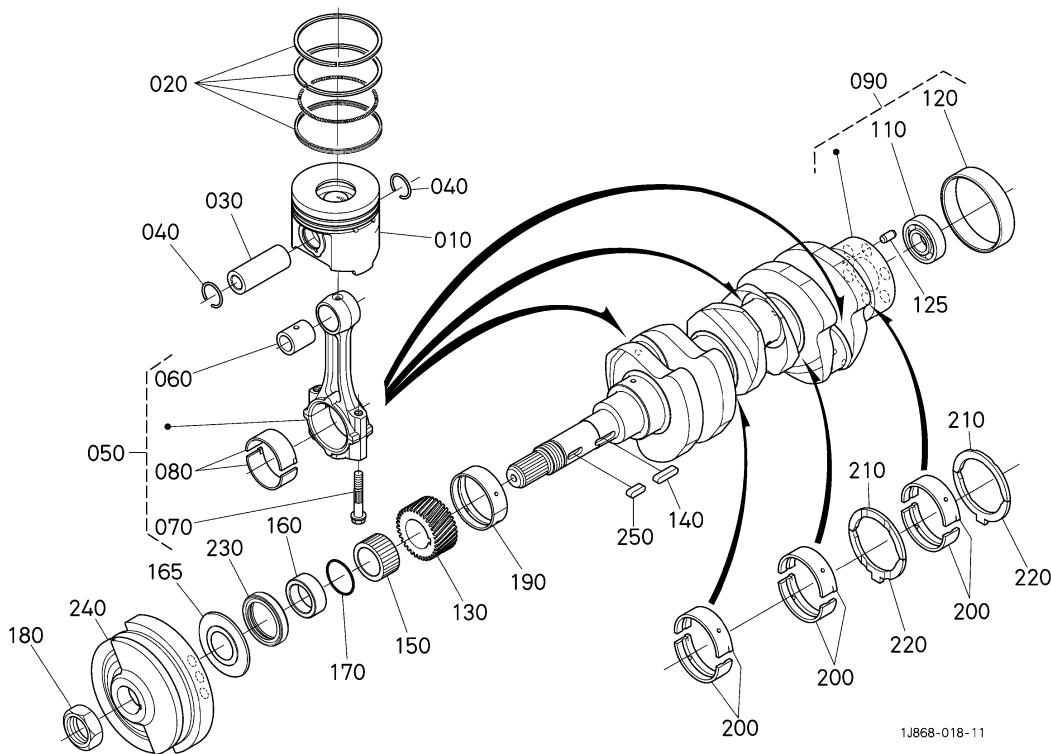
$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\nrightarrow$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

010100



NAME/CHUNK	Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new



1J868-018-11

A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

REF.No. SỐ THANH KIỆN No. REFERENCE	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PART NAME	TÊN PHỤ TÙNG	NAMA SUKU CADANG	Q'TY/S.No. SỐ LƯỢNG/Số sê-ri No. KUANTITAS/SERIAL			I.C. I.C. I.C.	REMARKS LƯU Ý KETERANGAN
					A	B	C		
010	1J871-2111-2	PISTON	PÍT-TÔNG	PISTON	3	3	3		
010	1J871-2190-2	PISTON(05,025)	PIT TÔNG	PISTON	3	3	3		+0.25mm
020	1J871-2105-2	RING,PISTON,ASSY	XEC MĂNG PIT TÔNG,BỘ	RING PISTON,RAKITAN	3	3	3		
020	1J871-2109-2	RING,PISTON,ASSY(025)	XEC MĂNG PIT TÔNG,BỘ	RING PISTON,RAKITAN	3	3	3		
030	1J864-2131-2	PISTON PIN	CHÓT, PITTÔNG	PIN PISTON	3	3	3		
040	1J864-2133-0	CLIP, PISTONPIN	KEP TRÒN,BỘ PHẦN TRONG	CIRKLIP DALAM	6	6	6		
050	1J864-2201-2	ROD,CONNECTING,ASSY	THANH TRUYỀN,BỘ	BATANG KONEKTOR,RAKITAN	3	3	3		
060	17331-2198-2	BUSH,PISTON PIN	ÔNG LÓT, CHÓT PITTÔNG	BUSHING	3	3	3		
070	1J864-2214-0	BOLT,CONNECTING ROD	BU LÔNG, THANH NỐI	BAUT BATANG PENGHUBUNG	6	6	6		
080	1J864-2290-0	METAL,KIT(CRANKPIN)	BỘ KIM LOẠI,ĐỘNG CƠ	LOGAM,KIT	1	1	1		STD/SET
080	1J864-2291-0	METAL,KIT(CRANKPIN,02)	BỘ KIM LOẠI,ĐỘNG CƠ	LOGAM,KIT	1	1	1		-0.2mm/SET
080	1J864-2292-0	METAL,KIT(CRANKPIN,04)	BỘ KIM LOẠI,ĐỘNG CƠ	LOGAM,KIT	1	1	1		-0.4mm/SET
090	1J868-2301-0	CRANKSHAFT,COMP	TRỤC KHUYA,BỘ HOÀN CHỈNH	ENGKOL,POROS,KOMPLIT	1	1	1		
100	---	BLANK	TRỐNG	KOSONG	-	-	-		
110	08121-06002	BEARING,BALL	Ổ,BI	BANTALAN BOLA	1	1	1		
120	1J864-2328-2	BUSH,CRANKSHAFT	NÚT	BUSHING	1	1	1		
125	1A021-2319-2	PIN,STRAIGHT	CHÓT, THẰNG	PIN LURUS	1	1	1		
130	1J871-2411-0	GEAR(CRANKSHAFT)	BÁNH RĂNG, TAY QUAY	RODA GIGI	1	1	1		
140	05712-00720	KEY, FEATHER	THEN, PULI ĐỘNG CƠ	PASAK BULU	1	1	1		
150	1J871-3563-0	GEAR(OIL PUMP DRIVE)	BÁNH RĂNG, BỘ TRUYỀN ĐỘNG BƠM DẦU	RODA GIGI	1	1	1		
160	1J864-2325-0	COLLAR(CRANKSHAFT)	VÒNG ĐỆM	KERAH	1	1	1		
165	1J871-2332-0	COVER(OIL SEAL)	NÁP (VÒNG ĐỆM CHẶN DẦU)	PENUTUP	1	1	1		
170	04811-10300	O RING	VÒNG CHỮ O	O-RING	1	1	1		
180	15221-2336-0	NUT,CRANKSHAFT	ĐAI ỐC, TAY QUAY	MUR	1	1	1		
190	1A091-2347-2	METAL,CRANKSHAFT	KIM LOẠI, TAY QUAY	LOGAM POROS ENKOL	1	1	1		STD
190	1A091-2391-0	METAL,CRANKSHAFT	KIM LOẠI, TAY QUAY	LOGAM POROS ENKOL	1	1	1		-0.2mm
190	1A091-2392-0	METAL,CRANKSHAFT	KIM LOẠI, TAY QUAY	LOGAM POROS ENKOL	1	1	1		-0.4mm
200	1J864-2340-0	METAL,KIT(CRANKSHAFT,2)	BỘ KIM LOẠI,ĐỘNG CƠ	LOGAM,KIT	3	3	3		STD/SET
200	1J864-2388-0	METAL,KIT(CRANKSHAFT,2,02)	BỘ KIM LOẠI,ĐỘNG CƠ	LOGAM,KIT	3	3	3		-0.2mm/SET
200	1J864-2389-0	METAL,KIT(CRANKSHAFT,2,04)	BỘ KIM LOẠI,ĐỘNG CƠ	LOGAM,KIT	3	3	3		-0.4mm/SET

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

PISTON AND CRANKSHAFT PÍT-TÔNG VÀ TAY QUAY PISTON DAN POROS ENKOL

[illegible]

10



A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

010500



NAME/CHUNK	Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	------------	----	---------

[illegible]

12

020000



A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

[illegible]

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

020200

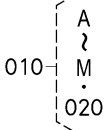


A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

[illegible]

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

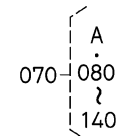
020400



A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

020500



A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

[illegible]

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

020600



A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

[illegible]

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

050000



A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

[illegible]

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

050100



A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

060000



A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

[illegible]

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

060100



A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

[illegible]

21

060300



Q'TY/S.No.

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

060401



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

060402



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

070300



A:D1803-M-DI-E-TS2T B:D1803-M-DI-E-TS2T C:D1803-M-DI-E-TS2T

[illegible]

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

095000



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

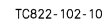
A01000



O'TY/S No.

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

A02500



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

[illegible]

28

A10100



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

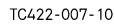
A12500



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\nleftrightarrow$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

A13000



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

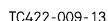
A14000



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

A15000



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

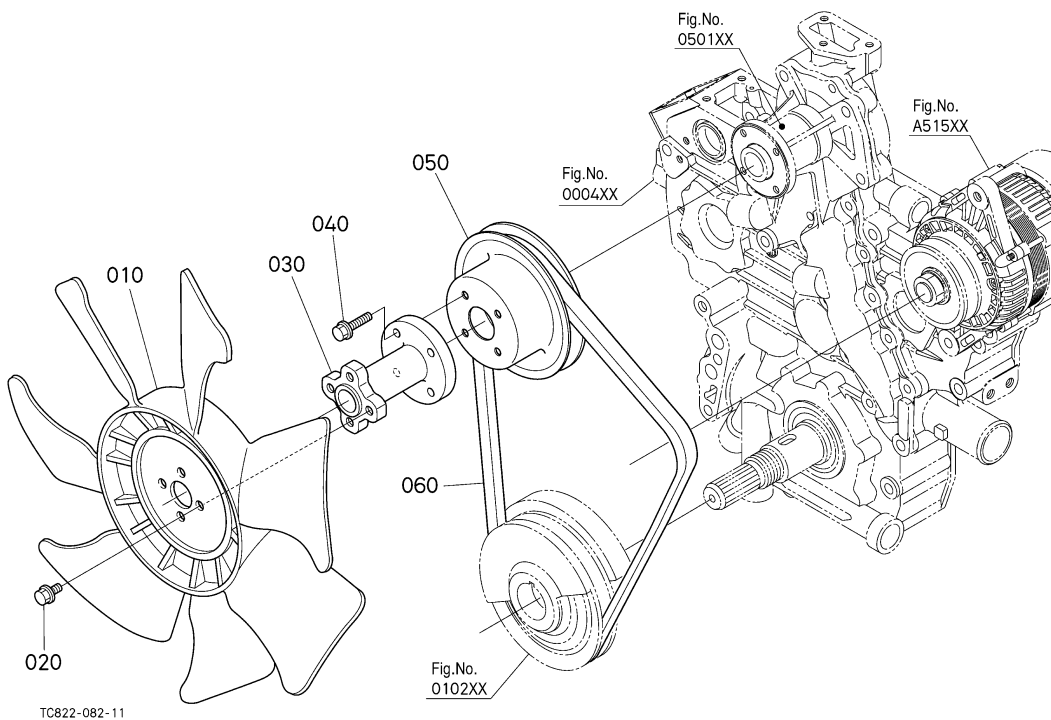
A19000



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

**A40100 FAN
QUAT
KIPAS**



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

[illegible]

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

A41000



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

[illegible]

36

A42000



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

[illegible]

37

A43000



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

A51500



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

[illegible]

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

A52500



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

A53000



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

[illegible]

41

A53300



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

[illegible]

42

A53500



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

B00100



1J868-019-11

NAME/CHUNK	Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	------------	----	---------

[illegible]

44

B10200

SWITCH/RELAY
CÔNG TẮC RƠLE
SAKELAR/RELAİ



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

[illegible]

45

B10300



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

B1 1500

PANEL BẢNG ĐIỆN



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

B1 2000



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

B30300



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

[illegible]

49

B31 100



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

B31200



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

B32000



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

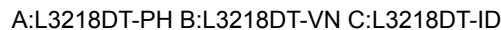
B50300



O'TY/S No.

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

B50500



$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

C10100



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

[illegible]

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

C20100



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

[illegible]

57

C30100



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

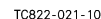
C40100



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

C42000



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable: $\neq$ not Interchangeable: $\leftarrow$ new for old: $\rightarrow$ old for new

D10100



Fig.No.
C401XX

Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

[illegible]

61

D10500



Fig.No.
C401XX

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

D1 1500



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

[illegible]

63

D1 1600



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

D1 1700



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

D1 2500



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

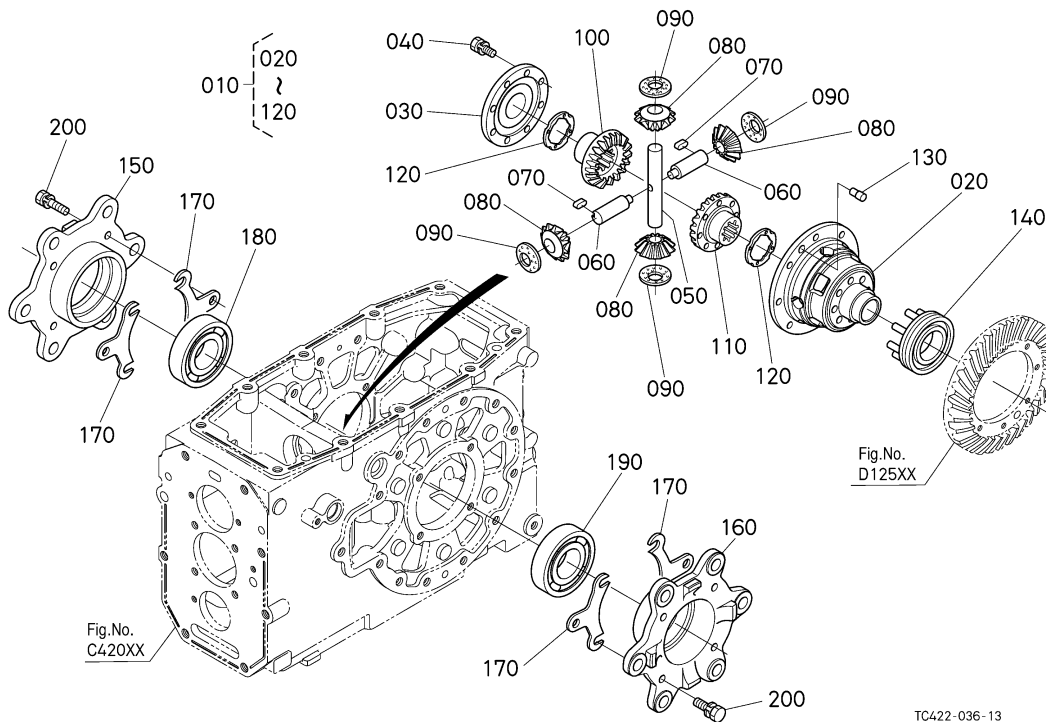
REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENCE	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PART NAME	TÊN PHỤ TÙNG	NAMA SUKU CADANG	QTY/S.No. SỐ LƯỢNG/Số sê-ri No. KUANTITAS/SERIAL			I.C. I.C. I.C.	REMARKS LƯU Ý KETERANGAN
					A	B	C		
010	TC412-9934-0	GEAR,BEVEL,ASSY SPIR	BÁNH RĂNG CÔN,BỘ	GIR,BEVEL,RAKITAN	1	1	1		6-37T
020	34070-2274-0	BEARING,ROLLER	VÒNG BI,BÁNH XE LĂN	BANTALAN ROLLER	1	1	1		
030	TC412-2205-0	GEAR,20 RANGE	BÁNH RĂNG	RODA GIGI	1	1	1		20T
040	TC412-2207-0	BRNG,NDL(POLYAMIDE)	BẠC ĐẠN KIM	BANTALAN JARUM	2	2	2		SET
050	TC412-2424-0	COLLAR,RANGE	BẠC NỐI	KERAH	1	1	1		
060	36919-9234-0	CIR CLIP,EXTERNAL	KẸP TRÒN,BỘ PHẦN NGOÀI	CIRKLIP LUAR	1	1	1		
070	T1060-2288-2	CIR-CLIP,EXTERNAL 32.5 SHUTTLE	GHIM TRÒN,PHÍA NGOÀI	CIRKLIP LUAR	2	2	2		
080	TC412-2282-0	COUPLING(52)	MỐC NỐI	KOPELING	1	1	1		
090	TC412-2283-0	SHIFTER(52)	BỘ DỊCH CHUYỂN	SHIFTER	1	1	1		
100	TC412-2206-0	GEAR,42 SUB	BÁNH RĂNG	RODA GIGI	1	1	1		42T
110	T1880-2274-0	BEARING,NEEDLE	BẠC ĐẠN KIM	BANTALAN JARUM	1	1	1		
120	TC412-2208-0	COLLAR,THRUST	VÀNH,CHẶN	KERAH TEKAN	1	1	1		
130	TD170-2272-0	BEARING,TAPER-ROLLER	VÒNG BI,BI ĐÙA HÌNH CÔN	BANTALAN ROLLER TAPER	1	1	1		
140	TC402-2325-0	NUT(22)	ĐAI ỐC,TRÒN	MUR	1	1	1		
150	TC402-2216-0	CASE,BEARING	HỘP BẠC ĐẠN	WADAH BANTALAN	1	1	1		
160	TC402-2261-0	SHIM(0.5,6SBP)	MIẾNG CHÈM	SHIM	2	2	2		0.5mm
160	TC402-2262-0	SHIM(0.2,6SBP)	MIẾNG CHÈM	SHIM	4	4	4		0.2mm
160	TC402-2263-0	SHIM(0.1,6SBP)	MIẾNG CHÈM	SHIM	2	2	2		0.1mm
170	TC402-2217-0	COVER,BEARING	NÁP VÒNG BI	PENUTUP	1	1	1		
180	01123-50816	BOLT,SEMS	BU LÔNG	BAUT	2	2	2		
190	01133-51035	BOLT,SEMS	BU LÔNG	BAUT	4	4	4		
200	TC402-4387-0	BOLT,UBS	BU LÔNG	BAUT	8	8	8		
210	TC412-1511-0	GEAR,18 DT	BÁNH RĂNG	RODA GIGI	1	1	1		18T

66

DIFFERENTIAL REAR

BỘ VI SAI SAU

DIFERENSIAL BELAKANG



TC422-036-13

A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

REF.No. SỐ THANH NIÊN No. REFERENCE	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PART NAME	TÊN PHỤ TÙNG	NAMA SUKU CADANG	Q'TY/S.No. SỐ LƯỢNG/Số sê-ri No. KUANTITAS/SERIAL			I.C. I.C. I.C.	REMARKS LƯU Ý KETERANGAN
					A	B	C		
010	TC403-3220-0	ASSY,DIFFERENTIAL	BỘ VI SAI,Bộ	DIFERENSIAL_RAKITAN	1	1	1		
020	TC403-3271-0	CASE,DIFF.	HỘP,VI SAI	WADAH DIFERENSIAL	1	1	1		
030	TC403-3204-0	COVER,DIFF.CASE	VỎ,HỘP VI SAI	PENUTUP	1	1	1		
040	01133-51025	BOLT,SEMS	BU LÔNG	BAUT	8	8	8		
050	35430-2634-0	SHAFT,DIFF.PINION	TRỤC,BÁNH RĂNG VI SAI	POROS	1	1	1		
060	35430-2633-0	SHAFT,DIFF.PINION	TRỤC,BÁNH RĂNG VI SAI	POROS	2	2	2		
070	31220-2628-0	KEY,FEATHER	THEN, PULI ĐỘNG CƠ	PASAK BULU	2	2	2		
080	35430-2635-0	PINION,DIFFERENTIAL	BÁNH RĂNG,VI SAI	RODA GIGI	4	4	4		12T
090	31351-2639-0	WASHER(DIFF.PINION)	VÒNG ĐỆM,BÁNH RĂNG VI SAI	WASHER	4	4	4		
100	37300-2643-0	GEAR(RH DIFF.SIDE)	SỎ,PHẢI VI SAI	RODA GIGI	1	1	1		20T
110	37300-2644-0	GEAR(LH DIFF.SIDE)	SỎ,VI SAI NHÁNH TRÁI	RODA GIGI	1	1	1		20T
120	31351-2647-0	WASHER,SIDE GEAR	VÒNG ĐỆM,SỎ PHỤ	WASHER	2	2	2		1.5mm
120	31351-2648-0	WASHER,SIDE GEAR	VÒNG ĐỆM,SỎ PHỤ	WASHER	2	2	2		1.6mm
120	31351-2649-0	WASHER,SIDE GEAR	VÒNG ĐỆM,SỎ PHỤ	WASHER	2	2	2		1.7mm
120	3A011-3276-0	COLLAR,THRUST	MĂNG-SÔNG,ĐÁY	KERAH TEKAN	2	2	2		1.8mm
120	3A011-3278-0	COLLAR,THRUST	MĂNG-SÔNG,ĐÁY	KERAH TEKAN	2	2	2		2.0mm
130	TC402-2816-0	PIN,STRAIGHT	CHÓT,THẰNG	PIN LURUS	1	1	1		
140	TC402-2661-0	SHIFTER,DIFF.LOCK	BỘ DỊCH CHUYỂN	SHIFTER	1	1	1		
150	TC402-2655-0	CASE,DIFF.BEARING RH	VỎ	WADAH	1	1	1		
160	TC402-2656-0	CASE,DIFF.BEARING LH	VỎ	WADAH	1	1	1		
170	TC402-2616-0	SHIM(0.2,DIFF)	MIẾNG CHÈM	SHIM	12	12	12		0.2mm
170	TC402-2617-0	SHIM(0.1,DIFF)	MIẾNG CHÈM	SHIM	8	8	8		0.1mm
170	TC402-2618-0	SHIM(0.5,DIFF)	MIẾNG CHÈM	SHIM	4	4	4		0.5mm
180	TD170-2661-0	BEARING,TAPER-ROLLER	VÒNG BỊ,BI ĐÙA HÌNH CÓN	BANTALAN ROLLER TAPER	1	1	1		
190	TD170-2663-0	BEARING,TAPER ROLLER	BẠC ĐẠN	BANTALAN	1	1	1		
200	01133-51030	BOLT,SEMS	BU LÔNG	BAUT	8	8	8		

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

D13000



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

D13500



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

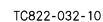
D20100



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

D20500



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

D21700



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

D22000



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

D22500



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

E10100



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

E10500



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

E1 1300



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

E1 1400



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

E12500



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

E14000



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

E15101



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

E15102



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

E15201



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

E15202



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

E16100



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

E1 6200



Fig.No.
C420XX

Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

[illegible]

86

E17000



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

E20100



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

[illegible]

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

E20200



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

F10501



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

F1 2000



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

F12200



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

93

F1 2500



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

F12600



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

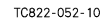
F12700



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

F13000



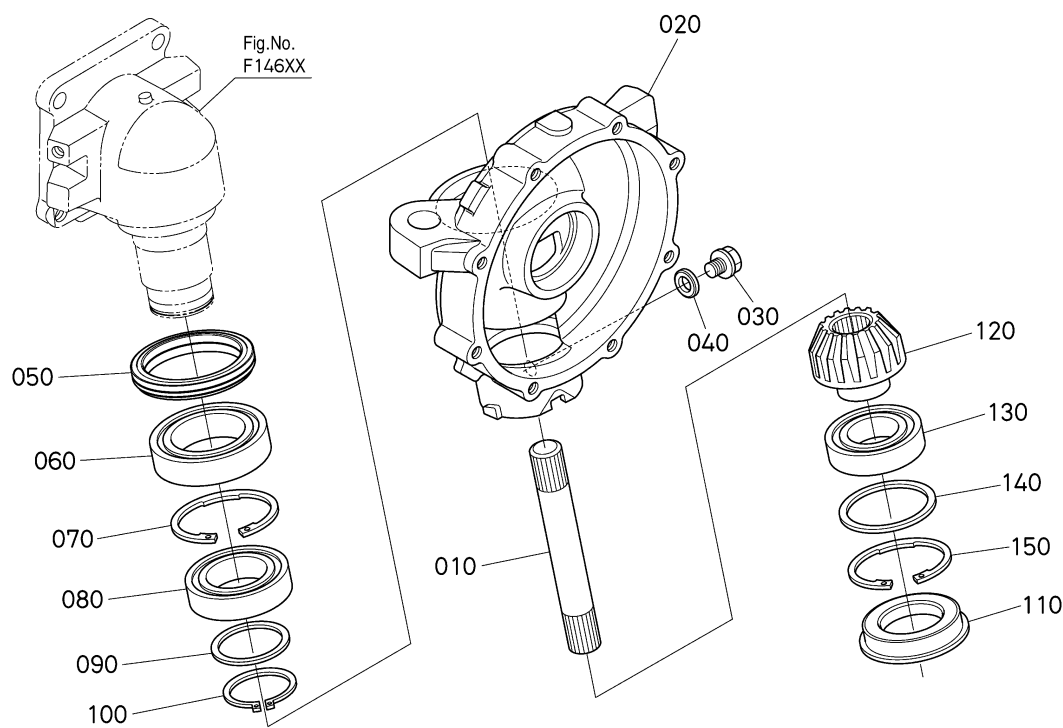
Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable: ≠ not Interchangeable: ← new for old: → old for new

FRONT AXLE CASE LH

F14100 HỘP TRỤC TRƯỚC TRÁI

KOTAK GANDAR DEPAN TANGAN KIRI



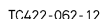
TC422-061-12

A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

REF.No. SỐ THANH KIỆN No. REFERENCE	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PART NAME	TÊN PHỤ TÙNG	NAMA SUKU CADANG	QTY/S.No. SỐ LƯỢNG/Số sê-ri No. KUANTITAS/SERIAL			I.C. I.C. I.C.	REMARKS LƯU Ý KETERANGAN
					A	B	C		
010	TC402-1272-0	SHAFT,BEVEL GEAR	TRỤC	POROS	1	1	1		
020	TC402-1302-0	CASE,FRONT GEAR LH	VỎ	WADAH	1	1	1		
030	06331-45010	PLUG	CHÓT,TUA VÍT	SUMBAT	1	1	1		
040	04717-01000	WASHER,SEAL	VÒNG ĐỆM,BĂNG CAO SU	WASHER SEGEL	1	1	1		
050	TC422-1315-2	SEAL,OIL	PHỐT NHÓT	SEGEL OLI	1	1	1		
060	TC802-1282-0	BEARING,BALL(6012)	BẠC ĐẠN	BANTALAN BOLA	1	1	1		
070	04611-00800	CIR-CLIP,INTERNAL	KẸP TRÒN,BỘ PHẦN TRONG	CIRKLIP DALAM	1	1	1		
080	TC802-4500-0	BEARING,BALL(6010)	BẠC ĐẠN	BANTALAN BOLA	1	1	1		
090	TC402-1201-0	SHIM(0.8,DT)	MIẾNG CHÈM	SHIM	1	1	1		0.8mm
090	TC402-1202-0	SHIM(1.0,DT)	MIẾNG CHÈM	SHIM	1	1	1		1.0mm
090	TC402-1203-0	SHIM(1.2,DT)	MIẾNG CHÈM	SHIM	1	1	1		1.2mm
090	TC402-1204-0	SHIM(1.4,DT)	MIẾNG CHÈM	SHIM	1	1	1		1.4mm
090	TC402-1205-0	SHIM(1.6,DT)	MIẾNG CHÈM	SHIM	1	1	1		1.6mm
100	04612-00500	CIR-CLIP,EXTERNAL	KẸP TRÒN,BỘ PHẦN NGOÀI	CIRKLIP LUAR	1	1	1		
110	TC402-1310-0	PLUG	CHÓT,TUA VÍT	SUMBAT	1	1	1		
120	TC422-1322-0	GEAR,BEVEL(11)	BÁNH RĂNG CÔN	GIR,BEVEL	1	1	1		11T
130	08101-06207	BEARING,BALL	Ổ,BI	BANTALAN BOLA	1	1	1		
140	TC402-5716-0	SHIM,1.0 11BEVEL	MIẾNG CHÈM	SHIM	1	1	1		1.0mm
140	TC402-5717-0	SHIM,1.2 11BEVEL	MIẾNG CHÈM	SHIM	1	1	1		1.2mm
140	TC402-1261-0	SHIM,72 1.4	MIẾNG CHÈM	SHIM	1	1	1		1.4mm
140	TC402-1262-0	SHIM,72 1.6	MIẾNG CHÈM	SHIM	1	1	1		1.6mm
140	TC402-1263-0	SHIM,72 1.8	MIẾNG CHÈM	SHIM	1	1	1		1.8mm
140	TC402-1264-0	SHIM,72 2.0	MIẾNG CHÈM	SHIM	1	1	1		2.0mm
140	TC402-1265-0	SHIM,72 2.2	MIẾNG CHÈM	SHIM	1	1	1		2.2mm
150	04611-00720	CIR-CLIP,INTERNAL	KẸP TRÒN,BỘ PHẦN TRONG	CIRKLIP DALAM	1	1	1		

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

F14200



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

F14600



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

F14700



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

F15100



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

F15200



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

G10100



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

G10500



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

[illegible]

105

G10700



080

Q'TY/S.No.

[illegible]

106

G1 1200



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

G1 2000



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

H1 2000



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

[illegible]

110

H1 2500



	Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
--	------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

H20500



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

H21000



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

H22500



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable: $\neq$ not Interchangeable: $\leftarrow$ new for old: $\rightarrow$ old for new

H30000



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

H30300



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

H32000



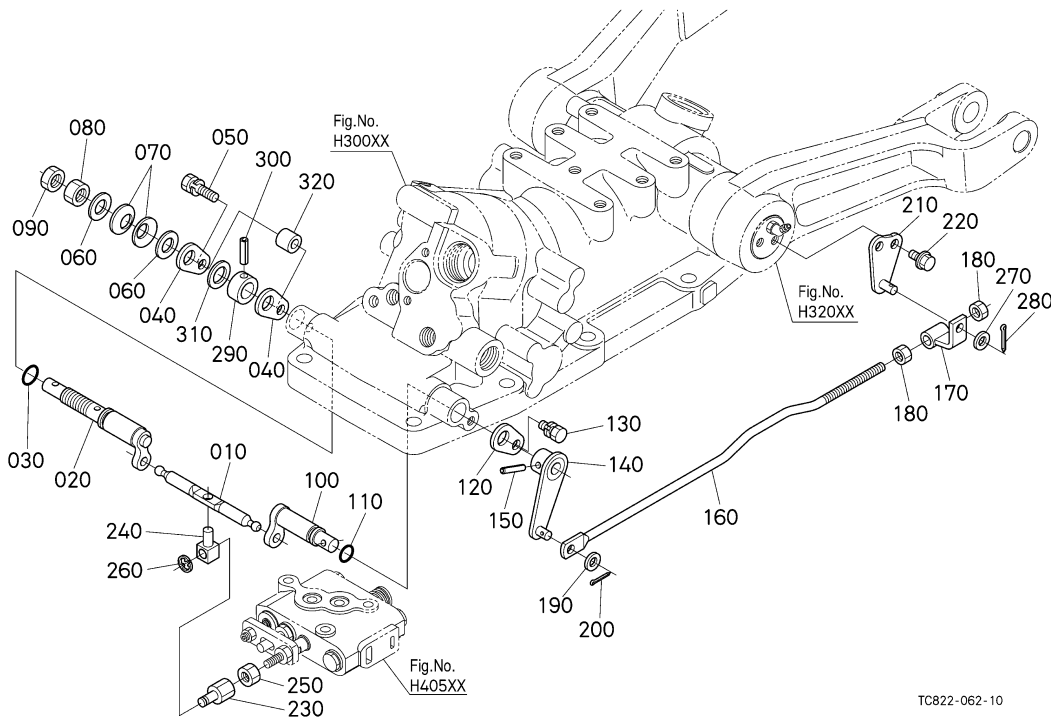
Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

FEED BACK LEVER

CẦN LIÊN HỆ NGƯỢC

TUAS UMPAN BELAKANG



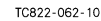
TC822-062-10

A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

REF.No. SỐ THANH NIÊN No. REFERENCE	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PART NAME	TÊN PHỤ TÙNG	NAMA SUKU CADANG	QTY/S.No. SỐ LƯỢNG/Số sê-ri No. KUANTITAS/SERIAL			I.C. I.C. I.C.	REMARKS LƯU Ý KETERANGAN
					A	B	C		
010	TC402-3764-0	LEVER,SPOOL DRIVE	ĐÒN BẦY	TUAS	1	1	1		
020	TC432-3765-3	ARM,CONTROL	CẦN,ĐIỀU KHIỂN	LENGAN	1	1	1		
030	04817-00140	O RING	VÒNG CHỮ O	O-RING	1	1	1		
040	TC402-3766-0	PLATE,SET	ĐĨA	PELAT	2	2	2		
050	01123-50830	BOLT,SEMS	BU LÔNG	BAUT	1	1	1		
060	04013-50140	WASHER,PLAIN	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER DATAR	2	2	2		
070	TC402-3688-0	WASHER,LOCK	LÒ XO, ĐĨA	PEGAS CAKRAM	2	2	2		
080	02176-50140	HEX.NUT	ĐINH ỐC	MUR	1	1	1		
090	02172-50140	HEX.NUT	ĐINH ỐC	MUR	1	1	1		
100	TC402-3775-0	SHAFT,FEED BACK LEVER	TRỤC,CẦN GẠT SAU	POROS	1	1	1		
110	04816-00120	O RING	VÒNG CHỮ O	O-RING	1	1	1		
120	TC402-3689-0	PLATE,SET	ĐĨA	PELAT	1	1	1		
130	01123-50816	BOLT,SEMS	BU LÔNG	BAUT	1	1	1		
140	TC402-3603-0	LEVER,FEED BACK	CẦN GẠT LUI	TUAS	1	1	1		
150	05411-00525	PIN,SPRING	ĐINH,LÒ XO	PIN PEGAS	1	1	1		
160	TC402-3777-0	ROD,FEED BACK	THANH TRUYỀN,LIÊN HỆ NGƯỢC	BATANG	1	1	1		
170	TC402-3778-0	HOLDER,CONTROL	GIÁ GIỮ ĐIỀU KHIỂN	PENGHUBUNG	1	1	1		
180	02156-50080	HEX.NUT	ĐINH ỐC	MUR	2	2	2		
190	04013-50080	WASHER,PLAIN	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER DATAR	1	1	1		
200	05511-50218	PIN,SPLIT	ĐINH, TÁCH RỜI	PIN BELAH	1	1	1		
210	TC402-3601-0	PLATE,CONTROL LINK	ĐĨA	PELAT	1	1	1		
220	01754-50816	BOLT,FLANGE	BU LÔNG,MÉP	BAUT FLENSA	2	2	2		
230	TC402-3828-0	JOINT,SPOOL	KHỚP	SAMBUNGAN	1	1	1		
240	TC402-3642-0	JOINT(SPOOL,2)	ỐNG CUỘN	KUMPARAN	1	1	1		
250	02112-50080	HEX.NUT	ĐINH ỐC	MUR	1	1	1		
260	04613-50060	CIR-CLIP, EXTERNAL	KẸP TRÒN,BỘ PHẬN NGOÀI	CIRKLIP LUAR	1	1	1		
270	04013-50080	WASHER,PLAIN	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER DATAR	1	1	1		
280	05511-50218	PIN,SPLIT	ĐINH, TÁCH RỜI	PIN BELAH	1	1	1		
290	TC403-3690-0	SPACER	ĐỆM	SPACER	1	1	1		
300	05411-00528	SPRING PIN	ĐINH,LÒ XO	PIN PEGAS	1	1	1		

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

H33000



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

H40500



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

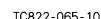
H43200



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

H44000



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable: $\neq$ not Interchangeable: $\leftarrow$ new for old: $\rightarrow$ old for new

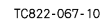
**TOP LINK
LIÊN KẾT ĐỈNH
PENGHUBUNG ATAS**



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

J1 1000



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

J1 1200



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

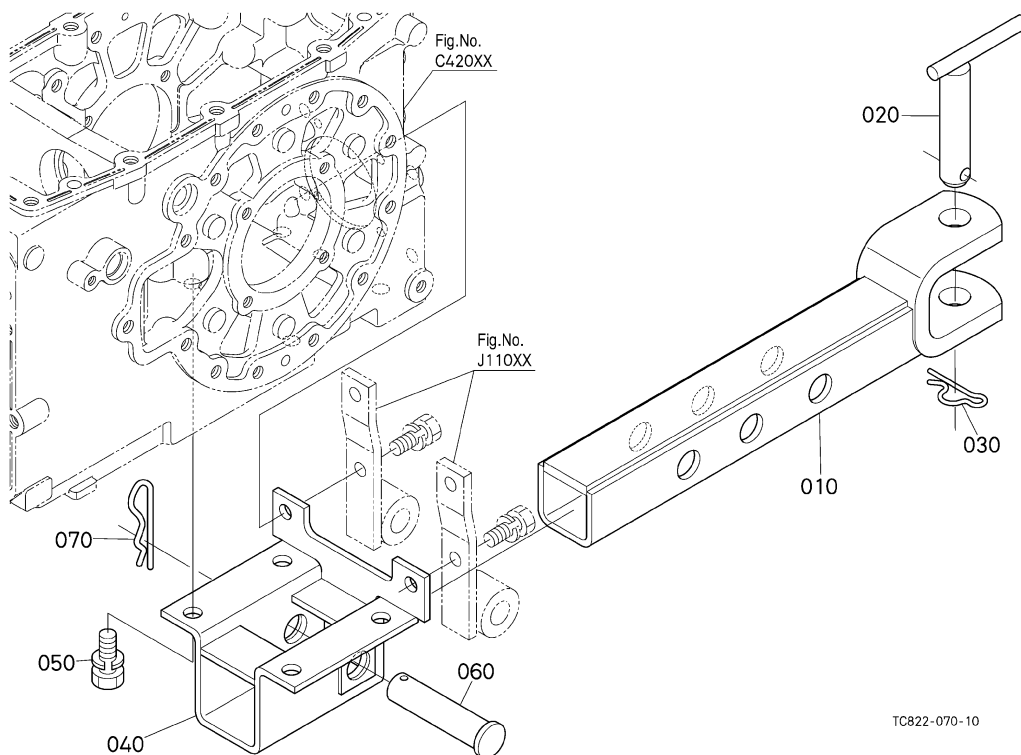
J11500



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

K1 1000

HITCH MÓC GANDENG



TC822-070-10

A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

[illegible]

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

L10100



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

L10201



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

L10202



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

L10500



TC822-089-10

Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

[illegible]

131

L10800



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

L12000



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\nleftrightarrow$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

L13001



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

[illegible]

134

L13002



Q'TY/S.No.	IC	REMARKS
------------	----	---------

[illegible]

135

L13501



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

L13502



Q'TY/S.No.	LO	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

L20501



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

L20502



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

L21000



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

L21500



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

L22000

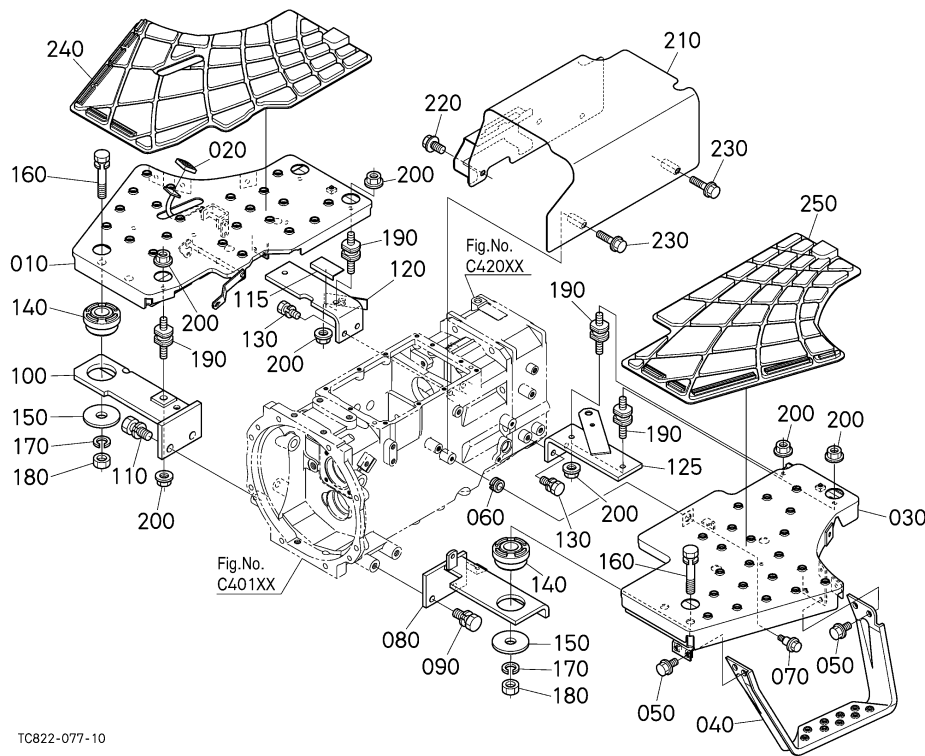
SEAT ĐÉ BANTALAN



Fig.No.
L215XX

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

STEP L22500 BƯỚC LANGKAH



TC822-077-10

A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

REF.No. SỐ THANH KIỆN No. REFERENCE	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PART NAME	TÊN PHỤ TÙNG	NAMA SUKU CADANG	Q'TY/S.No. SỐ LƯỢNG/Số sê-ri No. KUANTITAS/SERIAL			I.C. I.C. I.C.	REMARKS LƯU Ý KETERANGAN
					A	B	C		
010	TC822-2990-0	STEP,COMP(RH)	BƯỚC,BỘ HOÀN CHỈNH	STEP,KOMPLIT	1	1	1		
020	TC402-4485-0	COVER,ACCEL PEDAL	NẮP	PENUTUP	1	1	1		
030	TC822-2992-0	STEP,COMP(LH)	BƯỚC,BỘ HOÀN CHỈNH	STEP,KOMPLIT	1	1	1		
040	TC402-4747-0	STEP,AID LH	BƯỚC	STEP	1	1	1		
050	01754-50812	BOLT,FLANGE	BU LÔNG,MÉP	BAUT FLENSA	4	4	4		
060	TC402-5138-0	CUSHION,STEP LH	ĐỆM	BANTALAN	1	1	1		
070	TC402-2916-0	BOLT(STEP)	BULÔNG	BAUT	1	1	1		
080	TC822-2914-0	BRACKET(STEP FRON LH)	GIÁ ĐỠ	BRACKET	1	1	1		
090	01133-51230	BOLT,SEMS	BU LÔNG	BAUT	2	2	2		
100	TC402-2915-0	BRACKET,STEP FRONT R	GIÁ ĐỠ	BRACKET	1	1	1		
110	01133-51230	BOLT,SEMS	BU LÔNG	BAUT	2	2	2		
115	TC832-7449-0	SPONGE(PILLAR FRONT)	XÓP	SPONS	1	1	1		
120	TC822-4741-0	BRACKET(STEP REAR)	GIÁ ĐỠ	BRACKET	1	1	1		
125	TC822-4742-0	BRACKET(STEP,REAR LH)	GIÁ ĐỠ	BRACKET	1	1	1		
130	01133-51025	BOLT,SEMS	BU LÔNG	BAUT	4	4	4		
140	TC422-4738-0	CUSHION,MOUNT	CAO SU CHỐNG RUNG	KARET ANTI-GETARAN	2	2	2		
150	TC402-4732-0	WASHER,MOUNT	VÒNG ĐỆM	WASHER	2	2	2		
160	01133-51660	BOLT,SEMS	BU LÔNG	BAUT	2	2	2		
170	04512-50160	WASHER,SPRING LOCK	VÒNG ĐỆM, LÒ XO	WASHER PEGAS	2	2	2		
180	02176-50160	HEX.NUT	ĐINH ỐC	MUR	2	2	2		
190	TC402-4735-0	CUSHION	CAO SU CHỐNG RUNG	KARET ANTI-GETARAN	5	5	5		
200	02751-50080	NUT,FLANGE	ĐAI ỐC, MẶT BÍCH	MUR FLENSA	10	10	10		
210	TC822-2993-0	COVER(CENTER)	NẮP TRUNG TÂM	PENUTUP	1	1	1		
220	01754-50812	BOLT,FLANGE	BU LÔNG,MÉP	BAUT FLENSA	3	3	3		
230	01754-50845	BOLT,FLANGE	BU LÔNG,MÉP	BAUT FLENSA	2	2	2		
240	TC822-4751-0	MAT(STEP RH)	THẢM	KESET	1	1	1		
250	TC822-4745-0	MAT(STEP LH)	THẢM	KESET	1	1	1		

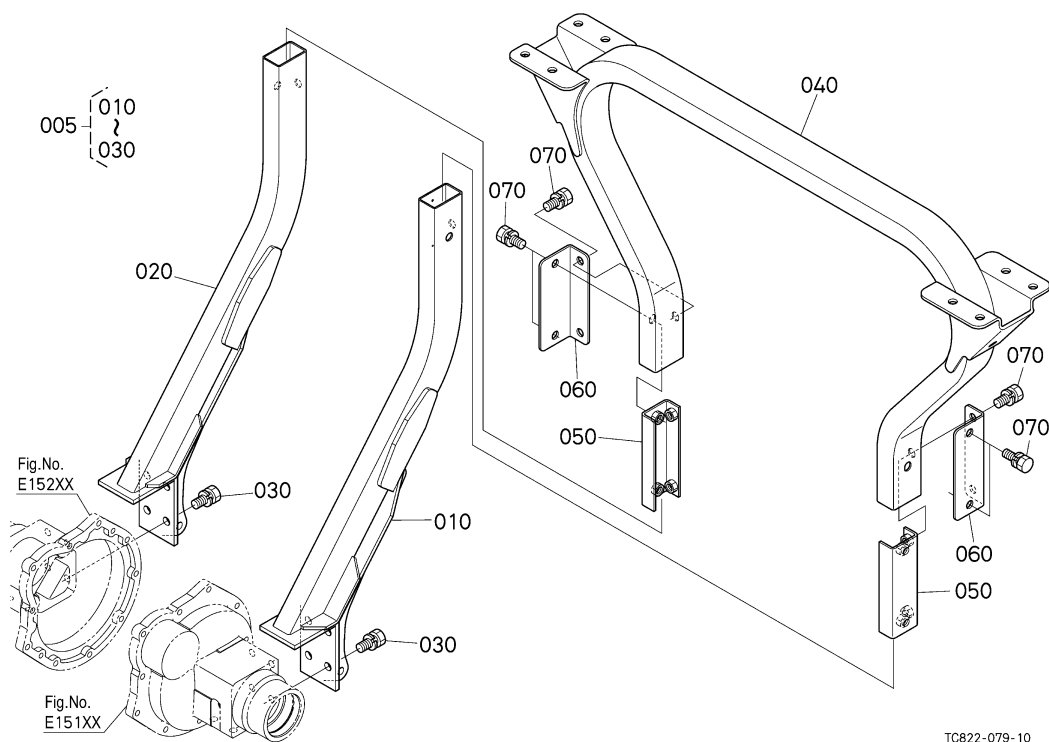
↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

L24000



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new



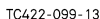
TC822-079-10

A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

[illegible]

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

P10100



A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

P1 1000



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

R10501



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

R10502



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

↔ Interchangeable; ≠ not Interchangeable; ← new for old; → old for new

R1 1000



Q'TY/S.No.	LC	REMARKS
------------	----	---------

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

S10500

LINH PHỤ KIỆN

ອຸປະກອນເສີມເລະຊັ້ນສ່ວນບໍລິການ

တွဲဖက်ပစ္စည်းများနှင့် ဝန်ဆောင်မှု အစိတ်အပိုင်းများ

AKSESORI DAN LAYANAN SUKU CADANG

وسيله های جانبی و بخش های سرویس

ACCESSORIES AND SERVICE PARTS

A:L3218DT-PH B:L3218DT-VN C:L3218DT-ID

$\leftrightarrow$ Interchangeable; $\neq$ not Interchangeable; $\leftarrow$ new for old; $\rightarrow$ old for new

NUMERICAL INDEX
SỐ THỨ TỰ DANH MỤC
INDEKS NUMERIK

PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI
HH164-3243-0.....6...060			TA040-1252-0...100...030			TC402-1257-0...100...060			TC402-1758-0....28...040		
K2063-3694-0...111...070			101...030			101...060			TC402-1811-0....23...090		
K7571-6182-0...41...140			TA040-1253-0...100...070			TC402-1261-0....98...140			24...080		
K7571-6184-0...41...020			101...070			99...140			TC402-1821-0...105...010		
K7571-6187-0...41...110			TA040-9322-0...23...020			100...060			TC402-1826-0...105...030		
PA401-7647-0...77...150			24...020			101...060			TC402-1828-2...105...070		
PM808-6821-0...45...035			TA040-9323-0...23...030			TC402-1262-0....98...140			TC402-2128-0...93...020		
R1322-5429-0...54...080			24...030			99...140			TC402-2141-0...116...160		
R5611-5313-0...48...050			TA040-9325-0...23...040			TC402-1263-0....98...140			TC402-2156-2....62...140		
T0030-2716-0...81...080			24...040			99...140			63...190		
T0030-2716-0...82...080			TA140-1314-0...102...020			TC402-1264-0....98...140			TC402-2156-2....68...090		
83...080			103...020			99...140			TC402-2163-0....62...020		
84...080			TA140-2500-0...81...130			TC402-1265-0....98...140			TC402-2164-0....68...060		
T0070-7566-0...141...130			82...130			99...140			TC402-2165-0....62...120		
T0270-3556-0...23...080			83...130			TC402-1272-0....98...010			TC402-2166-0....62...170		
24...070			84...130			99...010			TC402-2168-0....68...130		
24...100			TA140-3692-0...119...310			TC402-1280-2...100...020			69...020		
T0270-4614-0...115...190			TA140-9324-0...23...035			101...020			TC402-2178-0....63...120		
T0430-3237-0...46...010			24...035			TC402-1301-0....99...020			TC402-2179-0....68...030		
T0430-3247-0...46...015			TA240-5466-0...79...030			TC402-1302-0....98...020			TC402-2183-0....68...040		
T1060-1719-0...106...020			TC110-3745-0...115...030			TC402-1310-0....98...110			TC402-2194-0....68...170		
T1060-2288-2...63...140			TC110-3746-0...115...020			99...110			TC402-2214-0...123...160		
66...070			TC220-2178-0...68...110			TC402-1313-0...102...070			TC402-2215-0...123...170		
T1060-3055-0...54...100			TC220-2215-0...68...020			103...070			TC402-2216-0...66...150		
55...040			68...150			TC402-1333-7...102...010			TC402-2217-0...66...170		
T1060-3356-0...114...020			TC222-1630-0...23...010			103...010			TC402-2242-0...63...060		
T1060-3372-0...45...040			TC322-1632-0...24...090			TC402-1335-0...102...040			TC402-2259-0...63...030		
T1060-3645-0...111...040			TC327-2711-0...82...060			103...040			TC402-2261-0...66...160		
T1060-3655-0...111...100			84...060			TC402-1353-0...57...030			TC402-2262-0...66...160		
T1060-3662-0...110...030			TC327-8721-0...149...140			TC402-1357-0...95...090			TC402-2263-0...66...160		
T1060-3714-0...107...070			TC402-1027-0...27...100			TC402-1362-0...95...170			TC402-2267-0...65...030		
T1060-3716-0...107...080			TC402-1032-0...27...080			TC402-1368-0...94...120			TC402-2321-0...72...030		
T1063-6248-0...63...160			TC402-1138-0...81...110			TC402-1429-0...11...060			TC402-2325-0...66...140		
T1065-3043-0...54...020			82...110			81...200			TC402-2373-0...70...070		
T1065-3054-0...54...140			83...110			82...200			73...060		
T1150-2245-0...63...050			84...110			83...200			TC402-2387-0...75...080		
T1150-2715-0...81...140			TC402-1201-0...98...090			84...200			TC402-2435-0...71...080		
82...140			99...090			TC402-1451-0...56...030			72...090		
83...140			TC402-1202-0...98...090			TC402-1456-0...92...080			73...110		
84...140			99...090			TC402-1466-0...62...040			TC402-2442-2...72...070		
T1150-3643-0...111...140			TC402-1203-0...98...090			TC402-1466-0...68...070			TC402-2467-0...73...050		
T1150-3644-0...110...090			99...090			TC402-1471-0...92...020			TC402-2476-0...75...110		
111...010			TC402-1204-0...98...090			TC402-1478-0...57...080			TC402-2478-2...75...150		
T1150-3648-0...111...020			99...090			TC402-1512-3...68...200			TC402-2479-0...79...040		
T1150-9971-0...107...100			TC402-1205-0...98...090			TC402-1516-0...97...090			TC402-2481-0...75...120		
T1150-9972-2...107...110			99...090			TC402-1517-0...97...090			TC402-2482-0...75...130		
T1150-9973-2...107...120			TC402-1213-0...96...040			TC402-1518-0...97...090			TC402-2497-0...75...100		
T1150-9974-0...107...130			TC402-1214-0...96...040			TC402-1583-0...88...150			TC402-2532-0...69...070		
T1150-9975-0...107...140			TC402-1215-0...96...040			TC402-1584-0...58...050			TC402-2536-0...69...030		
T1150-9976-0...107...150			TC402-1216-0...96...040			74...090			TC402-2541-0...69...090		
T1850-2144-0...63...110			TC402-1217-0...96...040			TC402-1584-0...88...140			TC402-2582-0...69...120		
T1880-2114-0...57...060			TC402-1222-0...96...060			TC402-1595-0...58...070			TC402-2616-0...67...170		
T1880-2274-0...66...110			TC402-1230-2...97...100			TC402-1603-0...37...160			TC402-2617-0...67...170		
T2050-8473-0...105...050			TC402-1231-0...22...030			TC402-1633-0...127...030			TC402-2618-0...67...170		
T3060-2226-0...63...070			TC402-1232-2...97...100			127...070			TC402-2655-0...67...150		
T3630-3055-0...53...040			TC402-1233-2...97...100			TC402-1642-0...22...020			TC402-2656-0...67...160		
54...090			TC402-1234-2...97...100			TC402-1712-4...27...010			TC402-2661-0...67...140		
54...130			TC402-1235-2...97...100			TC402-1716-2...106...060			TC402-2662-0...74...020		
55...020			TC402-1256-0...100...060			TC402-1718-0...106...030			TC402-2663-0...74...010		
TA020-1201-3...96...010			101...060			TC402-1732-2...27...130			TC402-2714-0...81...070		

NUMERICAL INDEX
SỐ THỨ TỰ DANH MỤC
INDEKS NUMERIK

PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI
TC402-2714-0...	82...	070	TC402-3726-0...	116...	080	TC402-4735-0...	143...	190	TC404-4618-0...	150...	020
	83...	070	TC402-3731-0...	117...	010	TC402-4747-0...	143...	040	TC404-4916-0...	146...	150
	84...	070	TC402-3732-3...	117...	040	TC402-4765-0...	122...	110	TC408-3491-2...	150...	060
TC402-2735-0...	85...	030	TC402-3733-0...	117...	050	TC402-4766-2...	122...	120	TC408-4971-2...	150...	050
	86...	030	TC402-3748-0...	117...	090	TC402-4956-2...	148...	100	TC412-1395-0...	146...	020
TC402-2758-0...	59...	060	TC402-3749-0...	117...	100		149...	100		146...	090
TC402-2759-0...	100...	090	TC402-3764-0...	118...	010	TC402-4958-0...	148...	080	TC412-1511-0...	66...	210
	101...	090	TC402-3766-0...	118...	040		149...	080	TC412-2163-0...	62...	080
TC402-2813-3...	86...	010	TC402-3775-0...	118...	100	TC402-5123-0...	46...	110	TC412-2173-0...	68...	120
TC402-2815-3...	85...	010	TC402-3777-0...	118...	160	TC402-5138-0...	143...	060	TC412-2185-2...	63...	150
TC402-2816-0...	67...	130	TC402-3778-0...	118...	170	TC402-5671-0...	96...	050	TC412-2186-0...	63...	210
TC402-2821-0...	85...	120	TC402-3791-0...	121...	040	TC402-5715-0...	100...	060	TC412-2191-0...	65...	020
	86...	120	TC402-3792-0...	121...	050		101...	060	TC412-2195-0...	65...	040
TC402-2840-0...	74...	040	TC402-3793-0...	121...	060	TC402-5716-0...	98...	140	TC412-2205-0...	66...	030
TC402-2841-0...	74...	070	TC402-3794-0...	121...	070		99...	140	TC412-2206-0...	66...	100
TC402-2846-0...	88...	060	TC402-3795-0...	121...	080		100...	060	TC412-2207-0...	66...	040
TC402-2882-0...	89...	040	TC402-3796-0...	121...	080		101...	060	TC412-2208-0...	66...	120
TC402-2885-0...	89...	020	TC402-3797-0...	121...	080	TC402-5717-0...	98...	140	TC412-2282-0...	66...	080
TC402-2915-0...	143...	100	TC402-3828-0...	118...	230		99...	140	TC412-2283-0...	66...	090
TC402-2916-0...	143...	070	TC402-3872-0...	59...	035		100...	060	TC412-2411-0...	72...	010
TC402-3323-2...	112...	040	TC402-3872-0...	94...	040	TC402-5717-0...	101...	060	TC412-2413-0...	72...	020
TC402-3325-0...	113...	010	TC402-4011-0...	43...	060	TC402-6126-0...	134...	110	TC412-2424-0...	66...	050
TC402-3326-0...	113...	020	TC402-4012-2...	43...	070		135...	110	TC412-2761-0...	147...	030
	113...	050	TC402-4132-0...	104...	060		140...	040		147...	120
TC402-3329-0...	113...	030	TC402-4149-0...	134...	180	TC402-6838-0...	30...	050	TC412-2762-0...	147...	040
	113...	060		135...	180		34...	040		147...	130
TC402-3332-2...	112...	100		141...	040		42...	040	TC412-2763-0...	147...	050
TC402-3334-0...	112...	140	TC402-4151-2...	104...	050		114...	100		147...	140
TC402-3355-0...	114...	010	TC402-4202-2...	29...	020	TC402-7136-0...	123...	095	TC412-2765-0...	147...	100
TC402-3357-0...	114...	070	TC402-4209-0...	29...	050	TC402-7287-0...	36...	020		147...	190
TC402-3359-0...	114...	080	TC402-4217-0...	117...	130	TC402-7287-0...	36...	040	TC412-2771-0...	147...	010
TC402-3360-0...	114...	110	TC402-4218-2...	29...	080	TC402-7297-0...	112...	150	TC412-2772-0...	147...	110
TC402-3363-0...	114...	120	TC402-4219-2...	29...	090	TC402-8030-0...	69...	130	TC412-4371-0...	146...	010
TC402-3364-2...	114...	115	TC402-4227-0...	29...	100	TC402-9091-0...	90...	040	TC412-4372-0...	146...	080
TC402-3411-0...	74...	030	TC402-4232-0...	34...	030		91...	040	TC412-4374-0...	146...	030
TC402-3412-0...	58...	080	TC402-4234-0...	58...	180	TC402-9841-2...	150...	100		146...	100
TC402-3434-0...	117...	180	TC402-4284-0...	27...	090	TC403-2537-0...	69...	050	TC412-4375-0...	146...	040
	126...	100	TC402-4298-0...	27...	170	TC403-3204-0...	67...	030		146...	110
TC402-3523-2...	29...	040	TC402-4369-0...	128...	030	TC403-3220-0...	67...	010	TC412-9934-0...	66...	010
TC402-3524-0...	29...	030		128...	080	TC403-3271-0...	67...	020	TC422-1068-0...	27...	030
TC402-3601-0...	118...	210	TC402-4369-0...	148...	030	TC403-3456-0...	116...	150	TC422-1204-0...	94...	020
TC402-3603-0...	118...	140		149...	030	TC403-3690-0...	118...	290	TC422-1205-0...	94...	030
TC402-3642-0...	118...	240	TC402-4387-0...	66...	200	TC403-3691-0...	114...	030	TC422-1315-2...	98...	050
TC402-3673-0...	115...	040	TC402-4388-0...	100...	100		114...	130		99...	050
TC402-3674-0...	115...	050		101...	100	TC403-3693-0...	119...	320	TC422-1321-2...	102...	030
TC402-3685-2...	122...	010	TC402-4413-0...	102...	120	TC403-3715-0...	115...	080		103...	030
TC402-3688-0...	118...	070		103...	120	TC403-3736-0...	116...	100	TC422-1322-0...	98...	120
TC402-3689-0...	118...	120	TC402-4414-0...	58...	030	TC403-4294-0...	123...	030		99...	120
TC402-3700-3...	106...	040		88...	120		126...	070	TC422-1360-0...	95...	120
	107...	010	TC402-4422-2...	93...	080	TC403-4333-0...	97...	040	TC422-1370-2...	109...	010
TC402-3702-0...	107...	020	TC402-4423-3...	93...	120	TC403-4392-0...	76...	110	TC422-1373-2...	109...	080
TC402-3704-0...	107...	030	TC402-4431-3...	93...	150	TC403-4476-0...	46...	020		109...	170
TC402-3710-0...	107...	040	TC402-4433-0...	93...	170	TC403-6275-0...	109...	190	TC422-1374-2...	109...	100
TC402-3712-0...	107...	060	TC402-4436-0...	80...	010	TC403-7158-0...	126...	090	TC422-1377-0...	109...	040
TC402-3716-0...	115...	060	TC402-4457-0...	92...	075	TC404-1887-0...	136...	020		109...	130
TC402-3718-0...	113...	090	TC402-4485-0...	143...	020		137...	020	TC422-1378-0...	109...	050
TC402-3719-0...	107...	090	TC402-4561-0...	134...	160	TC404-2161-0...	115...	170		109...	140
TC402-3720-0...	107...	050		135...	160	TC404-2944-0...	140...	080	TC422-1379-0...	109...	060
TC402-3721-0...	116...	010	TC402-4732-0...	141...	090	TC404-3055-0...	38...	110		109...	150
TC402-3725-0...	116...	040		143...	150	TC404-4239-0...	142...	150	TC422-1381-2...	90...	050

NUMERICAL INDEX
SỐ THỨ TỰ DANH MỤC
INDEKS NUMERIK

PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI
TC422-1388-0...	109...	090	TC422-2683-0...	82...	050	TC422-4301-2...	31...	020	TC432-1210-0...	96...	030
	109...	180		83...	050	TC422-4368-0...	104...	040	TC432-1607-0...	37...	030
TC422-1389-0...	109...	070		84...	050	TC422-4369-0...	131...	100	TC432-1609-0...	37...	020
	109...	160	TC422-2712-3...	81...	060	TC422-4391-0...	138...	020	TC432-3013-0...	43...	020
TC422-1413-0...	59...	140		83...	060		139...	020		148...	010
TC422-1450-0...	56...	010	TC422-2817-0...	85...	220	TC422-4392-0...	138...	030		149...	010
TC422-1458-0...	92...	040		86...	220		139...	030	TC432-3451-4...	116...	060
TC422-1463-2...	92...	010	TC422-2822-2...	86...	130	TC422-4393-0...	138...	040	TC432-3456-0...	76...	100
TC422-1470-2...	93...	010	TC422-2823-2...	85...	130		139...	040	TC432-3485-0...	76...	070
TC422-1563-0...	58...	120	TC422-2841-5...	88...	010	TC422-4394-0...	138...	050	TC432-3743-3...	117...	070
TC422-1563-0...	87...	040	TC422-2844-0...	88...	020	TC422-4394-0...	139...	050	TC432-3765-3...	118...	020
TC422-1564-0...	58...	110	TC422-2861-2...	88...	080	TC422-4397-0...	139...	015	TC432-4228-2...	42...	010
TC422-1565-2...	58...	100	TC422-2881-0...	89...	010	TC422-4398-0...	138...	016	TC432-4353-2...	77...	110
TC422-1606-0...	37...	140	TC422-2887-0...	89...	050		139...	016	TC432-4356-0...	77...	090
TC422-1608-0...	37...	150	TC422-2892-2...	87...	010	TC422-4399-3...	139...	010	TC432-4357-0...	77...	100
TC422-1614-0...	36...	030	TC422-2893-2...	87...	020	TC422-4451-2...	81...	120	TC432-4397-0...	76...	090
TC422-1622-0...	35...	030	TC422-2894-0...	87...	030		82...	120	TC432-4778-2...	142...	090
TC422-1680-0...	40...	010	TC422-2899-0...	58...	140		83...	120	TC432-7136-0...	123...	090
	41...	010		87...	060		84...	120	TC458-4399-0...	138...	010
TC422-1683-0...	41...	100	TC422-2973-0...	127...	040	TC422-4738-0...	141...	080	TC496-8325-0...	22...	040
TC422-1714-0...	106...	010	TC422-2979-2...	127...	020	TC422-4738-0...	143...	140	TC496-8325-0...	102...	080
TC422-1757-3...	28...	010	TC422-2982-0...	124...	010	TC422-4917-0...	150...	080		103...	080
TC422-1886-0...	122...	100	TC422-2983-0...	124...	060	TC422-4934-0...	150...	120	TC496-8530-0...	90...	020
TC422-1979-0...	151...	020	TC422-2984-0...	124...	070	TC422-4937-0...	148...	120		91...	020
TC422-2017-2...	56...	020	TC422-3003-0...	51...	010		149...	120	TC496-8535-0...	124...	090
TC422-2111-8...	60...	010	TC422-3005-0...	49...	040	TC422-4955-0...	150...	110	TC496-8540-0...	90...	030
TC422-2115-0...	60...	020		49...	090	TC422-4958-0...	148...	090		91...	030
TC422-2116-0...	60...	080	TC422-3012-3...	43...	030		149...	090	TC496-8630-0...	127...	050
TC422-2138-0...	68...	010	TC422-3013-0...	43...	050	TC422-4985-0...	75...	050		145...	030
TC422-2152-3...	61...	040	TC422-3025-0...	48...	040	TC422-5281-0...	142...	020		145...	070
TC422-2153-3...	61...	030	TC422-3264-0...	122...	040	TC422-5282-0...	142...	050	TC496-8635-0...	100...	110
TC422-2161-0...	62...	010	TC422-3321-2...	112...	010	TC422-6253-0...	63...	100		101...	110
TC422-2162-2...	62...	090	TC422-3331-0...	112...	060	TC422-7294-3...	36...	010	TC522-2190-0...	71...	060
TC422-2172-3...	62...	070	TC422-3351-0...	114...	040	TC422-8262-0...	112...	030	TC522-2446-0...	77...	010
TC422-2174-3...	68...	100	TC422-3361-0...	50...	010	TC422-8347-3...	129...	080	TC522-2452-0...	59...	170
TC422-2179-3...	129...	030	TC422-3518-3...	134...	070		130...	080	TC522-2731-3...	83...	040
	130...	030		135...	070	TC422-8860-8...	38...	010		84...	040
TC422-2181-3...	62...	190	TC422-3614-0...	122...	070	TC422-8863-0...	38...	080	TC522-2733-3...	81...	040
TC422-2182-3...	63...	040	TC422-3681-0...	25...	080	TC422-8864-4...	38...	030		82...	040
TC422-2184-2...	63...	010	TC422-3682-0...	110...	080	TC422-8865-0...	38...	040	TC522-3086-0...	46...	080
TC422-2187-0...	63...	090	TC422-3714-0...	115...	160	TC422-8867-0...	38...	060	TC522-4352-0...	77...	070
TC422-2194-0...	64...	010	TC422-3729-0...	115...	200	TC422-8868-0...	38...	070	TC522-4355-0...	77...	040
TC422-2196-0...	63...	080	TC422-3764-0...	123...	100	TC422-8869-2...	38...	100	TC522-4912-0...	148...	130
TC422-2351-2...	70...	010		124...	110	TC422-8870-0...	38...	090		149...	130
TC422-2371-2...	75...	010	TC422-3772-0...	112...	035	TC422-8873-0...	38...	050	TC522-5478-0...	29...	110
TC422-2381-2...	75...	040	TC422-4066-0...	37...	080	TC422-8874-2...	38...	020	TC522-6257-3...	104...	070
TC422-2443-3...	73...	100	TC422-4069-0...	49...	120	TC422-9151-0...	50...	020	TC522-6258-0...	104...	080
TC422-2449-0...	78...	040	TC422-4133-0...	131...	040	TC422-9152-0...	50...	030	TC620-2188-0...	71...	010
TC422-2461-0...	73...	010	TC422-4145-0...	80...	030	TC422-9153-0...	50...	040	TC620-2189-0...	71...	020
TC422-2481-2...	79...	020	TC422-4164-0...	105...	060	TC422-9154-0...	50...	050	TC650-3054-0...	53...	050
TC422-2482-2...	79...	010	TC422-4203-0...	29...	060	TC422-9911-0...	51...	020	TC650-4408-0...	58...	060
TC422-2521-0...	68...	140	TC422-4220-2...	30...	010	TC422-9912-0...	51...	030	TC650-4412-0...	88...	160
TC422-2531-4...	69...	010		31...	010	TC428-4718-2...	148...	070	TC682-1426-0...	59...	040
TC422-2574-0...	32...	010	TC422-4221-0...	30...	080		149...	070		93...	060
	33...	010	TC422-4231-2...	131...	020	TC430-7121-0...	123...	040	TC682-1853-2...	71...	040
TC422-2671-3...	83...	010	TC422-4265-2...	32...	035	TC430-7122-0...	123...	050		72...	060
	84...	010	TC422-4266-2...	32...	055	TC432-1206-0...	96...	030	TC682-4425-0...	93...	140
TC422-2672-3...	81...	010	TC422-4267-2...	30...	065	TC432-1207-0...	96...	030	TC704-9701-0...	35...	060
	82...	010	TC422-4269-0...	34...	020	TC432-1208-0...	96...	030	TC802-0266-0...	93...	100
TC422-2683-0...	81...	050	TC422-4273-0...	79...	080	TC432-1209-0...	96...	030	TC802-1282-0...	98...	060

NUMERICAL INDEX
SỐ THỨ TỰ DANH MỤC
INDEKS NUMERIK

PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI
TC802-1282-0...99...060			TC822-2845-0...88...110			TC822-4722-0...141...050			TC832-3769-0...117...160		
TC802-1291-0...94...090			TC822-2862-0...88...100			TC822-4723-0...141...060			TC832-3971-2...125...040		
TC802-2742-0...81...090			TC822-2914-0...143...080			TC822-4728-0...142...010			TC832-3973-0...125...020		
	82...090		TC822-2923-0...115...210			TC822-4741-0...143...120			TC832-3975-0...125...030		
	83...090		TC822-2942-0...123...120			TC822-4742-0...143...125			TC832-3979-0...125...050		
	84...090		TC822-2944-0...140...100			TC822-4745-0...143...250			TC832-4107-0...128...090		
TC802-2877-0...85...180			TC822-2971-0...127...010			TC822-4751-0...143...240			TC832-4134-0...131...050		
TC802-2878-0...86...180			TC822-2990-0...143...010			TC822-4760-2...122...050			TC832-4138-0...131...030		
TC802-4500-0...98...080			TC822-2992-0...143...030			TC822-4950-0...150...090			TC832-4156-0...131...090		
	99...080		TC822-2993-0...143...210			TC822-7133-0...124...100			TC832-4182-0...128...010		
TC803-1851-0...144...010			TC822-3031-3...53...010			TC822-7152-0...126...040			TC832-4184-0...128...020		
TC812-1471-0...57...010				54...010		TC822-7154-2...126...080				148...020	
TC812-1570-0...58...010				55...010		TC822-7156-0...126...010				149...020	
TC812-2463-0...73...030			TC822-3036-0...54...115			TC822-7425-0...35...050			TC832-4188-0...128...060		
TC812-4373-0...146...070			TC822-3120-2...46...060			TC822-8332-0...132...030			TC832-4189-0...128...070		
	146...140		TC822-3340-0...113...080			TC822-9901-2...115...010			TC832-4216-0...134...060		
TC812-4925-0...150...140			TC822-3457-0...116...120			TC822-9910-0...94...010				135...060	
TC812-4942-0...148...050			TC822-3510-0...29...010			TC827-1624-0...37...130			TC832-4224-0...134...150		
TC812-9920-2...59...010			TC822-3744-0...117...080			TC827-1630-0...24...010				135...150	
TC817-4942-0...149...050			TC822-3968-2...125...010			TC827-1831-0...130...010			TC832-4733-0...141...030		
TC822-1211-2...94...130			TC822-3969-2...125...070			TC827-1971-0...151...010			TC832-5512-0...45...020		
TC822-1245-2...101...010			TC822-4061-0...131...070			TC827-4998-0...149...160			TC832-5618-0...95...020		
TC822-1246-2...100...010			TC822-4062-0...131...080			TC827-8722-0...149...150			TC832-6551-0...148...110		
TC822-1337-2...102...060			TC822-4124-2...134...010			TC828-1971-0...151...010				149...110	
	103...060			135...010		TC828-4213-0...134...050			TC832-7110-0...123...010		
TC822-1355-0...95...010			TC822-4131-2...131...010			TC829-1971-0...151...010			TC832-7111-0...123...020		
TC822-1400-2...90...010			TC822-4135-0...133...010			TC832-1225-0...97...010			TC832-7118-0...123...060		
	91...010		TC822-4136-0...133...030			TC832-1568-0...39...010			TC832-7119-0...123...080		
TC822-1457-0...92...070			TC822-4139-0...133...050			TC832-1638-0...37...060			TC832-7151-0...126...020		
TC822-1472-0...57...070			TC822-4191-0...128...100			TC832-1881-2...137...010			TC832-7153-0...126...050		
TC822-1600-0...37...010			TC822-4196-0...129...070			TC832-3001-2...49...010			TC832-7155-0...126...060		
TC822-1601-0...37...040				130...070		TC832-3002-2...49...060			TC832-7175-0...126...110		
TC822-1604-0...37...090			TC822-4200-0...131...110			TC832-3004-0...49...030			TC832-7177-0...126...030		
TC822-1605-0...37...100			TC822-4211-2...134...100				49...080		TC832-7189-0...125...080		
TC822-1624-0...37...130				135...100		TC832-3006-0...49...020			TC832-7449-0...46...040		
TC822-1633-0...23...070			TC822-4213-0...135...050			TC832-3007-0...49...070				143...115	
	24...060		TC822-4214-2...134...170			TC832-3008-0...49...050			TC832-8277-0...134...120		
TC822-1639-0...37...070				135...170			49...100			135...120	
TC822-1641-0...22...010			TC822-4218-2...134...080			TC832-3017-2...52...010			TC832-8501-2...142...100		
TC822-1686-0...104...010				135...080		TC832-3018-2...48...030			TC838-1881-0...136...010		
TC822-1729-0...129...090			TC822-4219-0...134...090			TC832-3021-4...47...010			TC838-8721-0...148...140		
	130...090			135...090			48...010		TC839-1945-0...151...050		
TC822-1831-4...129...010			TC822-4221-2...134...140			TC832-3023-0...48...020			TC839-8721-0...148...140		
TC822-1845-0...142...110				135...140		TC832-3035-4...54...120			TD030-1315-0...102...050		
TC822-1846-0...142...120			TC822-4226-0...132...010			TC832-3041-0...54...050				103...050	
TC822-1847-0...142...140			TC822-4268-0...30...035			TC832-3054-0...54...150			TD060-4287-0...27...060		
TC822-2151-3...61...010			TC822-4290-0...27...160			TC832-3059-0...54...045			TD160-2845-0...63...130		
TC822-2154-0...61...060			TC822-4351-0...76...060			TC832-3061-0...54...060			TD170-2272-0...66...130		
TC822-2167-0...62...150			TC822-4359-0...76...010			TC832-3085-0...46...130			TD170-2661-0...67...180		
TC822-2169-0...62...160			TC822-4361-2...104...020			TC832-3182-0...45...010			TD170-2663-0...67...190		
TC822-2171-0...62...050			TC822-4440-0...80...040			TC832-3183-0...45...015			TD170-2820-0...85...210		
TC822-2314-0...62...060			TC822-4472-0...27...050			TC832-3185-0...45...080				86...210	
	62...100		TC822-4568-2...108...010				151...030		TD179-4902-0...150...130		
TC822-2352-0...70...020			TC822-4569-2...108...030			TC832-3370-0...45...050			W9500-3171-0...151...140		
TC822-2354-0...70...040			TC822-4570-0...76...040			TC832-3371-0...45...070			W9500-3573-0...151...150		
TC822-2355-0...70...050			TC822-4572-0...76...140			TC832-3461-0...117...140			W9500-4074-0...151...060		
TC822-2471-0...78...030			TC822-4700-0...140...020			TC832-3531-0...150...030			W9500-4075-0...151...070		
TC822-2551-0...57...020			TC822-4701-0...140...010			TC832-3532-0...150...040			W9500-6280-0...151...080		
TC822-2736-0...60...040			TC822-4716-2...150...070			TC832-3662-0...115...070			W9500-6282-0...151...090		
TC822-2845-0...58...020			TC822-4720-2...141...010			TC832-3708-0...117...170			W9500-6284-0...151...100		

NUMERICAL INDEX
SỐ THỨ TỰ DANH MỤC
INDEKS NUMERIK

PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI
W9500-6473-0...	151...	110	01133-51035	66...	190	01754-50616	19...	060	01754-50830	15...	030
W95B4-0071-0...	151...	160		81...	160		128...	050	01754-50835	18...	200
YS001-1010-0...	120...	010		82...	160	01754-50620	4...	270	01754-50840	25...	030
YW125-0010-2...	121...	010		83...	160		13...	170	01754-50845	143...	230
YW125-5517-0...	121...	020		84...	160		16...	160	01754-50855	20...	110
01023-50612	37...	110	01133-51040	59...	090		134...	040	01754-50875	18...	130
01025-50616	37...	120		115...	090		135...	040	01774-51010	70...	090
01027-50616	37...	050	01133-51070	59...	070	01754-50625	15...	040		73...	080
	38...	120	01133-51225	108...	020		35...	040	01774-51016	92...	100
	47...	020	01133-51230	95...	180	01754-50660	18...	080		115...	220
01027-50616	49...	110	01133-51230	123...	180	01754-50665	18...	090	01774-51016	140...	130
	128...	040		124...	030	01754-50804	39...	020		142...	060
01027-50620	52...	020		124...	080	01754-50812	2...	060	01774-51020	46...	120
01033-51630	147...	200		141...	070		21...	040		112...	020
01073-51440	90...	060		143...	090		54...	160		140...	120
01123-50814	12...	130		143...	110		55...	030	01774-51025	70...	080
	94...	110	01133-51235	93...	040		59...	180		112...	050
01123-50816	3...	020	01133-51240	11...	110		71...	090	01774-51220	92...	050
	11...	090	01133-51245	115...	130		72...	100	02054-50180	125...	060
	56...	040	01133-51260	85...	040		73...	120	02056-50060	16...	140
01123-50816	62...	180	01133-51260	86...	040	01754-50812	76...	150	02076-50100	95...	070
	66...	180	01133-51430	106...	050		112...	080	02076-50140	146...	180
	72...	040	01133-51435	106...	070		143...	050	02076-50160	147...	230
	118...	130	01133-51445	106...	080		143...	220	02076-50180	125...	110
01123-50820	69...	110	01133-51660	143...	160	01754-50816	8...	080	02112-50080	118...	250
01123-50822	21...	060	01153-50812	20...	160		8...	140	02114-50080	39...	040
01123-50825	7...	060	01173-51030	95...	060		23...	060	02156-50080	27...	110
	30...	090		100...	130		24...	050		27...	180
	57...	090		101...	130		46...	140		79...	050
	65...	050	01173-51202	93...	050		93...	180		102...	110
01123-50825	68...	180	01173-51660	141...	100	01754-50816	105...	110	02156-50080	103...	110
	75...	020	01513-50820	110...	060		108...	040		110...	040
	104...	030	01513-50825	102...	090		112...	090		118...	180
	105...	020		103...	090		112...	120	02172-50140	118...	090
	116...	110	01517-51030	11...	140		114...	090	02176-50100	40...	030
	131...	060	01517-51035	81...	170		118...	220		59...	110
	142...	040		82...	170		122...	060		75...	060
01123-50828	7...	070		83...	170		134...	130		76...	080
01123-50830	113...	120		84...	170		135...	130		77...	060
	118...	050	01517-51040	59...	080		140...	030		80...	050
01123-50835	57...	040	01517-51632	147...	210	01754-50816	140...	060	02176-50100	81...	190
	110...	070	01518-50822	19...	040		141...	020		82...	190
01123-50845	120...	020	01574-51225	124...	020		144...	020		83...	190
01123-50865	32...	020	01574-51240	115...	125	01754-50820	14...	090		84...	190
01125-50820	113...	040	01574-51245	115...	120		18...	110		100...	140
	113...	070	01574-51260	85...	060		25...	040		101...	140
	136...	030		86...	060		76...	050	02176-50120	58...	130
	137...	030	01574-51290	85...	050		108...	050		60...	050
01127-50820	133...	020		86...	050		132...	020		85...	090
	133...	040	01574-61235	60...	070		134...	020		85...	170
01127-50830	29...	070	01574-71235	85...	070	01754-50820	135...	020	02176-50120	86...	090
	39...	030		86...	070		140...	110		86...	170
01133-51020	88...	050	01754-50610	4...	290		142...	130		87...	050
	129...	020		8...	120	01754-50825	19...	030		104...	090
	130...	020	01754-50612	35...	020		30...	020		115...	140
01133-51025	67...	040		45...	060		112...	130		124...	050
	143...	130		122...	130		138...	060	02176-50140	77...	080
01133-51030	40...	040	01754-50616	1...	190		139...	060		118...	080
	67...	200		4...	090		151...	040	02176-50160	141...	120
01133-51035	59...	150		14...	150	01754-50830	6...	030		143...	180

NUMERICAL INDEX
SỐ THỨ TỰ DANH MỤC
INDEKS NUMERIK

PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI
02552-50060	43...	080	04512-50080	56...	050	04717-01000	86...	110	05012-00612	1...	100
02552-50080	76...	130		102...	100		94...	080		4...	140
	123...	150		103...	100		98...	040	05012-00814	75...	030
02574-50100	77...	120		110...	050		99...	040	05012-00818	59...	160
	128...	110		123...	140	04717-01200	75...	140		95...	110
	142...	070	04512-50100	40...	050	04717-01400	11...	130	05012-01018	1...	110
	142...	075		59...	100		59...	130		11...	050
02751-50060	13...	190		81...	180		70...	120		59...	030
	16...	180		82...	180		73...	140		60...	030
	19...	080		83...	180	04717-02000	94...	060		81...	150
02751-50060	26...	040	04512-50100	84...	180	04717-02150	59...	050	05012-01018	82...	150
	44...	040	04512-50120	60...	060		93...	070		83...	150
02751-50080	14...	110		85...	080	04724-00140	13...	050		84...	150
	18...	140		85...	160	04724-00180	4...	130		85...	020
	19...	050		86...	080	04811-00650	117...	020		86...	020
	25...	060		86...	160	04811-10160	121...	100		93...	030
	27...	120		93...	055	04811-10300	9...	170	05014-00816	...111...	030
	140...	070		104...	100	04811-10630	57...	050		111...	090
	143...	200		115...	150	04811-10850	25...	020	05122-50614	...129...	040
02761-50060	51...	040		124...	040	04811-50550	62...	130		130...	040
02771-50100	...140...	090	04512-50140	90...	065	04811-50750	94...	150	05122-50825	...132...	040
03024-50514	46...	070		146...	160		95...	160	05122-50840	58...	090
03024-50520	17...	190	04512-50160	95...	100	04811-50800	69...	100	05122-51022	58...	150
	25...	150		141...	110	04811-51050	...100...	120		80...	060
	46...	050		143...	170		101...	120	05122-51025	87...	080
03024-50525	17...	200		147...	220	04814-00060	13...	040	05122-51235	77...	130
03054-50510	5...	040	04512-50180	...125...	120	04814-00150	17...	100	05411-00325	122...	030
04011-50100	...142...	080	04611-00160	...116...	050	04814-00160	2...	070	05411-00414	13...	110
04011-50120	...89...	030	04611-00300	...111...	150	04814-06310	26...	020		16...	110
04011-50140	...125...	090	04611-00420	75...	090		44...	020		116...	130
04011-50180	...123...	110	04611-00580	96...	070	04816-00080	94...	100	05411-00428	92...	030
04012-50080	...116...	090	04611-00620	69...	080	04816-00120	...118...	110	05411-00430	...123...	070
04013-50050	...121...	090	04611-00720	98...	150	04816-00150	93...	160	05411-00522	70...	030
04013-50060	27...	210		99...	150	04816-00200	71...	070		73...	020
	28...	050		100...	050		72...	080	05411-00525	...118...	150
	129...	050		101...	050		73...	130		122...	020
	130...	050	04611-00800	98...	070	04816-00220	85...	140	05411-00528	20...	120
04013-50080	20...	140		99...	070		86...	140		118...	300
	27...	190	04611-00850	81...	100	04816-00350	92...	110	05411-00625	80...	020
	28...	020		82...	100	04816-00410	92...	060	05411-00635	74...	060
04013-50080	76...	120	04611-00850	83...	100	04816-06280	...121...	030	05411-00635	76...	020
	105...	100		84...	100	04816-06400	...117...	120		77...	020
	118...	190	04611-01000	81...	030	04816-07230	...112...	070		78...	010
	118...	270		82...	030		112...	110		79...	060
04013-50100	27...	140		83...	030	04816-50450	...117...	110	05411-00640	97...	050
	58...	160		84...	030	04817-00090	2...	110	05411-00656	117...	060
	80...	070	04612-00120	71...	050	04817-00100	46...	170	05411-00840	88...	090
	87...	070	04612-00250	25...	090		115...	100	05511-50212	28...	060
04013-50120	77...	140		88...	070		116...	070	05511-50218	27...	200
	105...	080		110...	020	04817-00120	...120...	030		118...	200
04013-50140	...118...	060	04612-00280	63...	020	04817-00140	...115...	110	05511-50218	...118...	280
	146...	170	04612-00400	...117...	150		118...	030	05511-50320	58...	170
04015-50060	52...	030	04612-00500	98...	100	04817-00150	4...	180		80...	080
04015-50080	27...	070		99...	100	04817-00200	...113...	110		87...	090
	123...	130	04613-50060	...118...	260	04817-00220	...116...	020	05511-50328	...109...	200
	142...	030	04613-50080	15...	020	04817-06250	...116...	030	05511-50425	...116...	140
04015-50120	85...	150	04717-01000	3...	160	04817-07230	...115...	180		125...	100
	86...	150		70...	100	04817-50300	...116...	170	05511-51615	27...	220
04512-50060	...122...	090		73...	090	05012-00408	1...	080	05511-52520	28...	030
04512-50080	20...	150		85...	110	05012-00609	1...	090	05515-50800	74...	080

NUMERICAL INDEX
SỐ THỨ TỰ DANH MỤC
INDEKS NUMERIK

PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI
05515-51000	27...	150	09318-88125	30...	070	16429-9201-0	22...	050	1J864-0705-0	7...	110
05516-50800	...132...	050		32...	040		43...	040	1J864-0709-0	7...	010
05525-50600	...129...	060		32...	060	16652-9805-0	41...	240	1J864-1177-0	21...	010
	130...	060	09500-16287	74...	050	17121-5203-0	14...	130	1J864-1182-0	21...	050
05712-00512	10...	250	09502-04710	93...	110	17331-2198-2	9...	060	1J864-1235-0	22...	060
05712-00525	12...	040	09661-40300	17...	040	17391-9616-0	1...	040	1J864-1311-0	20...	010
05712-00720	8...	060	09661-40725	30...	030	19212-6310-0	41...	070	1J864-1312-0	20...	020
	9...	140	09661-40950	34...	010	19212-9713-0	41...	180	1J864-1315-0	20...	060
06311-25020	59...	120	09661-60925	42...	020	1A021-1452-3	5...	060	1J864-1324-0	20...	030
06311-55010	3...	150	09661-70220	14...	170	1A021-2319-2	9...	125	1J864-1333-0	20...	040
06312-10020	1...	130	09661-80150	32...	050	1A021-9602-0	4...	030	1J864-1361-0	3...	120
06331-35020	94...	050	09661-80220	30...	060		18...	050	1J864-1362-0	3...	110
06331-45010	85...	100	09661-80420	32...	030	1A024-3901-0	46...	150	1J864-1403-3	20...	170
	86...	100	11173-6313-0	41...	230	1A084-6001-2	26...	010	1J864-1423-0	20...	180
	94...	070	11460-6307-0	41...	030		44...	010	1J864-1426-0	20...	080
	98...	030	11460-6311-0	41...	080	1A091-0436-2	7...	030	1J864-1431-0	20...	100
	99...	030	11460-6312-0	41...	190	1A091-2347-2	9...	190	1J864-1435-0	20...	090
06331-45014	11...	120	11460-6327-0	41...	090	1A091-2391-0	9...	190	1J864-1443-0	20...	130
	70...	110	11460-6332-0	41...	170	1A091-2392-0	9...	190	1J864-1450-2	5...	010
	73...	150	11460-6339-0	41...	130	1A475-2501-0	11...	010	1J864-1462-0	16...	050
06613-10010	95...	040	11460-6350-0	41...	040	1C010-1356-0	3...	100	1J864-1555-0	8...	010
	95...	140	11460-6353-0	41...	050	1G111-6572-0	53...	020	1J864-1601-2	8...	030
06613-10675	...105...	040	11460-9331-0	41...	160	1G311-4310-0	33...	030	1J864-1607-0	25...	010
06617-10675	...88...	040	11470-6338-0	41...	120	1G750-0331-2	3...	140	1J864-1609-0	25...	100
07012-11214	...151...	120	13824-6759-0	21...	030	1G750-0360-2	3...	140	1J864-1610-0	4...	280
07012-11719	...151...	130	13963-9201-0	41...	210	1G750-0361-2	3...	140	1J864-1627-0	8...	070
07715-00401	8...	040	14301-4275-0	14...	180	1G750-0362-2	3...	140	1J864-1651-0	8...	050
07715-00403	12...	100	14311-6050-4	14...	120	1G750-0363-2	3...	140	1J864-2131-2	9...	030
07715-00805	85...	200	14971-4275-0	30...	040	1G750-5216-0	14...	070	1J864-2133-0	9...	040
	86...	200	15021-1424-0	20...	190	1G796-5410-0	13...	020	1J864-2201-2	9...	050
07715-01605	70...	060	15109-3363-0	18...	030	1G796-5416-0	13...	010	1J864-2214-0	9...	070
	71...	030		18...	060	1G866-5220-0	14...	080	1J864-2290-0	9...	080
	72...	050	15109-3366-0	18...	040	1G896-1328-0	20...	070	1J864-2291-0	9...	080
	73...	040		18...	070	1G896-1358-0	3...	090	1J864-2292-0	9...	080
	73...	070	15221-1398-0	20...	050	1G911-9201-0	13...	030	1J864-2325-0	9...	160
	93...	130	15221-2336-0	9...	180	1J801-7301-0	18...	210	1J864-2328-2	9...	120
07715-03205	12...	080	15261-9601-0	3...	080	1J860-2498-2	8...	100	1J864-2340-0	9...	200
08101-06203	93...	090	15272-6758-0	17...	070	1J860-3314-0	1...	160	1J864-2353-0	10...	210
08101-06206	69...	060	15331-5135-0	14...	030	1J860-9665-0	14...	060	1J864-2354-0	10...	220
08101-06207	98...	130	15331-9666-0	14...	040	1J864-0161-0	2...	010	1J864-2388-0	9...	200
08101-06207	99...	130	15511-6376-0	41...	150	1J864-0175-0	3...	010	1J864-2389-0	9...	200
	100...	040	15511-9666-0	41...	200	1J864-0337-0	3...	060	1J864-2395-0	10...	210
	101...	040	15521-0468-0	11...	070	1J864-0338-0	1...	060	1J864-2396-0	10...	210
08101-06212	97...	020	15521-0479-0	11...	080	1J864-0339-0	1...	070	1J864-2397-0	10...	220
08101-06305	61...	020	15521-9602-0	1...	020	1J864-0345-0	3...	130	1J864-2398-0	10...	220
	65...	060	15521-9603-0	1...	030	1J864-0349-0	3...	070	1J864-2401-2	8...	090
08101-06309	81...	020	15831-4325-0	33...	080	1J864-0430-0	4...	210	1J864-2425-0	8...	130
	82...	020	15831-8746-2	33...	050	1J864-0446-0	7...	080	1J864-2437-0	8...	110
	84...	020		148...	040	1J864-0454-0	7...	020	1J864-3211-0	2...	050
08121-06002	9...	110		149...	040		7...	100	1J864-3229-0	6...	050
08141-06904	92...	120	16221-7327-0	18...	190	1J864-0454-0	7...	120	1J864-3261-0	6...	010
08151-06305	65...	010	16241-9602-0	4...	020	1J864-0456-0	7...	130	1J864-3262-0	6...	020
08181-06309	83...	020	16271-4357-0	33...	070	1J864-0475-0	4...	230	1J864-3288-0	4...	150
08241-05205	...110...	010	16271-4358-0	33...	040	1J864-0481-0	7...	040	1J864-3290-0	4...	170
08511-01715	59...	020	16271-4359-0	33...	060	1J864-0482-0	7...	050	1J864-3291-0	4...	160
08511-05525	95...	030	16271-9616-0	1...	050	1J864-0485-0	4...	240	1J864-3311-0	1...	170
08511-07540	95...	130	16285-9201-0	41...	220	1J864-0512-0	5...	030	1J864-3361-0	1...	140
08822-53114	68...	210	16414-5209-0	14...	070	1J864-0520-0	5...	050	1J864-3365-0	1...	120
09318-88095	42...	030	16414-5211-0	14...	070	1J864-0551-0	5...	080	1J864-3366-0	1...	150
09318-88115	94...	140	16414-5212-0	14...	070	1J864-0704-0	7...	090	1J864-3375-0	2...	030

NUMERICAL INDEX
SỐ THỨ TỰ DANH MỤC
INDEKS NUMERIK

PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI	PART No. MÃ SỐ PHỤ TÙNG No. SUKU CADANG	PAGE TRANG HALAMAN	REF.No. SỐ THAM KHẢO No. REFERENSI
1J864-3633-0...25...050			1J864-9152-2...16...170			30430-8267-0...140...050			3A011-3276-0...67...120		
1J864-3641-2...2...090				19...070		31220-2628-0...67...070			3A011-3278-0...67...120		
1J864-3642-0...2...080				26...030		31301-2264-0...62...030			3F760-5675-0...52...040		
1J864-3655-2...2...100				44...030		31351-1625-0...95...080			3H770-9919-0...95...050		
1J864-3693-0...4...110			1J864-9153-2...3...030			31351-2639-0...67...090				95...150	
1J864-4201-0...14...160				18...120		31351-2647-0...67...120			52300-7517-0...77...050		
1J864-4241-0...14...010			1J864-9154-2...14...100			31351-2648-0...67...120			53581-6415-0...53...060		
1J864-4250-0...17...010			1J864-9155-0...22...070			31351-2649-0...67...120				54...110	
1J864-4251-0...17...030			1J864-9201-0...3...040			31351-2978-2...127...060			53681-5381-0...46...030		
1J864-4271-0...17...050			1J864-9578-0...25...110			31353-4334-3...97...060			55311-4126-0...53...070		
1J864-5132-0...14...050			1J864-9581-0...17...020			31353-4335-3...97...080			5H050-4162-0...54...030		
1J864-5166-0...1...180			1J864-9673-0...17...090			31353-4336-0...97...090			5H050-4163-0...54...040		
1J864-5214-0...14...140			1J864-9683-0...4...190			31353-4337-0...97...090			5H540-4591-0...53...080		
1J864-5300-0...17...080			1J864-9694-0...13...100			32150-2770-0...147...060			5H601-4194-0...46...160		
1J864-5344-0...17...130			1J864-9925-0...17...060				147...150		5T100-2766-0...111...130		
1J864-5345-0...17...120			1J868-0304-0...3...050			32150-2774-0...146...060			66591-3625-0...113...100		
1J864-5362-0...17...110			1J868-0401-2...4...010				146...130			114...050	
1J864-5371-0...17...140			1J868-0460-0...11...040				147...070		67111-3718-0...114...060		
1J864-5372-0...17...150			1J868-1602-0...12...010				147...160		67111-5583-0...46...090		
1J864-5373-0...17...160			1J868-2301-0...9...090			32270-2771-0...147...090			67111-5584-0...46...100		
1J864-5385-0...17...170			1J868-3683-0...25...070			32270-2771-0...147...180			67121-5667-0...97...070		
	25...130		1J868-5605-0...15...010			32270-2773-0...147...095			67121-5677-0...68...190		
1J864-5386-0...17...180			1J868-6382-0...11...020				147...185		68311-7283-0...92...090		
	25...140		1J871-0101-2...1...010			32430-4459-0...92...130			6A100-3743-0...111...080		
1J864-5412-0...16...020			1J871-0413-0...4...200			32751-2231-0...61...050			6A320-4217-0...58...040		
1J864-5427-0...13...060			1J871-2105-2...9...020				62...110			88...130	
1J864-5435-0...16...010			1J871-2109-2...9...020				63...180		6C040-3634-4...111...060		
1J864-5545-0...12...050			1J871-2111-2...9...010				63...220			111...120	
1J864-5547-0...12...060			1J871-2190-2...9...010			34030-1621-0...35...010			6C090-5896-0...2...040		
1J864-5574-0...12...090			1J871-2332-0...9...165			34070-1220-0...96...020			6C140-3735-0...111...050		
1J864-5602-2...16...080			1J871-2411-0...9...130			34070-1228-0...97...030			6C140-3735-0...111...110		
1J864-5641-0...15...050			1J871-3375-0...4...120			34070-1681-0...41...060			6C506-4721-0...148...060		
1J864-5642-0...15...060			1J871-3513-0...4...080			34070-2274-0...66...020				149...060	
1J864-5660-0...13...130			1J871-3548-0...4...070			34070-4386-0...105...090			6C526-3091-0...45...030		
1J864-5663-0...13...150			1J871-3549-0...4...060			34070-7139-0...134...030			70451-5735-0...76...030		
1J864-5673-0...13...140			1J871-3563-0...9...150				135...030			77...030	
1J864-5700-3...16...070			1J871-3695-0...4...100			34220-3738-0...117...030				78...020	
1J864-5715-2...16...090			1J871-5101-0...14...020			34670-3453-0...53...030				79...070	
1J864-5721-0...13...160			1J871-5569-0...12...070			35430-2633-0...67...060			76700-3012-0...64...020		
	16...150		1J871-7428-0...10...240			35430-2634-0...67...050				64...030	
1J864-5739-0...16...130			1J872-9101-0...11...100			35430-2635-0...67...080					
1J864-5770-2...13...070			1J872-9102-0...5...070			36919-9234-0...66...060					
1J864-5771-0...13...080			1J872-9201-0...16...030			36920-4009-0...100...080					
1J864-5772-2...13...090			1J872-9665-0...16...040				101...080				
1J864-5792-0...13...120				16...045		37150-2155-1...63...200					
	16...120		1J873-1172-0...18...160				68...160				
1J864-5798-0...16...100			1J873-7326-0...18...180			37150-2176-0...68...080					
1J864-7292-0...18...100			1J873-7334-2...18...150			37150-2825-0...85...190					
1J864-7303-0...19...010			1J873-9627-0...4...050				86...190				
1J864-7332-0...4...250			1J878-2516-0...11...030			37300-2535-0...69...040					
1J864-7333-0...4...260			1J881-1511-0...8...020			37300-2643-0...67...100					
1J864-7334-0...5...020			1J881-1632-0...12...120			37300-2644-0...67...110					
	21...020		1J881-5175-0...12...020			37410-5261-0...122...080					
1J864-7336-0...5...090			1J881-9665-0...25...120			38240-1169-0...146...050					
	18...170		1J881-9730-0...12...110				146...120				
1J864-7343-0...19...020			1J884-0414-0...10...230				147...080				
1J864-9101-0...2...020			1J886-7270-0...18...020				147...170				
1J864-9103-2...4...220			1J887-5115-0...12...030			38240-2176-0...63...170					
1J864-9104-2...6...040			1J887-6442-0...18...010				68...220				
1J864-9152-2...13...180			30400-1521-0...27...040			38450-2198-0...68...050					